

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC **DỰ ÁN THCS KHU VỰC KHÓ KHĂN**
NHẤT GIAI ĐOẠN 2

TÀI LIỆU TẬP HUẤN
CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VỀ SINH HOẠT CỤM CHUYÊN MÔN
TRONG TRƯỜNG HỌC MỚI

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

LỚP 7

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 7/2016

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Phần thứ nhất	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC ĐỔI MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	1
A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	1
I. Mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông	1
II. Nội dung đổi mới và cấu trúc chương trình giáo dục phổ thông	2
III. Đổi mới phương pháp, hình thức và phương tiện dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông mới	3
IV. Đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông	4
V. Đổi mới quản lý thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	5
B. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	7
I. Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới	7
II. Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở	8
C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI	15
I. Khung kế hoạch chung đối với các môn học/hoạt động giáo dục lớp 7	15
II. Tài liệu Hướng dẫn học	17
III. Tổ chức dạy học	25
IV. Tiêu chí đánh giá hoạt động dạy học	30
V. Tổ chức lớp học	34
D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO	56
I. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	56
II. Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo	57
III. Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới trung học cơ sở	59
Đ. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI	59
I. Mục đích đánh giá	59

II. Nguyên tắc đánh giá	60
III. Nội dung đánh giá	60
IV. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ	61
V. Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng	65
VI. Hồ sơ đánh giá	66
VII. Sử dụng kết quả đánh giá	68
VIII. Tổ chức thực hiện	69
E. SINH HOẠT CỤM CHUYÊN MÔN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG “TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI”	70
I. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn	70
II. Sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học	74
III. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường	93
IV. Tham gia các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối”	98
G. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI	135
I. Trách nhiệm của sở Giáo dục và Đào tạo	135
II. Trách nhiệm của các phòng Giáo dục và Đào tạo	136
III. Trách nhiệm của hiệu trưởng	137
Phần thứ hai	
TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN KHTN LỚP 7 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI	
I. Vị trí, đặc điểm môn học	136
II. Chương trình môn học	138
III. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học theo chủ đề	142
Phụ lục	195

Phần thứ nhất
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG
VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC ĐỔI MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. Mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế xác định “*Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020.*”

Đối với mục tiêu cấp trung học cơ sở, học sinh được phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần trên cơ sở duy trì, tăng cường các phẩm chất và năng lực đã hình thành ở cấp tiểu học; được hoàn chỉnh cơ bản về học vấn phổ thông và phát triển nhân cách công dân; phát triển các tiềm năng sẵn có để có thể tiếp tục học trung học phổ thông, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành chỉ xây dựng chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ mà chưa xác định yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi cấp học. Hạn chế đó cũng thể hiện trong việc thiết kế nội dung, áp dụng hình thức và phương pháp giáo dục, đánh giá chất lượng giáo dục.

Chương trình giáo dục phổ thông đổi mới yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi cấp học (hay còn gọi là chuẩn đầu ra) của giáo dục phổ thông, là sự cụ thể hoá mục tiêu giáo dục trên hai phương diện phẩm chất và năng lực của học sinh, là kết quả đầu ra cần đạt để xác nhận trình độ học tập sau khi kết thúc mỗi cấp học; được sắp xếp theo một logic hợp lý, chi tiết đến cấp, lớp; làm cơ sở cho việc lựa chọn và cấu trúc nội dung khi biên soạn sách giáo khoa, xác định phương pháp và hình thức giáo dục.

Việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn trong quá trình giáo dục và kết thúc mỗi giai đoạn giáo dục (học kỳ, năm học, cấp học) được thực hiện thông qua nhận xét, đánh giá các biểu hiện về phẩm chất và năng lực của học sinh trong học tập, sinh hoạt và trong các bài thi, kiểm tra.

II. Nội dung đổi mới và cấu trúc chương trình giáo dục phổ thông

1. Nội dung đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

Theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, nội dung đổi mới chương trình giáo dục phổ thông bao gồm:

- Mục tiêu giáo dục phổ thông (chủ yếu là đổi mới cách tiếp cận và thực hiện mục tiêu) theo chương trình hai giai đoạn: mục tiêu giáo dục cơ bản và mục tiêu giáo dục định hướng nghề nghiệp;

- Nội dung giáo dục phổ thông;
- Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục;
- Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục.

2. Cấu trúc của chương trình giáo dục phổ thông mới

Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu: “Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng”.

Muốn thực hiện được yêu cầu này, giáo dục phổ thông sẽ được thực hiện trong 12 năm, cấu trúc gồm hai giai đoạn giáo dục: giai đoạn giáo dục cơ bản (gồm cấp tiểu học 5 năm và cấp trung học cơ sở 4 năm) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (cấp trung học phổ thông 3 năm).

- Giai đoạn giáo dục cơ bản đảm bảo cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, toàn diện với các khái niệm, nguyên lý khoa học khái quát, các phẩm chất và năng lực thiết yếu mà mọi người đều cần để có thể tiếp tục học lên hoặc

tham gia cuộc sống lao động xã hội, đặt nền móng cho quá trình học tập suốt đời; chuẩn bị tâm thế cho giai đoạn trưởng thành thích ứng với những thay đổi nhanh và nhiều mặt của xã hội tương lai đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở.

- Giáo dục định hướng nghề nghiệp bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng nhằm phân hoá theo mục tiêu phân luồng, định hướng nghề nghiệp, học sinh chỉ học một số ít môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc chung, còn lại được tự chọn các môn học, các chuyên đề học tập phù hợp với nguyện vọng, sở trường, năng lực từng người hướng vào các lĩnh vực nghề nghiệp tương lai. Đây là phương thức bảo đảm cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông có tiềm lực sẵn sàng trực tiếp lao động, học tiếp các ngành nghề đã định hướng trước. Như vậy, so với hiện nay học sinh trung học phổ thông sẽ được chuẩn bị tốt hơn những kiến thức, kỹ năng liên quan đến ngành nghề được đào tạo hoặc tham gia lao động xã hội và sẽ tạo thuận lợi cho học sinh Việt Nam theo học các chương trình đào tạo quốc tế.

III. Đổi mới phương pháp, hình thức và phương tiện dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông mới

Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.”

Từ yêu cầu đó, việc đổi mới phương pháp, hình thức và phương tiện dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ thực hiện theo định hướng sau:

1. Về phương pháp dạy học

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục/dạy học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, bồi dưỡng phương pháp tự học, hứng thú học tập, kỹ năng hợp tác, khả năng tư duy độc lập của người học. Học sinh tự tìm tòi kiến thức, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực thông qua các hoạt động học tập dưới sự chỉ đạo, tổ chức,

hướng dẫn của giáo viên; học sinh được trình bày và bảo vệ ý kiến của mình, được lắng nghe và phản biện ý kiến của bạn, nhất là khi tham gia các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo; khắc phục lối truyền đạt áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

2. Về hình thức dạy học

Khuyến khích và tạo điều kiện cho việc chuyển hình thức tổ chức giáo dục từ chủ yếu là dạy học trên lớp sang đa dạng hoá hình thức học tập, đồng thời với dạy học trên lớp phải chú trọng các hoạt động xã hội và nghiên cứu khoa học. Cân đối giữa dạy học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; giữa hoạt động tập thể, nhóm nhỏ và cá nhân; giữa dạy học bắt buộc và dạy học tự chọn để đảm bảo hiệu quả của việc giáo dục đạo đức, lối sống và rèn luyện kỹ năng của học sinh, vừa đảm bảo chất lượng giáo dục chung, vừa phát triển tiềm năng của cá nhân người học.

Cùng với dạy học trên lớp, coi trọng hơn các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo. Chú ý đến tính đặc thù của các lĩnh vực giáo dục khác nhau: lĩnh vực về học vấn, lĩnh vực về kỹ năng (ngoại ngữ, kỹ năng sống, kỹ năng tin học), lĩnh vực giáo dục năng khiếu (nghệ thuật, thể thao), lĩnh vực giáo dục giá trị sống.

3. Về phương tiện dạy học

Tăng cường hiệu quả của các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ đổi mới việc lựa chọn và thiết kế nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Tạo điều kiện cho học sinh được học tập qua các nguồn học liệu đa dạng, phong phú trong xã hội, nhất là qua Internet... Từ đó phát triển năng lực tự học và chuẩn bị tâm thế cho học tập suốt đời.

Trong những năm gần đây, việc đổi mới đồng bộ hình thức tổ chức, phương pháp dạy học và phương tiện dạy học đã bước đầu chuyển biến, đã khắc phục một phần những hạn chế và đặt cơ sở ban đầu cho những thay đổi mạnh mẽ trong thời gian tới.

IV. Đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông

Thi, kiểm tra, đánh giá có vai trò vừa tạo động lực, điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học, hoạt động quản lý giáo dục, vừa xác nhận sự tiến bộ và

thành tích học tập theo chuẩn đầu ra được quy định trong chương trình giáo dục. Vì vậy, đánh giá chất lượng giáo dục phải phản ánh mức độ đạt chuẩn chương trình (của cấp học, môn học); phải cung cấp thông tin đúng, khách quan, kịp thời cho việc điều chỉnh hoạt động dạy, hướng dẫn hoạt động học nhằm nâng cao dần năng lực học sinh.

Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng coi trọng phát triển năng lực học sinh. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội. Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực học sinh, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục ở cấp độ quốc gia, địa phương và đánh giá theo chương trình quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục.

Những năm gần đây, việc đánh giá kết quả giáo dục theo hướng coi trọng phát triển năng lực học sinh đã bước đầu thực hiện và đem lại hiệu quả tích cực như: đổi mới việc đánh giá học sinh tiểu học; đổi mới đánh giá đối với các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Ngoại ngữ, Tin học, Đạo đức - Giáo dục công dân cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; đổi mới thi tốt nghiệp và tuyển sinh đầu cấp;... đã đặt cơ sở cho việc đổi mới thi, kiểm tra đánh giá trong thời gian tới.

V. Đổi mới quản lý thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Luật Giáo dục quy định: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình; duyệt và quyết định chọn sách giáo khoa để sử dụng chính thức, ổn định, thống nhất trong giảng dạy, học tập ở các cơ sở giáo dục phổ thông. Trên thực tế, cả nước chỉ có một bộ sách giáo khoa. Điều này dẫn đến chưa huy động được sự sáng tạo phong phú của các tổ chức, cá nhân vào việc viết các sách giáo khoa khác nhau như ở hầu hết các nước hiện nay; sách giáo khoa không phù hợp với điều kiện cụ thể của một số vùng, miền; hạn chế tính năng động, sáng tạo của giáo viên và học sinh. Nhà

trường, giáo viên, học sinh chưa có kinh nghiệm và thói quen lựa chọn, sử dụng nhiều tài liệu dạy học khác nhau.

Trước thực trạng đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo thực nghiệm một số giải pháp như: giao quyền chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; thi khoa học kỹ thuật của học sinh trung học; thi dạy học theo chủ đề tích hợp dành cho giáo viên; thi vận dụng kiến thức liên môn giải quyết vấn đề thực tiễn dành cho học sinh; điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Ngoại ngữ, Tin học, Đạo đức - Giáo dục công dân,... Các giải pháp này đã bước đầu thành công và sẽ được tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình xây dựng chương trình mới.

Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu phải đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục. Đa dạng hoá nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các cấp học và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người; chương trình giáo dục và sách giáo khoa phải phù hợp với các vùng miền khác nhau của cả nước.

Nghị quyết số 88/2014/QH13 xác định: Chương trình giáo dục phổ thông phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nhà trường và khả năng tiếp thu của học sinh.

Thực hiện một chương trình giáo dục phổ thông thống nhất nhưng mềm dẻo, linh hoạt. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình giáo dục phổ thông, quy định những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi cấp học, những lĩnh vực và nội dung giáo dục bắt buộc đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc; Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương tổ chức biên soạn bổ sung những nội dung về đặc điểm lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời dành thời lượng cho cơ sở giáo dục chủ động vận dụng để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

Về sách giáo khoa, theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, sách giáo khoa cụ thể hóa các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông về nội dung giáo dục, yêu cầu về phẩm chất và năng lực học sinh; định hướng về phương pháp giáo dục và cách thức kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Thực hiện xã hội hóa biên soạn sách giáo khoa; có một số sách giáo khoa cho mỗi môn học.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chí đánh giá sách giáo khoa và phê duyệt sách giáo khoa được phép sử dụng trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa; hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Chính phủ ban hành cơ chế tài chính bảo đảm công bằng trong việc biên soạn và sử dụng sách giáo khoa.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông. Để chủ động triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức việc biên soạn một bộ sách giáo khoa. Bộ sách giáo khoa này được thẩm định, phê duyệt công bằng với các sách giáo khoa do tổ chức, cá nhân biên soạn.

Các cơ sở giáo dục phổ thông lựa chọn sách giáo khoa để sử dụng dựa trên ý kiến của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc quản lý chương trình giáo dục phổ thông sẽ được đổi mới theo định hướng dân chủ hóa, phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ để phát huy tính chủ động, sáng tạo phù hợp thực tế của các nhà trường, địa phương.

B. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới

Từ năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình trường học mới đối với cấp tiểu học với mục tiêu là đổi mới các hoạt động sư phạm trong nhà trường; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng qua tự học và hoạt động tập thể; phù hợp với điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam, đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục. Qua ba năm triển khai ở cấp tiểu học đã khẳng định trường học mới là một kiểu mô hình nhà trường phù hợp với mục tiêu đổi mới và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Đến năm học 2014-2015 đã có 1447 trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc có học sinh học hết lớp 5 theo mô hình này. Từ 1447 trường được hỗ trợ qua dự án, đã có nhiều trường tự đảm bảo các điều kiện để triển khai áp dụng mô hình trường học mới. Năm học 2015-2016, cả nước có trên 3700 trường tiểu học triển khai áp dụng mô hình này.

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, nhằm tạo điều kiện cho học sinh trung học cơ sở học theo mô hình trường học mới, nhất là những học sinh đã học theo mô hình trường học mới cấp tiểu học, trên cơ sở rút kinh nghiệm việc triển khai mô hình trường học mới cấp tiểu học, năm học 2014-2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum) triển khai thực nghiệm thành công mô hình trường học mới lớp 6. Từ năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực điểm mô hình trường học mới ở lớp 7 tại 6 tỉnh nói trên với các học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 6; đồng thời nhân rộng chương trình lớp 6 ra 62 tỉnh, thành phố trong cả nước với 1178 trường trung học cơ sở tham gia triển khai mô hình trường học mới. Đến nay đã có 1648 trường trung học cơ sở đăng ký thực hiện mô hình trường học mới lớp 6 và 1178 trường tiếp tục thực hiện mô hình trường học mới lớp 7 năm học 2016-2017.

II. Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở

Mô hình trường học mới trung học cơ sở được triển khai dựa trên định hướng đổi mới đồng bộ cách tiếp cận các thành tố đảm bảo chất lượng giáo dục trong nhà trường theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW bao gồm mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, điều kiện dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý quá trình giáo dục,...; trong đó tập trung vào đổi mới các hoạt động sư phạm. Học sinh không chỉ hoạt động lĩnh hội kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế sinh động, phát triển năng lực tự học, kỹ năng sống, tự phục vụ bản thân, tự quản tập thể, bồi dưỡng hứng thú học tập để học tập suốt đời, hướng học sinh đến sự phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực của học sinh. Mô hình trường học mới trung học cơ sở chú trọng phát huy năng lực riêng của từng học sinh, không ứng xử một cách đồng loạt bằng cách quan tâm đến từng học sinh ngay trong quá trình học, kịp thời động viên kết quả đạt được, phát hiện những điểm mạnh để khuyến khích, những khó khăn để hướng dẫn, trợ giúp; đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh theo yêu cầu giáo dục, không so sánh học sinh này với học sinh khác.

Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở so với mô hình trường học truyền thống là:

1. Về mục tiêu dạy học/giáo dục

Chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông hiện hành hướng tới mục tiêu đạt được về chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ mà chưa hướng tới phát triển về phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi lớp học/cấp học. Hạn chế đó cũng thể hiện trong việc thiết kế nội dung, áp dụng hình thức và phương pháp giáo dục, đánh giá chất lượng giáo dục.

Trong mô hình trường học mới, việc giáo dục/dạy học hướng tới phát triển về phẩm chất và năng lực của học sinh sau mỗi lớp học/cấp học; là sự cụ thể hoá mục tiêu giáo dục/dạy học trên hai phương diện phẩm chất và năng lực của học sinh, là kết quả đầu ra cần đạt để xác nhận trình độ học tập sau khi kết thúc mỗi lớp học/cấp học; làm cơ sở cho việc lựa chọn và cấu trúc nội dung khi biên soạn tài liệu, xác định phương pháp và hình thức giáo dục/dạy học.

Mô hình trường học mới định hướng hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: *Sống yêu thương; Sống tự chủ; Sống trách nhiệm*. Đồng thời hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực chung chủ yếu: *Năng lực tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực tính toán; Năng lực tin học*. Việc đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của học sinh được thực hiện thông qua nhận xét các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực (nêu tại các phụ lục đính kèm). Từng cấp học, lớp học đều có những yêu cầu riêng, cao hơn và bao gồm cả những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học trước đó về từng thành tố của các phẩm chất, năng lực. Mỗi môn học đều đóng góp vào việc hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Các năng lực đặc thù môn học thể hiện vai trò ưu thế của môn học.

2. Về kế hoạch, nội dung dạy học

2.1. Về kế hoạch dạy học, trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở hiện hành, tăng cường giao quyền chủ động cho các trường trung học cơ sở xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của mỗi trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

2.2. Về nội dung dạy học, tài liệu hướng dẫn học tập được biên soạn trên cơ sở Chương trình giáo dục và sách giáo khoa phổ thông hiện hành; thiết kế để học sinh tích cực tham gia hoạt động học (tự học, học cặp đôi, học nhóm, học cả lớp) dưới sự hướng dẫn của giáo viên; dùng chung cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Trong tài liệu, cấu trúc các hoạt động học tập theo các chủ đề; cung cấp kiến thức học kết hợp hướng dẫn phương pháp, hình thức học và phương pháp tư duy; nội dung học lồng ghép với các bước của các hoạt động học tập.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên có thể chủ động điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết, chú ý tận dụng được kinh nghiệm, vốn sống của học sinh để điều chỉnh các hoạt động, nhất là hoạt động khởi động, điều chỉnh một số câu hỏi/lệnh hỏi; một số ngữ liệu (văn bản, tranh ảnh minh họa, thiết bị dạy học,...); một số hoạt động trong tài liệu để dễ thực hiện.

Các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học và các chủ đề tích hợp, liên môn, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3. Về phương pháp và hình thức dạy học

3.1. Về phương pháp dạy học của giáo viên và học sinh trong mô hình trường học mới được thể hiện qua các đặc trưng cơ bản sau:

a) Dạy học thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập, từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn. Theo tinh thần này, dưới sự tổ chức, chỉ đạo và hướng dẫn của giáo viên, học sinh tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm. Học sinh được khuyến khích, tạo cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động theo nhóm và tự học. Từ đó, các em có thể khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng mới; đồng thời phát triển nhiều phẩm chất và năng lực quan trọng như: tính chủ động, tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập, năng lực tư duy phê phán và tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Giáo viên là người tổ chức và

chỉ đạo, học sinh tiến hành các hoạt động học tập như nhớ lại kiến thức cũ, phát hiện kiến thức mới, vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc tình huống thực tiễn,... Như vậy, trong mô hình trường học mới, hoạt động học của học sinh được coi là trung tâm của quá trình dạy học.

b) Chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc tài liệu học, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới,... Các tri thức phương pháp thường là những quy tắc, quy trình, phương thức hành động, tuy nhiên cũng cần coi trọng cả các phương pháp có tính chất dự đoán, giả định (ví dụ: phương pháp giải bài tập toán học,...). Cần rèn luyện cho học sinh các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự, quy lạ về quen... để dần hình thành và phát triển tiềm năng sáng tạo của họ.

c) Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác theo phương châm *“tạo điều kiện cho học sinh nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn”*. Điều đó có nghĩa, mỗi học sinh vừa cố gắng tự lực học tập một cách độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi kiến thức mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp thầy – trò và trò – trò nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

d) Chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình dạy học thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập. Chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh với nhiều hình thức như theo lời giải/đáp án mẫu, theo hướng dẫn, hoặc tự xác định tiêu chí để có thể phê phán, tìm được nguyên nhân và nêu cách sửa chữa các sai sót.

3.2. Về hình thức dạy học, cần đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông như: dạy học trực tuyến, trường học kết nối... Ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường. Khuyến khích tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động góp phần phát triển năng lực học sinh như: Văn hóa - văn nghệ, thể dục – thể thao; thi thí nghiệm - thực hành.

4. Về kiểm tra đánh giá: Việc đánh giá trong trường học mới đảm bảo các nguyên tắc:

- Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục trung học cơ sở; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.

- Chú trọng đánh giá thường xuyên, đa dạng hóa các hình thức và công cụ đánh giá: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

- Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

5. Về quản lý lớp học: Giáo viên duy trì một môi trường học tập cởi mở, thân thiện, hiệu quả và đóng vai trò là người hướng dẫn học, quan tâm đến sự khác biệt trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh. Thông qua tổ chức các hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh, góc học tập, góc cộng đồng,... và hoạt động nhóm để hỗ trợ tích cực cho học tập và giáo dục học sinh. Từ đó học sinh được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình; rèn luyện, phát triển khả năng giao tiếp và lãnh đạo; nâng cao các phẩm chất và phong cách con người.

6. Về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng: Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình được tham gia vào quá trình giáo dục và các dự án học tập tại cộng đồng.

Mục đích, nguyên tắc của việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng (chính quyền, các ngành, đoàn thể địa phương, các tổ chức

chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan) là:

- Phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như trong hoạt động giáo dục đa dạng nguồn lực xây dựng hệ thống và các cơ sở giáo dục “mở”, bảo đảm môi trường giáo dục tốt nhất cho từng học sinh.

- Phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng đảm bảo nguyên tắc chủ động, cộng đồng trách nhiệm, dân chủ, bình đẳng, hợp tác, chia sẻ.

6.1. Trách nhiệm của nhà trường trong việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng:

a) Trách nhiệm nhà trường trong việc phối hợp với gia đình học sinh:

- (i) Chủ động thông báo và tham vấn với tất cả cha mẹ học sinh về chủ trương, đường lối giáo dục của Đảng, của ngành và kế hoạch hoạt động của nhà trường về giáo dục học sinh và phát triển nhà trường.

- (ii) Công khai và tổ chức thực hiện những nội dung trong kế hoạch giáo dục của nhà trường và các hoạt động phối hợp với cha mẹ học sinh

- (iii) Trao đổi riêng với cha mẹ học sinh về tình hình học tập và rèn luyện của từng học sinh; thống nhất biện pháp giáo dục giữa gia đình và nhà trường; vận động gia đình đưa học sinh bỏ học trở lại lớp;

- (iv) Tư vấn cho cha mẹ việc giáo dục học sinh ở nhà và hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động của nhà trường. Tư vấn cho cha mẹ tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường và tạo điều kiện để cha mẹ đến lớp tìm hiểu và hỗ trợ học sinh học tập, rèn luyện;

- (v) Huy động và tạo điều kiện để cha mẹ học sinh tham gia xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo tính tự nguyện của người tham gia; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện tại địa phương và trong nhà trường;

- (vi) Sử dụng có hiệu quả các nguồn đóng góp của cha mẹ học sinh cho nhà trường, đảm bảo nguyên tắc công khai và quyền giám sát của cha mẹ học sinh.

b) Trách nhiệm nhà trường trong việc phối hợp với cộng đồng

- (i) Xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương; tổ chức việc phổ biến đường lối chính sách giáo dục của Đảng, Nhà

nước, của ngành; phổ biến các tri thức khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội, biện pháp giáo dục học sinh;

(ii) Tham mưu, đề xuất với chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường phát triển về quy mô, xây dựng cơ sở vật chất; tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường;

(iii) Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương như: tìm hiểu lịch sử, văn hóa địa phương, di sản văn hóa, di tích lịch sử; giáo dục giá trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, trải nghiệm sáng tạo, tham gia thực hiện các phong trào, các hoạt động của địa phương bằng hình thức và mức độ phù hợp;

(iv) Tiếp thu ý kiến phản hồi tích cực của cộng đồng về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

6.2 Trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng:

a) Trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp với nhà trường:

(i) Chủ động trao đổi với nhà trường về tình hình học tập, rèn luyện, sinh hoạt, tâm tư nguyện vọng của học sinh để cùng nhà trường kịp thời động viên, hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động giáo dục;

(ii) Tạo điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường và giúp đỡ học sinh vận dụng nội dung học tập vào thực tế cuộc sống;

(iii) Chủ động giáo dục học sinh ở nhà và có thể đến lớp hỗ trợ học sinh học tập, tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường;

(iv) Tham gia giúp đỡ học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận động học sinh bỏ học trở lại lớp;

(v) Tham gia tổ chức cho học sinh tìm hiểu lịch sử, văn hóa địa phương, di sản văn hóa, di tích lịch sử; giáo dục giá trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, trải nghiệm sáng tạo.

(vi) Tự nguyện đóng góp trí tuệ, công sức, kinh phí, vật chất phục vụ việc tăng cơ sở vật chất và các hoạt động giáo dục của nhà trường, thực hiện quyền giám sát để việc sử dụng các nguồn lực này có hiệu quả tốt.

b) Trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp với cộng đồng:

(i) Tham gia và tạo điều kiện cho con em được tham gia các hoạt động của cộng đồng với nội dung và hình thức phù hợp để giáo dục học sinh;

(ii) Chủ động đề xuất sự hỗ trợ từ cộng đồng trong việc giáo dục học sinh.

6.3. Trách nhiệm của cộng đồng trong việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng:

a) Trách nhiệm của cộng đồng trong việc phối hợp với nhà trường:

(i) Tham gia xây dựng và phát triển nhà trường về quy mô, cơ sở vật chất; hỗ trợ nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục giá trị, đạo đức, kỹ năng sống, truyền thống cho học sinh;

(ii) Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện tại địa phương; tham gia xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương;

(iii) Tạo điều kiện cho học sinh được tham gia các hoạt động xã hội của địa phương và cho học sinh sử dụng cơ sở vật chất của cộng đồng để học tập và rèn luyện;

(iv) Tham gia khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện;

(v) Phản hồi với nhà trường về các hoạt động giáo dục.

b) Trách nhiệm của cộng đồng trong việc phối hợp với gia đình:

(i) Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, Nhà nước, ngành, địa phương về giáo dục;

(ii) Quan tâm, hỗ trợ gia đình, đặc biệt gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong việc giáo dục học sinh, vận động và tạo điều kiện để học sinh đến trường;

(iii) Động viên và tạo điều kiện để gia đình cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương với hình thức và mức độ phù hợp.

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. Khung kế hoạch chung đối với các môn học/hoạt động giáo dục lớp 7

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền chủ động cho các trường thực hiện mô hình trường học mới xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung thời gian 37

tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD) lớp 7 như sau:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	4	140
5	Giáo dục công dân	1	35
6	Công nghệ	1,5	70
7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; Kỹ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương)	2	70

Tài liệu Hướng dẫn học các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng 2 tuần còn lại để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục học kỳ 1 và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; Hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng.

II. Tài liệu Hướng dẫn học

Các môn học lớp 7 theo mô hình trường học mới được thiết kế từ các môn học hiện hành trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành với việc tích hợp một số môn học theo định hướng mới: các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học tích hợp thành môn Khoa học tự nhiên; các môn Lịch sử, Địa lí tích hợp thành môn Khoa học xã hội; các môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật tích hợp thành Hoạt động giáo dục. Ngoài các môn ngoại ngữ được thực hiện theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", tài liệu Hướng dẫn học các môn học theo mô hình trường học mới được thiết kế, biên soạn lại trên cơ sở đảm bảo mục tiêu và nội dung của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm:

- Hướng dẫn học Toán lớp 7;
- Hướng dẫn học Ngữ văn lớp 7;
- Hướng dẫn học Khoa học tự nhiên lớp 7: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Vật lí, Hóa học và Sinh học lớp 7;
- Hướng dẫn học Khoa học xã hội lớp 7: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Địa lí và Lịch sử lớp 7;
- Hướng dẫn học Công nghệ lớp 7;
- Hướng dẫn học Tin học lớp 7;
- Hướng dẫn học Giáo dục công dân lớp 7;
- Hướng dẫn hoạt động giáo dục lớp 7: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Âm Nhạc, Mỹ thuật, Thể dục lớp 7.

Như vậy, so với quy định hiện hành, số lượng các môn học trong mô hình trường học mới giảm đi nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trường trung học cơ sở hiện hành, tăng cường vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; đồng thời khắc phục được sự trùng lặp về nội dung trong nội bộ môn học cũng như trùng lặp giữa các môn học như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học theo các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, quá trình dạy học theo mô hình trường học mới, học sinh được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Về nội dung, tài liệu Hướng dẫn học các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự lực của học sinh. Hoạt động học mỗi chủ đề có thể và cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Hoạt động giáo dục, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

- Về phương pháp dạy học, tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kỹ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, học sinh được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.

- Về đánh giá, mỗi hoạt động học của học sinh được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập;

nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của học sinh, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của học sinh.

2. Yêu cầu chung về thiết kế bài học

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học trong mô hình trường học mới, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kĩ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Chuỗi hoạt động học của học sinh thể hiện rõ tiến trình sự phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của học sinh theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kĩ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kĩ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng mới; vận dụng kiến thức, kĩ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

b) Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Mỗi bài học có thể được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số hoạt động học trong tiến trình bài học theo phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

c) Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

d) Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học

tập mà học sinh đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh.

3. Thiết kế bài học

Theo nguyên tắc và yêu cầu nói trên, mỗi bài học theo mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở đều được thiết kế thành các hoạt động học theo tiến trình của các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với từng môn học/hoạt động giáo dục. Dưới đây trình bày rõ bản chất từng hoạt động (trong 5 hoạt động của bài học) cần được vận dụng linh hoạt, phù hợp với đặc thù môn học:

a) Hoạt động khởi động: Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/nhiệm vụ trong hoạt động khởi động là những câu hỏi/vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. *Kết thúc hoạt động này, giáo viên không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp học sinh phát biểu được vấn đề để học sinh chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kỹ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.*

b) Hoạt động hình thành kiến thức: Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân. Giáo viên giúp học sinh xây dựng được những kiến thức mới thông qua các hoạt động khác nhau như: nghiên cứu tài liệu; tiến hành thí nghiệm, thực hành; hoạt động trải nghiệm sáng tạo... *Kết thúc hoạt động này, trên cơ sở kết quả hoạt động học của học sinh thể hiện ở các sản phẩm học tập mà học sinh hoàn thành, giáo viên cần chốt kiến thức mới để học sinh chính thức ghi nhận và vận dụng.*

c) Hoạt động luyện tập: Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Trong hoạt động này, học sinh được yêu cầu áp dụng trực tiếp kiến thức vào giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề trong học tập. *Kết thúc hoạt động này, nếu cần, giáo viên*

có thể lựa chọn những vấn đề cơ bản về phương pháp, cách thức giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề để học sinh ghi nhận và vận dụng, trước hết là vận dụng để hoàn chỉnh câu trả lời/giải quyết vấn đề đặt ra trong "Hoạt động khởi động".

d) Hoạt động vận dụng: Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để phát hiện và giải quyết các tình huống/vấn đề trong cuộc sống ở gia đình, địa phương. Giáo viên cần gợi ý học sinh về những hoạt động, sự kiện, hiện tượng cần quan sát trong cuộc sống hàng ngày, mô tả yêu cầu về sản phẩm mà học sinh cần hoàn thành để học sinh quan tâm thực hiện. *Hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả học sinh phải tham gia. Tuy nhiên, giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những học sinh có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.*

e) Hoạt động tìm tòi mở rộng: Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh không bao giờ dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học, ham mê học tập suốt đời. Giáo viên cần khuyến khích học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau. *Cũng như "Hoạt động vận dụng", hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả học sinh phải tham gia. Tuy nhiên, giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những học sinh có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.*

4. Tiêu chí đánh giá thiết kế bài học

Tiêu chí đánh giá kế hoạch bài học theo mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở được vận dụng theo các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học trong Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014. Kế hoạch và tài liệu dạy học được đánh giá theo các tiêu chí về: *phương pháp dạy học tích cực; kỹ thuật tổ chức hoạt động học; thiết bị dạy học và học liệu; phương án kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh.*

Tiêu chí	Mức độ		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.	Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu nhằm huy động kiến thức/kĩ năng đã có của học sinh để chuẩn bị học kiến thức/kĩ năng mới nhưng chưa tạo được mâu thuẫn nhận thức để đặt ra vấn đề/câu hỏi chính của bài học.	Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng đã có của học sinh; tạo được mâu thuẫn nhận thức.	Tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu gần gũi với kinh nghiệm sống của học sinh và chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng cũ; đặt ra được vấn đề/câu hỏi chính của bài học.
	Kiến thức mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới.	Kiến thức mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu.	Kiến thức mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gần gũi với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học.

	Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức mới học nhưng chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập.	Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể.	Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể.
	Có yêu cầu học sinh liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng/mở rộng mà học sinh phải thực hiện.	Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng/mở rộng mà học sinh phải thực hiện.	Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng/mở rộng.
Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .	Mục tiêu của mỗi hoạt động học và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động của học sinh/nhóm học sinh nhằm hoàn thành sản phẩm học tập đó.	Mục tiêu và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả rõ ràng; phương thức hoạt động học được tổ chức cho học sinh được trình bày rõ ràng, cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.	Mục tiêu, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức hoạt động học được tổ chức cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.
Mức độ	Thiết bị dạy học và	Thiết bị dạy học và	Thiết bị dạy học và

phù hợp của <i>thiết bị dạy học</i> và <i>học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh.	học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà học sinh hành động với thiết bị dạy học và học liệu đó.	học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.	học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kỹ thuật học tích cực được sử dụng.
Mức độ hợp lý của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh.	Phương thức đánh giá sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa có phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của học sinh.	Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học	Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học.

III. Tổ chức dạy học

1. Phương thức tổ chức hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động cá nhân là hoạt động yêu cầu học sinh thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập. Loại hoạt động này nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của học sinh. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. Giáo viên cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của học sinh sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kỹ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm là những hoạt động nhằm giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/ nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp là hình thức hoạt động phù hợp với số đông học sinh. Đây là hình thức nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe giáo viên hướng dẫn chung; nghe giáo viên nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; học sinh luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, giáo viên tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của học sinh trong mối tương tác với xã hội. Hoạt động với cộng đồng bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương,...

2. Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới

- Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới trung học cơ sở được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh.

- Trong quá trình học tập, học sinh được tham gia đánh giá, tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.

- Thông qua đánh giá quá trình, giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

- Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng được tham gia vào quá trình đánh giá học sinh, tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của học sinh trong học tập trong lớp, trong trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các học sinh với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên - học sinh, học sinh - học sinh, gia đình - nhà trường - xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

Mục tiêu, nguyên tắc đánh giá, nội dung, quy trình tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo mô hình trường học mới xem mục Đ.

3. Tiến trình tổ chức hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực như trong mô hình trường học mới, hoạt động học của học sinh trong mỗi giờ học thường được tổ chức một cách linh hoạt giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp. *Nếu điều kiện về không gian lớp học cho phép để bố trí học sinh ngồi theo nhóm từ 4 - 6 học sinh thì việc tổ chức các phương thức hoạt động học khác nhau của học sinh trong mỗi giờ học có thể được thực hiện một cách linh hoạt, thuận lợi. Trong trường hợp không gian lớp học không cho phép bố trí học sinh ngồi theo nhóm, học sinh vẫn ngồi theo lớp học truyền thống thì việc tổ chức hoạt động học của học sinh theo mô hình trường học mới vẫn có thể được tổ chức một cách hiệu quả, trong đó hoạt động học theo nhóm được thay bằng hoạt động cặp đôi; hoạt động cá nhân và hoạt động toàn lớp vẫn được thực hiện như khi bố trí học sinh ngồi theo nhóm.*

Trong trường hợp được bố trí ngồi theo nhóm thì học sinh không phải lúc nào cũng hoạt động học theo nhóm mà phải thường xuyên làm việc cá nhân trước khi tiến hành thảo luận theo cặp và theo nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và việc thiết kế hoạt động của giáo viên.

- *Làm việc cá nhân:* Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp học sinh có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, học sinh có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ giáo viên hỗ trợ.

- *Làm việc theo cặp (2 học sinh)*: Tùy theo hoạt động học tập, có lúc học sinh sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. Giáo viên lưu ý cách chia nhóm sao cho không học sinh nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, giáo viên phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả học sinh đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp học sinh tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

- *Làm việc chung cả nhóm*: Trong các giờ học có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi học sinh tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó; hoặc là học sinh trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng,... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này dễ phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là học sinh cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

Để hoạt động nhóm đạt hiệu quả, mỗi nhóm tốt nhất nên chỉ có 4-6 học sinh; mỗi lớp không nhất thiết chỉ tổ chức thành 6 nhóm.

- *Làm việc cả lớp*: Kết thúc "Hoạt động hình thành kiến thức", thông thường cần tổ chức hoạt động chung cả lớp để học sinh được trình bày, thảo luận về kết quả hoạt động nhóm; giáo viên chốt kiến thức cho học sinh ghi nhận và vận dụng. Trong quá trình tổ chức "Hoạt động luyện tập", nếu phát hiện học sinh có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều học sinh không thể vượt qua, giáo viên có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn chưa thống nhất hoặc chưa rõ.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm hay toàn lớp phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này,

giáo viên không nên luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình thực tế, giáo viên có thể điều chỉnh một cách linh hoạt, tạo hứng thú cho học sinh trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học.

4. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm. Cụ thể là:

a) Cá nhân: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ học tập, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của giáo viên.

Mỗi học sinh cần phải được hướng dẫn cụ thể để biết ghi chép những kết quả học tập của mình vào vở học tập, thể hiện ở câu trả lời cho câu hỏi/lời giải của các bài tập/kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) Nhóm trưởng: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận để thực hiện nhiệm vụ học tập; thay mặt nhóm để liên hệ với giáo viên và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm.

c) Thư kí của nhóm: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; ghi chép lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm để trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp.

d) Vai trò của giáo viên:

Khi tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên thực hiện vai trò sau:

- Giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

- Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho từng học sinh và cả nhóm. Khi giúp đỡ học sinh, cần gợi mở để học sinh tự lực hoàn thành nhiệm vụ; khuyến khích để học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập; kết hợp nhận xét, đánh giá bằng lời nói; trong mỗi giờ học cần tranh thủ ghi nhận xét, đánh giá (có thể cho điểm để học sinh biết được năng lực của mình đang ở đâu) vào vở học của một số học sinh và luân phiên để mỗi học sinh được ghi từ 2-4 lần trong mỗi học kì (thay cho việc kiểm tra miệng, 15 phút, 45 phút trước đây);

giao thêm nhiệm vụ cho những học sinh hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...). Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn giáo viên.

- Nhận thức đúng và hướng dẫn tốt việc ghi bài của học sinh; hướng dẫn học sinh ghi tóm tắt kết quả hoạt động cá nhân và kết quả thảo luận nhóm vào vở; không được đọc cho học sinh ghi bài, không yêu cầu học sinh chép lại toàn bộ nội dung bài học trong tài liệu Hướng dẫn học.

5. "Sổ tay lên lớp" của giáo viên

Mô hình trường học mới không yêu cầu giáo viên soạn giáo án, vì tài liệu Hướng dẫn học đã hướng dẫn chi tiết các hoạt động. Song giáo viên cần phải chuẩn bị bài dạy, dự kiến tình huống lên lớp, điều chỉnh các hoạt động khi thấy cần thiết, bổ sung thông tin cho phù hợp với đối tượng học sinh, ghi chép những nội dung cần điều chỉnh trong tài liệu, ghi chép lại các thắc mắc của học sinh và cha mẹ học sinh về nội dung bài học, ghi chép những điều cần lưu ý liên quan đến học sinh,... Các nội dung đó được ghi chép vào "Sổ tay lên lớp" (ghi chép cá nhân), các cấp quản lý không kiểm tra nội dung ghi chép trong "Sổ tay lên lớp" của giáo viên.

IV. Tiêu chí đánh giá hoạt động dạy học

Việc đánh giá về hoạt động của giáo viên và học sinh được thực hiện dựa trên thực tế dự giờ theo các tiêu chí dưới đây.

1. Hoạt động của giáo viên

Tiêu chí	Mức độ		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương	Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, sản phẩm học tập phải hoàn thành, đảm bảo cho phần lớn học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ phải thực hiện.	Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng; đảm	Câu hỏi/lệnh rõ ràng về mục tiêu, sản phẩm học tập, phương thức hoạt động gắn với thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng;

pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập.		bảo cho hầu hết học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.	đảm bảo cho 100% học sinh nhận thức đúng nhiệm vụ và hăng hái thực hiện.
Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh.	Theo dõi, bao quát được quá trình hoạt động của các nhóm học sinh; phát hiện được những nhóm học sinh yêu cầu được giúp đỡ hoặc có biểu hiện đang gặp khó khăn.	Quan sát được cụ thể quá trình hoạt động trong từng nhóm học sinh; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể mà nhóm học sinh gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Quan sát được một cách chi tiết quá trình thực hiện nhiệm vụ đến từng học sinh; chủ động phát hiện được khó khăn cụ thể và nguyên nhân mà từng học sinh đang gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.	Đưa ra được những gợi ý, hướng dẫn cụ thể cho học sinh/nhóm học sinh vượt qua khó khăn và hoàn thành được nhiệm vụ học tập được giao.	Chỉ ra cho học sinh những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát để nhóm học sinh tiếp tục hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.	Chỉ ra cho học sinh những sai lầm có thể đã mắc phải dẫn đến khó khăn; đưa ra được những định hướng khái quát; khuyến khích được học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh.	Có câu hỏi định hướng để học sinh tích cực tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm học tập lẫn nhau trong nhóm hoặc toàn lớp; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo học sinh tiếp thu, ghi nhận.	Lựa chọn được một số sản phẩm học tập của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập được đồng đạo học sinh tiếp thu, ghi nhận.	Lựa chọn được một số sản phẩm học tập điển hình của học sinh/nhóm học sinh để tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau; câu hỏi định hướng của giáo viên giúp hầu hết học sinh tích cực tham gia thảo luận, tự đánh giá và hoàn thiện được sản phẩm học tập của mình và của bạn.
--	---	--	---

2. Hoạt động của học sinh

Tiêu chí	Mức độ		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.	Nhiều học sinh tiếp nhận đúng nhiệm vụ và sẵn sàng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên vẫn còn một số học sinh bộc lộ chưa hiểu rõ nhiệm vụ học tập được giao.	Hầu hết học sinh tiếp nhận đúng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên còn một vài học sinh bộc lộ thái độ chưa tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.	Tất cả học sinh tiếp nhận đúng và hăng hái, tự tin trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.	Nhiều học sinh tỏ ra tích cực, chủ động hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; tuy nhiên, một số học sinh có biểu hiện dựa dẫm, chờ đợi, ỷ lại.	Hầu hết học sinh tỏ ra tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập; còn một vài học sinh lúng túng hoặc chưa thực sự tham gia vào hoạt động nhóm.	Tất cả học sinh tích cực, chủ động, hợp tác với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhiều học sinh/nhóm tỏ ra sáng tạo trong cách thức thực hiện nhiệm vụ.
Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.	Nhiều học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; tuy nhiên, nhiều nhóm thảo luận chưa sôi nổi, tự nhiên, vai trò của nhóm trưởng chưa thật nổi bật; vẫn còn một số học sinh không trình bày được quan điểm của mình hoặc tỏ ra không hợp tác trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.	Hầu hết học sinh hăng hái, tự tin trình bày, trao đổi ý kiến/quan điểm của cá nhân; đa số các nhóm thảo luận sôi nổi, tự nhiên; đa số nhóm trưởng đã biết cách điều hành thảo luận nhóm; nhưng vẫn còn một vài học sinh không tích cực trong quá trình làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.	Tất cả học sinh tích cực, hăng hái, tự tin trong việc trình bày, trao đổi ý kiến, quan điểm của cá nhân; các nhóm thảo luận sôi nổi, tự nhiên; các nhóm trưởng đều tỏ ra biết cách điều hành và khái quát nội dung trao đổi, thảo luận của nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập.
Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.	Nhiều học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; tuy	Đa số học sinh trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; song vẫn	Tất cả học sinh đều trả lời câu hỏi/làm bài tập đúng với yêu cầu của giáo viên về thời gian, nội dung và cách thức trình bày; nhiều câu trả

	nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa hoặc không hoàn thành hết nhiệm vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ còn chưa chính xác, phù hợp với yêu cầu.	còn một vài học sinh trình bày/điển đạt kết quả chưa rõ ràng do chưa nắm vững yêu cầu.	lời/đáp án mà học sinh đưa ra thể hiện sự sáng tạo trong suy nghĩ và cách thể hiện.
--	---	--	---

V. Tổ chức lớp học

1. Số lượng học sinh/lớp và số buổi học/tuần

a) Số lượng học sinh/lớp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tối đa là 45 học sinh/lớp. Khuyến khích các trường tùy theo điều kiện thực tế giảm sĩ số học sinh/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới.

b) Chương trình dạy học theo mô hình trường học mới trung học cơ sở được thiết kế cho đối tượng học sinh học 1 buổi/ngày. Khuyến khích các trường dạy hơn 6 buổi/tuần bằng các biện pháp tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài lớp học. Việc tổ chức dạy học hơn 6 buổi/tuần cho các lớp học mô hình trường học mới (nếu có) được vận dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách phù hợp.

2. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lý, Hóa học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lý trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong môn Hoạt động giáo dục) do giáo viên bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để

Hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên thực hiện, nếu có chủ đề chung của các phân môn thì phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy.

3. Về bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các lớp học theo mô hình trường học mới cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ... để tổ chức các hoạt động học tập. Căn cứ vào tiến trình dạy học của từng chủ đề cụ thể theo tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD, giáo viên đăng kí sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ..., đồng thời động viên giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho học sinh.

Cần linh hoạt trong việc sử dụng các thiết bị, thí nghiệm mà tài liệu Hướng dẫn học đã gợi ý, sao cho phù hợp với thực tiễn dạy học ở địa phương, sử dụng nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để thực hiện các thí nghiệm thực hành, đồng thời giúp học sinh hình thành ý thức thường xuyên liên hệ kiến thức được học với thực tế đời sống

4. Hội đồng tự quản học sinh

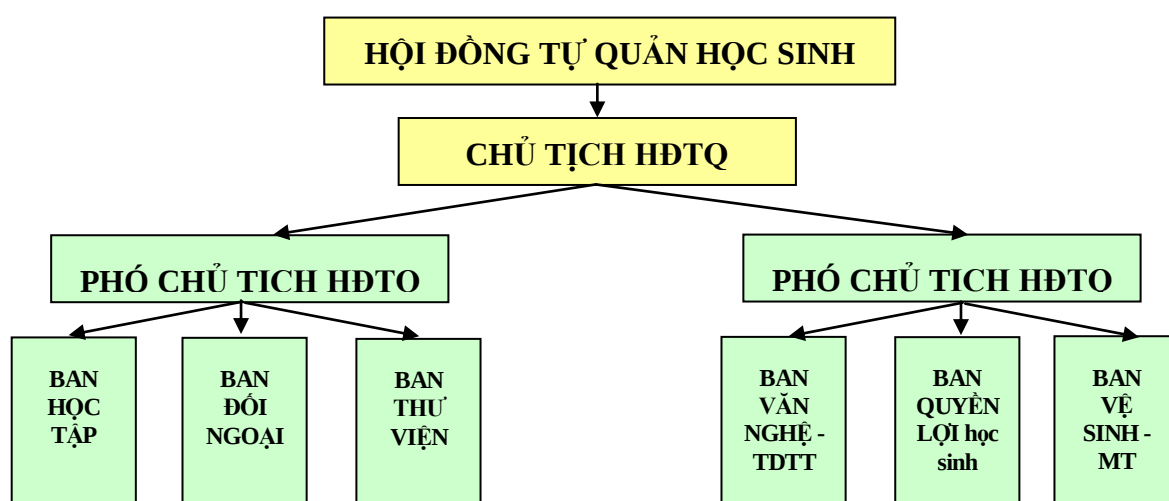
4.1. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh

Hội đồng tự quản học sinh là một tổ chức của học sinh, do học sinh thành lập ở từng lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính các em; bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường và phát triển lòng khoan dung, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết cho học sinh.

Tổ chức Hội đồng tự quản học sinh là một biện pháp giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển về đạo đức, tình cảm và xã hội của học sinh thông qua những kinh nghiệm hoạt động thực tế của học sinh trong nhà trường và mối quan hệ với những người xung quanh. Tham gia Hội đồng tự quản học sinh, học sinh sẽ có những tiến bộ rõ rệt về khả năng tự ý thức, lòng tự trọng, tính tự tin, các hành vi cư xử tôn trọng và bình đẳng giữa học sinh nam và học sinh nữ; phát triển kỹ năng ra quyết định, kỹ năng hợp tác và kỹ năng lãnh đạo đồng thời cũng chuẩn bị cho các em ý thức trách nhiệm khi thực hiện những quyền và bổn phận của mình.

Các hoạt động của HĐTQ giúp học sinh tham gia một cách dân chủ tích cực vào quá trình học tập và giáo dục học sinh. *HĐTQ không làm thay công việc của giáo viên trong các giờ học mà chỉ tổ chức các hoạt động bổ trợ ngoài giờ lên lớp như: chia sẻ, tìm hiểu các sản phẩm học tập trong "Hoạt động vận dụng" và "Hoạt động tìm tòi mở rộng" của học sinh trong lớp theo yêu cầu của giáo viên; các hoạt động sinh hoạt tập thể trong và ngoài giờ lên lớp ở lớp và ở trường; hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm quản lí lớp học thông qua việc theo dõi, quản lí, sử dụng các công cụ hỗ trợ đang có trong lớp; truyền đạt với giáo viên ý kiến phản ánh của học sinh trong lớp...*

Sơ đồ dưới đây là một ví dụ về Hội đồng tự quản học sinh.



4.2. Quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh

a) Chuẩn bị thành lập Hội đồng tự quản học sinh

Quá trình tiến hành thành lập Hội đồng tự quản học sinh nhất thiết phải có sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh với vai trò là người cố vấn khích lệ, hỗ trợ, giám sát và cung cấp nguồn lực cho các em. Giáo viên chủ nhiệm cần thông báo trước cho cha mẹ học sinh về việc thành lập Hội đồng tự quản học sinh để bất kì mối lo ngại, băn khoăn nào cũng sẽ được nêu lên ngay từ đầu chứ không phải trong một vài tuần đầu khi Hội đồng tự quản học sinh đã đi vào hoạt động, bởi vì những tuần đầu tiên là thời điểm mà hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh dễ bị “trục trặc” nhất. Giáo viên chủ nhiệm cũng phải chuẩn bị để thích ứng dần với vai trò hỗ trợ, định hướng của mình, khi học sinh được tin tưởng trao quyền chủ động hơn.

Học sinh nên được tạo cơ hội thảo luận cùng nhau về các vấn đề thế nào

là Hội đồng tự quản học sinh? Mục đích thành lập Hội đồng tự quản học sinh là gì? Vì sao học sinh nên tham gia Hội đồng tự quản học sinh? Những lợi ích có thể có của Hội đồng tự quản học sinh tới cuộc sống của chính các em trong nhà trường? Những vai trò, trách nhiệm mà các em sẽ gánh vác?

Giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh trao đổi về kế hoạch hoạt động (nội dung, cách thức hoạt động) của Hội đồng tự quản học sinh; các ban chuyên trách có thể thành lập và nhiệm vụ của các ban; tiêu chuẩn học sinh được tham gia vào các ban; kế hoạch bầu cử,...

b) Tiến hành sinh hoạt tập thể để tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh

b1. Hoạt động chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi đã hoàn thành bước chuẩn bị về tư tưởng cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thảo luận về cơ cấu của Hội đồng tự quản học sinh. Thông thường là 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch. Tuy nhiên, số lượng phó chủ tịch có thể khác nhau tùy vào đặc điểm của từng lớp. Với sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm, học sinh trao đổi về những phẩm chất, năng lực cần có của các bạn trong Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý sử dụng những ngôn từ đơn giản, dễ hiểu cho học sinh.

Sau đó, học sinh lập danh sách ứng cử (những học sinh tự nguyện đăng kí) và danh sách đề cử (những bạn được các bạn khác tín nhiệm giới thiệu).

Học sinh tiến hành bầu ban kiểm phiếu gồm trưởng ban và một số các thành viên tùy vào số lượng học sinh của lớp. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý hướng dẫn kĩ cách làm việc của ban kiểm phiếu: chuẩn bị phiếu bầu (có thể phải có dấu hiệu gì đó để đảm bảo là phiếu của ban kiểm phiếu phát ra như chữ kí của trưởng ban kiểm phiếu hay của giáo viên chủ nhiệm), cách ghi phiếu bầu, kiểm phiếu bầu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Các ứng viên sẽ có thời gian để chuẩn bị phần tranh cử của mình. Đây là một hoạt động quan trọng nhằm tạo điều kiện cho học sinh được cảm thấy sự dân chủ, công bằng, bình đẳng và được học cách thuyết trình trước đám đông. Học sinh có thể nhờ tới sự tư vấn, hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các bạn học trong việc chuẩn bị tranh cử. Bài tranh cử của học sinh cần có những nội dung như: Giới thiệu về bản thân, những mong muốn của em về lớp học, những việc em sẽ làm nếu em trở thành Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh,... Những lời hứa này phải khả thi.

Với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, một học sinh sẽ được hướng dẫn trước để điều khiển quá trình bầu cử.

b2. Tổ chức bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Việc tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh cần được tiến hành đúng quy trình, dân chủ, tự nguyện và hấp dẫn như một ngày hội.

- Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh:

Học sinh điều khiển quá trình bầu cử thông qua nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh và tiêu chuẩn nhân sự.

Các ứng viên sẽ lần lượt tranh cử bằng các bài thuyết trình đã được chuẩn bị trước. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý không để học sinh cầm giấy đọc mà để các em chủ động thể hiện khả năng thuyết trình của mình.

Sau khi các ứng viên đã thuyết trình xong, ban kiểm phiếu làm việc (phát phiếu bầu, thu phiếu, kiểm phiếu). Các học sinh có số phiếu cao nhất từ trên xuống sẽ trúng cử vào vị trí Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh ra mắt cả lớp.

- Thành lập các ban chuyên trách:

Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh giới thiệu với cả lớp về mục đích thành lập các ban chuyên trách như: Ban học tập; Ban thư viện; Ban văn nghệ, thể thao; Ban đối ngoại; Ban vệ sinh; Ban hoà giải,... và nhiệm vụ của mỗi ban.

Sau khi cả lớp đã thống nhất và quyết định thành lập một số ban nào đó trong lớp, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch cho các bạn trong lớp tự nguyện đăng kí tham gia các ban. Nên khuyến khích mỗi học sinh trong lớp đều tham gia ít nhất một ban. Với những học sinh không đăng kí tham gia một ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể dành thời gian để tìm hiểu sở thích, nguyện vọng của các em đó để tư vấn đúng hướng hoặc nhờ tới sự trợ giúp của cha mẹ học sinh và các bạn trong lớp. Trong trường hợp vẫn còn một số học sinh do nhút nhát không tự đăng kí vào bất cứ ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể thành lập riêng một ban dành cho các em và gọi là Ban hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm cần trực tiếp hỗ trợ, động viên và tổ chức cho học sinh, cho cha mẹ học sinh giúp đỡ từng em trong Ban, tạo điều kiện cho từng em làm giúp thầy cô một số công việc trên lớp để các em mạnh dạn dần, đến khi các em chủ động đăng kí

vào một ban nào đó.

Sau khi học sinh đã đăng kí xong vào các ban, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh cùng giáo viên chủ nhiệm thống nhất danh sách các ban, có thể vận động một số học sinh chuyển sang ban khác nếu cần thiết để có sự điều chỉnh hợp lý đối với từng ban. Tiếp theo, các ban sẽ tổ chức bầu Trưởng ban. Dưới sự điều khiển của Trưởng ban, các thành viên cùng lập kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc tất cả các thành viên trong ban cùng tham gia hoạt động. Để giúp các ban hoạt động hiệu quả, mỗi ban nên có sự hỗ trợ, tư vấn của cha mẹ học sinh và giáo viên chủ nhiệm. Lưu ý là ở mỗi ban, các học sinh trong ban có nhiệm vụ đề xuất hoạt động và theo dõi việc thực hiện hoạt động đề ra. Các hoạt động này không phải chỉ do các bạn trong ban thực hiện mà cần có sự tham gia của học sinh cả lớp. Do vậy, quá trình thực hiện các hoạt động cũng giúp bản thân học sinh tự hiểu được mình phù hợp với ban nào và giúp giáo viên chủ nhiệm tư vấn đúng cho học sinh trong việc chuyển đổi ban. Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh phân công các Phó chủ tịch nhận trách nhiệm phụ trách các ban trong lớp theo khả năng và nguyện vọng của các Phó chủ tịch.

Một số lưu ý:

- Hội đồng tự quản học sinh có thể thay đổi để đảm bảo tất cả học sinh trong lớp đều có cơ hội được tham gia và trải nghiệm. Thời gian thay một hay toàn bộ các thành viên nòng cốt tùy thuộc vào tình hình mỗi lớp học. Giáo viên chủ nhiệm cần nói rõ điều này ngay từ đầu để tránh cho học sinh khỏi những cảm xúc tiêu cực khi không được tham gia các vai trò quan trọng nữa.

- Nhìn chung, quá trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh nên cố gắng bám sát thực tiễn bầu cử của đất nước và địa phương để giúp học sinh hiểu được quá trình bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Trong quá trình thành lập, giáo viên chủ nhiệm nên khuyến khích học sinh có những biện pháp, ý tưởng mới của chính các em. Học sinh và giáo viên chủ nhiệm cùng tổ chức quá trình bầu cử. Cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng có thể được mời tham gia với tư cách quan sát viên.

4.3. Tăng cường năng lực cho Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi Hội đồng tự quản học sinh của lớp được thành lập, giáo viên chủ nhiệm cần bồi dưỡng những kỹ năng hoạt động cần thiết cho Hội đồng tự quản học sinh, các kỹ năng cần có của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban.

Để Hội đồng tự quản học sinh hoạt động có hiệu quả, giáo viên chủ nhiệm nên vận dụng kinh nghiệm của bản thân, của đồng nghiệp để hướng dẫn tổ chức hoạt động cho Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm có thể thực hiện những công việc sau:

- Hợp với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban để giúp các em lập kế hoạch hoạt động cho từng ban một các thực tế và khả thi.

- Thường xuyên rút kinh nghiệm về nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh với sự tham gia của học sinh và cha mẹ học sinh trong lớp.

- Thường xuyên giám sát, hỗ trợ Hội đồng tự quản học sinh, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều học sinh mạnh dạn tham gia ứng cử vào Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm nên chủ động thực hiện các hoạt động mẫu để hướng dẫn các em làm quen và dễ dàng thực hiện; cần kiên trì hướng dẫn, trân trọng từng hoạt động của học sinh.

- Luôn làm mới Hội đồng tự quản học sinh về nội dung và cơ cấu tổ chức nhân sự, mỗi năm học cần kiện toàn tổ chức Hội đồng tự quản học sinh ít nhất 2 lần.

- Theo dõi, đánh giá học sinh và ghi nhật kí đánh giá. Thực hiện đánh giá và khen thưởng kịp thời cuối học kì, cuối năm học và khen thưởng đột xuất với những cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả tốt cho Hội đồng tự quản học sinh.

4.4. Một số hoạt động do Hội đồng tự quản học sinh tổ chức

Để Hội đồng tự quản học sinh biết cách chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục và các sinh hoạt vui chơi khác, bên cạnh các công cụ hỗ trợ trong lớp học, giáo viên cần giới thiệu cho học sinh một số hoạt động và hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động đó để các em có thể thực hiện tốt vai trò “tự quản” của mình. Căn cứ vào nội dung học tập, vui chơi và tình hình lớp học, Hội đồng tự quản học sinh dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ lựa chọn các hoạt động phù hợp và tổ chức một cách có hiệu quả các hoạt động học tập, hoạt động hỗ trợ quá trình học tập, hoạt động vui chơi... tránh hình thức và lặp đi lặp lại quá nhiều.

Một số hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh đã được thử nghiệm và khẳng định là hữu ích cho công tác quản lí ở lớp học, trường học bao gồm:

a) Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động quản lí lớp học

- *Mục đích:* Hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm về quản lí lớp học; quản lí các hoạt

động vui chơi; tổ chức các hoạt động nhóm; tự tổ chức các hoạt động giáo dục; truyền đạt ý kiến phản ánh của học sinh trong lớp. Những hoạt động trên giúp học sinh phát triển sự tự giác, chủ động khi tham gia các hoạt động của lớp; tạo cơ hội cho học sinh cảm nhận được mình là một phần của tập thể và có trách nhiệm để tập thể đó hoạt động và phát triển tốt; phát huy sự sáng tạo và để các học sinh có điều kiện được hỗ trợ lẫn nhau.

- *Cách tiến hành:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh trong lớp về việc các em sẽ tham gia tổ chức và quản lí các hoạt động của lớp. Chủ tịch, Phó chủ tịch với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và các Trưởng ban xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và trao đổi về các hoạt động dự kiến sẽ thực hiện với cả lớp. Khi Kế hoạch hoạt động đã được cả lớp nhất trí thông qua, Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh sẽ họp với Phó chủ tịch và các Trưởng ban để phân công nhiệm vụ cho từng ban theo dõi, quản lí, sử dụng các công cụ hỗ trợ đã được xây dựng và đang có trong lớp. Ví dụ:

+ Ban Kỉ luật chịu trách nhiệm về bảng theo dõi sĩ số và việc thực hiện nội quy của lớp. Trưởng ban cần tổng hợp tình hình và báo cáo hằng tuần trước lớp.

+ Ban Học tập chịu trách nhiệm định kì hằng tuần hoặc hằng tháng chia sẻ thông tin trước cả lớp về các lĩnh vực mà các bạn học sinh trong lớp đạt thành công hay tiến bộ, những vướng mắc cần sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm hoặc cha mẹ học sinh. Trưởng ban sẽ thay mặt cả lớp trình bày về điều này trong cuộc họp cha mẹ học sinh.

+ Ban Đối ngoại phụ trách việc bảo quản và thống kê cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi đi thăm một nơi nào đó. Ban đối ngoại có thể viết một bản tin định kì để công bố những thông báo hay kết luận quan trọng về các hoạt động được liệt kê trong Sổ ghi chép khách tham quan. Những thông tin này vừa được lưu giữ làm kỉ niệm, vừa là cơ sở cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm có những cân nhắc điều chỉnh cũng như là cơ hội cho học sinh lưu ý vào những điều hay khi mình đến thăm một nơi nào đó. Đây còn là cơ sở để phục vụ cho các dự án nghiên cứu của học sinh sau này để huy động cộng đồng tham gia.

Thời gian đầu, giáo viên chủ nhiệm nên hướng dẫn chi tiết và theo dõi cụ thể, thường xuyên các ban hoạt động. Dần dần, giáo viên chủ nhiệm giảm bớt sự

kiểm soát và để các nhóm chủ động hoạt động. Thành viên của các ban có thể luân phiên thay đổi để đảm bảo tất cả các học sinh đều được tham gia vào các hoạt động quản lí lớp học.

b) Tổ chức xây dựng, quản lí sử dụng và phát triển góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bản đồ cộng đồng (được thể hiện chi tiết trong ở mục 6).

c) Công nhận những đức tính tốt

- Mục đích: Đây có thể coi là một cách “giáo dục đạo đức” một cách tự nhiên và thú vị. Hoạt động này tạo điều kiện cho học sinh tìm kiếm và nhìn vào những đức tính tốt, những điều hay từ phía bạn học để khích lệ động viên bạn tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp đó, đồng thời cũng là cơ hội để học sinh cả lớp cùng học tập những đức tính tốt. Đây còn là cơ hội cho học sinh được chia sẻ, gần gũi nhau hơn, góp phần tạo không khí thân thiện trong lớp.

- Cách tiến hành:

Bước 1: Cả lớp hoặc các tổ, nhóm ngồi theo vòng tròn. Giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ bìa. Các em sẽ viết tên của mình lên tờ bìa đó.

Bước 2: Học sinh chuyển tờ bìa cho bạn ngồi bên phải mình. Khi nhận được tờ bìa ghi tên một bạn nào đó, học sinh ghi một điểm tích cực của bạn đó vào tờ bìa. Cứ như vậy, các tờ bìa sẽ được chuyển hết một vòng. Cần lưu ý đảm bảo rằng, mỗi học sinh đều nhận được lời nhận xét tích cực của tất cả các bạn trong nhóm. (Lưu ý: Nên tránh những lời nhận xét về hình thức bề ngoài, xã giao hay cách ăn mặc mà nên nhận xét về tính cách, thái độ, khả năng học tập,... của bạn mình).

Khi học sinh nhận lại được tờ bìa của mình, các em sẽ đọc và nếu được, một số em sẽ chia sẻ những lời ghi trong tờ bìa với cả lớp.

Những tờ bìa này có thể được lưu giữ lại để chia sẻ cùng cha mẹ học sinh vào buổi họp cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh có thể viết thêm vào các đức tính tốt đẹp của con em mình. Điều này sẽ tạo được sự hào hứng của học sinh cũng như sự phấn khởi của cha mẹ học sinh và tăng thêm sự gắn kết giữa cha mẹ học sinh và lớp học.

Hoạt động này có thể được tổ chức sau mỗi một học kỳ để học sinh thấy được sự cố gắng được ghi nhận của mình trong một giai đoạn và sẽ tiếp tục phát huy những đức tính tốt ở học kỳ tiếp theo.

d) Xây dựng nội quy nhà trường

- Mục đích: Tạo cho học sinh cảm giác trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của trường mình, qua đó giúp học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- Cách xây dựng: Trường cần tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của trường mình nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác.

Các lớp có thể tổ chức thảo luận trong lớp, sau đó cử đại diện dự buổi họp chung toàn trường để thảo luận, xây dựng nội quy của trường. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh và từng lớp học.

- Cách sử dụng: Các bản nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp dễ bị hư hỏng do va chạm. Nhà trường và mỗi lớp cũng nên có một ban lo nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện nội quy của lớp mình.

Ở một số địa phương, tại các lớp học ít học sinh, bảng nội quy còn thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

đ) Ngày hội thành tựu

- Mục đích: Tạo cơ hội cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức cộng đồng cùng gặp nhau trong một ngày để công bố các thành tích và sự tiến bộ học tập của học sinh sau một năm học, đồng thời tham gia vào các hoạt động văn hoá và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa đối với nhà trường và cộng đồng. Đây là những cuộc gặp mặt rất quan trọng để tăng cường sự giao tiếp trao đổi giữa những người tham gia, trình bày và đưa ra các dự án, các kết quả và thành tích đạt được, các chương trình hành động tương lai có lợi cho cộng đồng và xây dựng tinh thần tôn trọng giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương.

- Cách tổ chức: Nhà trường, giáo viên, học sinh cùng cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng cùng bàn bạc về nội dung và hình thức tổ chức Ngày hội thành tựu. Có thể đan xen vào ngày hội một số hoạt động:

+ Báo cáo các thành tích của học sinh.

- + Các hoạt động văn hoá đặc sắc của địa phương.
- + Sự giao lưu từ cộng đồng.
- + Những dự án tiếp theo có lợi cho học sinh và cộng đồng và cần sự phối hợp của cộng đồng và cha mẹ học sinh...

Ngày hội thành tựu nên được tổ chức một năm một lần để đảm bảo sự liên kết thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Những vấn đề cơ bản về quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh và hướng dẫn được học sinh thành lập Hội đồng tự quản học sinh của lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

5. Không gian lớp học trong mô hình trường học mới

5.1. Khái quát về không gian lớp học mô hình trường học mới

Trong các lớp học theo mô hình trường học mới, cần bố trí một số không gian và tài liệu được giáo viên và Hội đồng tự quản học sinh sử dụng hàng ngày/tuần/tháng để phục vụ quá trình học tập tại lớp và tạo ra các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập và các sinh hoạt tập thể khác như: Góc học tập; Góc sáng tạo; Góc thư viện; Góc cộng đồng; Hòm thư “nhịp cầu bè bạn”; Hòm thư “điều em muốn nói”; Sổ đối nội, đối ngoại; Nhật kí cha mẹ học sinh;... (Gọi chung là công cụ hỗ trợ)

Học sinh cần được hướng dẫn sử dụng chúng để tham gia vào các hoạt động của lớp, giúp các em phát triển sự đam mê, sự sáng tạo, hình thành nhân cách và các kĩ năng hợp tác trong học tập; qua đó, giáo viên chủ nhiệm có thể phát hiện và nuôi dưỡng các tiềm năng, giải đáp những băn khoăn, lo lắng.

Học sinh sử dụng các không gian và tài liệu đó dựa trên vốn hiểu biết của mình, có thể có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, để chúng phát huy tác dụng trong việc quản lí, tổ chức, thúc đẩy quá trình học tập. Đây không phải là những hoạt động mang tính cạnh tranh mà là sự hỗ trợ lẫn nhau học tập trong một môi trường lớp học thân thiện. Giáo viên chủ nhiệm nên chú ý động viên các em tham gia và bên cạnh việc hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm nên tạo ra những thách thức mới để gây hứng thú và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em.

Giáo viên chủ nhiệm lưu ý trao đổi cùng cha mẹ học sinh và học sinh để xây dựng và sử dụng các không gian và tài liệu phù hợp nhất với điều kiện của

lớp, để phục vụ có hiệu quả cho học tập và các hoạt động của lớp, tránh việc xây dựng và sử dụng một cách máy móc, hình thức.

Tùy không gian lớp học mà giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn Hội đồng tự quan học sinh lựa chọn và xây dựng số công cụ hỗ trợ phù hợp. Tránh tình trạng làm hình thức hoặc làm phức tạp cho không gian lớp học.

5.2. Mục đích trang trí không gian lớp học

Việc trang trí lớp học là nhằm tăng cường các công cụ hỗ trợ hoạt động học của học sinh trong và ngoài giờ lên lớp. Vì vậy, mỗi công cụ được sử dụng đều phải đảm bảo tính hiệu quả và được sử dụng thường xuyên, tránh hình thức, lãng phí. Việc làm các công cụ trang trí cần phải được giao và hướng dẫn cho học sinh tự thực hiện, tuyệt đối không làm thay hoặc thu tiền để mua hoặc thuê người khác làm. Ví dụ: "Bản đồ cộng đồng" phải do học sinh cùng nhau thiết kế và tự vẽ để học sinh trong lớp biết được vị trí của nhà mình so với trường và nhà các bạn trong lớp; "Góc học tập" là nơi để học sinh chia sẻ các sản phẩm học tập của mình, nhất là sản phẩm của "Hoạt động vận dụng" và "Hoạt động tìm tòi mở rộng", tùy vào điều kiện không gian lớp học để hướng dẫn học sinh tự làm và bố trí cho phù hợp; "Góc thư viện" là nơi để học sinh hoặc cha mẹ học sinh tự nguyện góp những cuốn sách phù hợp với chương trình học tập của học sinh...

5.3. Một số công cụ hỗ trợ đã được thử nghiệm và có tác dụng tốt cho hoạt động học và công tác quản lý ở lớp học, trường học mới

Trong mô hình trường học mới một số công cụ hỗ trợ được xây dựng với mục đích vừa quản lý lớp học, vừa động viên, khích lệ học sinh trong quá trình học tập, tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo viên và học sinh, giữa gia đình và nhà trường. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện của nhà trường, của địa phương và đặc điểm học sinh để mỗi nhà trường tổ chức cho học sinh xây dựng cho phù hợp.

a) Bảng theo dõi sĩ số

- Mục đích: Bảng này được thiết kế để theo dõi sĩ số của các em học sinh. Công cụ này như một bảng đánh giá cá nhân hoặc cho tập thể theo tuần, tháng hoặc theo kì. Bảng theo dõi sĩ số giúp học sinh phát triển tính tự giác, đi học đúng giờ và có tinh thần trách nhiệm trong học tập đồng thời xây dựng cho các em ý thức được đi học là một quyền lợi đặc biệt, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. học sinh cần có được cảm giác thoải mái, vui vẻ khi đi học.

- Cách xây dựng: Có thể làm bảng chung của cả lớp hoặc theo nhóm. Trên bảng cần có tên của học sinh, ngày tháng và các ô tương ứng. Giáo viên chủ nhiệm cùng bàn bạc với học sinh hình thức điền vào ô như điền tên, tích, cắm cờ hoặc dán những hình ảnh yêu thích của mình. Bảng nên thay đổi theo tháng để tạo sự hứng thú cho học sinh.

- Cách sử dụng: Mỗi học sinh khi đến lớp sẽ tự động điền vào phần ô tương ứng với ngày đi học. Để học sinh chủ động làm việc này, thay vì trưởng nhóm hoặc trưởng ban, sẽ tạo hứng thú cho các em. Học sinh mong đến trường để tự mình ghi thêm thành tích chuyên cần cho mình. Vào cuối tuần, đại diện các nhóm sẽ có một bản báo cáo ngắn gọn gửi giáo viên chủ nhiệm.

b) Sổ nhật kí học tập và tham gia hoạt động của học sinh

- Mục đích: Cuốn sổ này giúp học sinh có ý thức hơn và cố gắng nhiều hơn trong việc học tập và tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học, trường học. Việc thường xuyên chia sẻ thông tin trong cuốn sổ còn là hình thức khuyến khích và ghi nhận những thành tích của học sinh. Đây còn là công cụ giúp việc liên lạc, trao đổi với cha mẹ học sinh được thường xuyên và tốt hơn.

- Cách xây dựng: Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh và học sinh về mục đích của cuốn sổ. Học sinh sẽ tự chuẩn bị và trang trí cuốn sổ riêng của mình. Giáo viên chủ nhiệm chỉ lưu ý nhắc nhở các em về kích thước để không gây khó khăn trong việc bảo quản, cất giữ.

- Cách sử dụng: Giáo viên chủ nhiệm giải thích rõ cho học sinh về việc dùng cuốn sổ để ghi lại thành tích học tập (có thể là điểm số, những lời nhận xét tích cực của giáo viên chủ nhiệm và các bạn học về việc học tập, những sản phẩm học tập có thể đính kèm...) và kết quả hoạt động học tập xuất sắc của mình. Cuốn sổ này cũng mang tính cá nhân và không nhất thiết là phải đem so sánh với bất kì ai.

c) Hộp thư cá nhân

- Mục đích: Tạo cơ hội cho giáo viên chủ nhiệm và học sinh trong lớp trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa học sinh với học sinh và giữa học sinh với giáo viên. Hộp thư cá nhân giúp hình thành cho học sinh thói quen quan tâm, chia sẻ với mọi người; rèn luyện học sinh biết tôn trọng sự riêng tư của bạn. Công cụ này còn là cách để giáo viên chủ nhiệm động viên, khích lệ học sinh, hiểu được học sinh hơn.

- *Cách xây dựng*

- Bước 1: Giáo viên chủ nhiệm cho mỗi học sinh tự tạo một hộp thư nhỏ từ các vật dụng như hộp các-tông nhỏ, giấy bìa, tranh ảnh, giấy màu, giấy trắng,... giáo viên chủ nhiệm để học sinh tự vẽ, cắt dán, trang trí những hình ảnh các em yêu thích, không nên làm đồng loạt giống nhau. Trên mỗi hộp thư cá nhân có tên của học sinh. Công việc này cũng có thể thực hiện ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý học sinh về kích cỡ tối đa cho mỗi hộp thư cá nhân.

- Bước 2: Cùng gắn những hộp thư cá nhân của cả lớp tại một vị trí, hoặc chia thành các nhóm. Lưu ý gắn ở vị trí thuận tiện, vừa tầm để đảm bảo tất cả các học sinh dễ tham gia và sử dụng.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm cùng trao đổi với học sinh về tác dụng của hộp thư cá nhân; giải thích cho học sinh thấy mỗi cá nhân trong lớp đều nên có một hộp thư riêng. Bất cứ điều gì các em muốn chia sẻ, trao đổi với bạn hoặc thầy cô giáo, các em có thể viết thư và bỏ vào hộp thư riêng của bạn/thầy cô giáo. Các em có thể đề tên của mình trong thư hoặc không. Giáo viên chủ nhiệm nên sử dụng hộp thư cá nhân để khích lệ, động viên, góp ý với học sinh mà không làm các em xấu hổ trước lớp. Giáo viên chủ nhiệm cũng có thể bỏ vào hộp thư cá nhân của các em những bài tập theo đúng trình độ để tăng thêm hứng thú học tập cho các em.

Giáo viên chủ nhiệm nên dành thời gian vào các giờ nghỉ giải lao hay các buổi sinh hoạt tập thể để học sinh viết thư cho nhau. Giáo viên chủ nhiệm nên thường xuyên sử dụng hộp thư này để tạo phong trào và hình thành dần thói quen trong lớp. Lưu ý: Hộp thư tuy của cá nhân nhưng không nên dán kín hay "bảo mật" vì các em luôn cần được giáo dục, rèn luyện tính trung thực, lòng tự trọng, không tự ý xem thư của người khác.

d) Hộp thư "Điều em muốn nói"

- *Mục đích:* Đây là công cụ giúp học sinh được bày tỏ ý kiến của mình. Những ý kiến của học sinh có thể là những tình cảm, cảm nhận, mong muốn, đề nghị hoặc bất cứ điều gì các em muốn nói về thầy cô, bạn bè, cha mẹ, nhân viên phục vụ, điều kiện học tập – sinh hoạt và các hoạt động vui chơi,... mà các em không thể hoặc chưa dám nói trực tiếp. Qua hộp thư này, người lớn (thầy cô, cha mẹ,...) sẽ có điều kiện hiểu các em nhiều hơn, đồng thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục, sinh hoạt sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, công cụ này còn có ý

nghĩa giúp các em nhận biết mình là một thành viên của nhà trường, quyền cơ bản của trẻ được tạo điều kiện thể hiện (quyền được học tập – quyền được vui chơi – quyền được tham gia ý kiến,...). Từ đó, các em có ý thức, tự giác và chủ động khi tham gia các hoạt động của chính các em.

- *Cách xây dựng*: Hộp thư có thể được làm bởi cha mẹ học sinh hoặc giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm và học sinh trang trí thêm những hình ảnh vui nhộn và được đặt tại các vị trí thuận tiện trong lớp, vừa tầm với của học sinh. Một số nơi còn có thêm các biện pháp bảo vệ cho hộp thư để chỉ những người có trách nhiệm mở hộp thư mới mở được để đảm bảo giữ kín những thông tin của học sinh.

- *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm giải thích cho học sinh về mục đích của hộp thư. Khuyến khích các em sử dụng hộp thư này để giúp cho tình hình và các điều kiện của lớp học, trường học được tốt hơn. Giáo viên chủ nhiệm cũng nên nhấn mạnh tới việc học sinh không cần thiết phải đề tên mình trong thư, nếu muốn. Để quản lí Hộp thư "Điều em muốn nói" cần có sự tham gia của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Trưởng các ban của Hội đồng tự quản học sinh và giáo viên. Hộp thư cần được mở hằng ngày hoặc hằng tuần để ghi nhận, trả lời những ý kiến của học sinh cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp, trường. Tuy nhiên, tốt nhất nên mở hộp thư hằng ngày để đảm bảo cập nhật và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý, những vấn đề mang tính cá nhân thì cần trao đổi với cá nhân học sinh, những vấn đề mang tính chất tập thể thì cần có sự trao đổi, bàn bạc trước cả lớp để tìm ra phương án giải quyết.

d) Sinh nhật hồng

- *Mục đích*: Tạo sự vui tươi trong lớp học; giúp học sinh biết cách quan tâm đến bạn bè, biết cách tổ chức những buổi kỉ niệm nho nhỏ; tạo sự gắn kết của các thành viên trong lớp.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm có thể trao đổi với một ban trong lớp học về cách xây dựng góc sinh nhật. Có thể là cây với 12 bông hoa tương ứng với 12 tháng trong năm và trên mỗi bông hoa tháng là tên các bạn có ngày sinh trong tháng. Có thể là những hành tinh nhỏ mang tên tháng trong vũ trụ,... học sinh hoàn toàn có thể thực hiện được công việc này. Giáo viên chủ nhiệm hãy để các em tự trao đổi và thống nhất cách thực hiện.

Cũng có cách xây dựng khác nữa là giáo viên chủ nhiệm chia lớp ra thành nhóm phụ trách từng tháng. Nhóm học sinh của tháng sẽ cùng bàn bạc để tổ chức sinh nhật của tháng mình theo cách mà các em thích nhất.

- *Cách sử dụng*: Góc sinh nhật giúp cả lớp cùng biết được sắp đến sinh nhật của bạn nào. Một ban sẽ phụ trách phần tổ chức sinh nhật cho các bạn trong tháng (hoặc có thể tổ chức đơn lẻ cho từng bạn). Cũng có thể dùng hình thức luân phiên các ban tổ chức hoặc nhóm các bạn có sinh nhật tháng này sẽ tổ chức cho nhóm các bạn có ngày sinh nhật của tháng khác. Việc tổ chức không cần cầu kì, các học sinh có thể lên kịch bản cho một chương trình văn nghệ, trò chơi,... giáo viên chủ nhiệm hãy để cho các học sinh trong lớp được chúc mừng bạn mình và nên gợi ý học sinh sử dụng các công cụ khác (Ví dụ: Hộp thư bè bạn, những lời yêu thương,...) để thể hiện tình cảm với bạn mình trong ngày sinh nhật của các em. Giáo viên chủ nhiệm nên tạo điều kiện cho học sinh được tổ chức sinh nhật nói về bản thân mình, về những thay đổi khi một tuổi mới đã đến với em. Mỗi tháng qua đi, học sinh có thể gỡ tháng đó xuống để học sinh cảm nhận được thời gian của năm.

e) Những lời yêu thương

- *Mục đích*: Học sinh được chia sẻ những câu nói, câu thơ hay, có ý nghĩa với mục đích giáo dục học sinh hướng đến những điều tốt đẹp.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng thảo luận để quyết định chọn một hình thức phù hợp với điều kiện lớp học để làm góc của những lời yêu thương. Có thể làm trên khổ giấy A0, trang trí thành cây với những chiếc lá, bông hoa là những lời yêu thương và được dán lên tường. Có thể là cây thông góc lớp với những lời yêu thương được gắn lên cây,... Cũng có thể ghi những lời nói yêu thương, những câu danh ngôn phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ liên quan đến tuổi học trò trên các hành lang, lối đi, thư viện, sân/vườn trường,... nơi học sinh dễ quan sát và thường xuyên nhắc nhở mình thực hiện.

- *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh sưu tầm những câu nói hay, những lời yêu thương về tình cảm gia đình, thầy trò, bạn bè... Học sinh cũng có thể nhờ cha mẹ học sinh sưu tầm cùng. Giáo viên chủ nhiệm có thể giao cho các ban quản lí góc này xây dựng chủ đề theo từng tháng, từng sự kiện để học sinh sưu tầm những câu nói, câu thơ hay theo các chủ điểm đó. Trong các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm dành thời gian để cùng học sinh trò

chuyện về những lời yêu thương này để giáo dục học sinh biết hướng tới những điều tốt đẹp và yêu thương trong cuộc sống.

g) Bảng nội quy lớp học

- *Mục đích:* Giúp các em thấy có trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của lớp mình; qua đó, học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của lớp nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh.

- *Cách sử dụng:* Bảng nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp dễ bị hư hỏng do va chạm. Ở những lớp rộng rãi và ít học sinh, bảng nội quy có thể thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

h) Sổ ghi chép đối nội – đối ngoại

- *Mục đích:* Dùng ghi lại cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi tham quan một nơi nào đó.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm có thể bàn bạc trước lớp và giao cho một ban thực hiện việc thiết kế và ghi chép sổ. Sổ nên có các thông tin về ngày tháng, tên đoàn khách, học sinh nhà trường; cảm xúc của khách hoặc của học sinh, có thể có phần để dán những hình ảnh (nếu có) về những sự kiện đó.

- *Cách sử dụng:* Khách đến từ các tổ chức, hiệp hội hoặc giáo viên chủ nhiệm và các bạn học sinh đến từ các trường, lớp khác, đến thăm trường, lớp mình, sẽ ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của họ. Đây là một cơ hội cho khách có những đề xuất, ý kiến hay chỉ ra các quan điểm về một vấn đề cụ thể. Khi học sinh đi tham quan cũng thực hiện tương tự như vậy.

5.4. Các góc hỗ trợ trong lớp học

a) Góc học tập

- *Góc học tập* là không gian trong lớp học trang bị những tài liệu, đồ dùng dạy học, các vật dụng... phục vụ cho việc học tập của học sinh

– Vai trò và ý nghĩa của góc học tập

+ Góc học tập làm tăng hứng thú học tập của học sinh, tăng các nguồn kiến thức trong dạy học của giáo viên. Giáo viên sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học giúp học sinh nắm kiến thức một cách chủ động, vững chắc. Góc học tập có một vai trò rất quan trọng đối với việc dạy và học trong trường trung học cơ sở.

+ Góc học tập cung cấp sách vở, tài liệu tham khảo, đồ dùng học tập ngay tại lớp học rất thuận lợi cho học tập và tham khảo tài liệu khi cần thiết mà không phải đến thư viện.

+ Giáo viên làm phong phú thêm bài giảng của mình bằng sách và các tư liệu tham khảo trong góc học tập; có thể quan sát được hiệu quả dạy học, biết được hứng thú nghề nghiệp của học sinh, từ đó có thể hướng nghiệp cho các em.

+ Giúp học sinh thu nhận và tổng hợp kiến thức thông qua việc quan sát và thao tác sử dụng các tài liệu, đồ vật ở góc học tập; làm phong phú kiến thức và phát huy trí tưởng tượng của các em.

+ Học sinh sẽ hứng thú học tập hơn khi sử dụng góc học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên; hoặc tự nghiên cứu theo nhóm hay từng cá nhân, qua đó, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

- Các tài liệu và đồ dùng ở góc học tập

+ Ngay từ đầu năm học, giáo viên căn cứ trên yêu cầu chương trình và nội dung môn học; quan sát tâm lý và sở thích của học sinh để chuẩn bị kế hoạch xây dựng góc học tập phù hợp. Bằng kinh nghiệm của mình, giáo viên suy nghĩ xem tài liệu nào, dụng cụ học tập nào góc học tập có thể giúp học sinh học tập có kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn; đồng thời góp phần phát huy năng khiếu, sở thích và định hướng nghề nghiệp cho các em.

+ Trong mỗi môn học, giáo viên cần sưu tầm những loại tài liệu và đồ dùng học tập sau:

• Tài liệu in ấn phục vụ học tập: Sách tham khảo, các loại sách giáo khoa, báo, tạp chí,... liên quan đến nội dung môn học; sơ đồ, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh,... tạo hứng thú và mở rộng hiểu biết cho học sinh.

- Đồ dùng dạy và học: Đây là những vật dụng mà học sinh và giáo viên có thể sử dụng trong các giờ thực hành, thí nghiệm như các dụng cụ đo lường (cân, nhiệt kế, ampe kế,...), mô hình trái đất, các mẫu vật,...

- Vật dụng phục vụ cuộc sống: Những đồ dùng thiết thực phục vụ cuộc sống như các loại công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, trang phục, nhạc cụ, lương thực, thực phẩm,...

- Tài liệu sáng tạo nghệ thuật: Các vật dụng có tính nghệ thuật dùng cho học tập, phát huy tính tưởng tượng và sáng tạo nghệ thuật của học sinh như các con rối, rô bốt,...

- Đồ dùng do học sinh tự làm: Các bài làm đạt điểm tốt của học sinh, các vật dụng do học sinh sáng chế,...

+ Ngoài ra, ở góc học tập còn có tài liệu hướng dẫn học các môn, hướng dẫn sử dụng các tài liệu, nhất là hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan đến môn học.

- *Quản lí góc học tập*

+ Hội đồng tự quản học sinh phân công các bạn học sinh thay phiên nhau chăm sóc góc học tập; dọn dẹp lại cho ngăn nắp sau mỗi buổi học, quét dọn, lau sạch bụi bặm, vết bẩn sau khi sử dụng.

+ Hội đồng tự quản học sinh tổ chức đọc sách, thảo luận theo nhóm cùng sở thích và giúp nhau học tập một cách hiệu quả...

b) Góc thư viện

- Góc thư viện là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp, là nơi để các tài liệu tham khảo (tờ điển, sách, báo, truyện,...) do thư viện nhà trường hỗ trợ, giáo viên và học sinh sưu tầm, do cha mẹ học sinh cùng cộng đồng đóng góp.

Góc thư viện trong lớp học là một công cụ quan trọng tạo cơ hội cho học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, đồng thời cung cấp các nguồn tài liệu khác nhau để học sinh học tập và thư giãn.

Nguồn thông tin trong góc thư viện là một công cụ đắc lực hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong dạy - học tích cực. Giáo viên có thể sử dụng nguồn thông

tin ở góc thư viện để giải đáp rõ hơn những nội dung có trong tài liệu hướng dẫn học hoặc làm giàu thêm vốn kiến thức của mình cũng như học sinh. Với mỗi chủ đề hay bài học, giáo viên cần tham khảo thêm tư liệu về chủ đề hay bài học đó trong góc thư viện và cung cấp cho học sinh tên, trang, mục tài liệu cần tham khảo để hoàn thành bài học. Góc thư viện trong lớp học có thể hỗ trợ cho từng đối tượng học sinh trong quá trình học tập khác nhau. Với học sinh trung bình, các em có thể tìm thông tin để giải thích rõ hơn cho các khái niệm trong tài liệu hướng dẫn học. Với các học sinh khá, giỏi, các em có thể tìm hiểu sâu hơn, mở rộng hơn nội dung bài học qua những tài liệu có trong góc thư viện.

Góc thư viện đóng vai trò hỗ trợ nguồn tài liệu phong phú cho một môn học hay một chủ đề. Mặc dù tài liệu hướng dẫn học đã cung cấp cho học sinh những nội dung cơ bản cần thiết, nhưng vẫn có lúc học sinh vướng mắc và không hiểu rõ về một khái niệm hay một thông tin nào đó có liên quan đến bài học. Trong trường hợp này, giáo viên nên hướng dẫn học sinh đến góc thư viện để tìm những cách giảng giải, chú thích khác phù hợp hơn với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Sau khi đọc về một chủ đề tương tự trong góc thư viện, học sinh có thể tiếp tục học và làm việc với tài liệu hướng dẫn học.

Góc thư viện là nơi rất hữu ích để học sinh tiến hành các dự án nghiên cứu nhỏ của một số môn học. Tại đây các em có thể thực hiện việc tìm kiếm thông tin cho bài tập trong dự án nghiên cứu của mình. Nhiều khi tài liệu hướng dẫn học không cung cấp đủ nội dung để hoàn thành mục tiêu bài học như đã đề xuất. Vì vậy, việc tìm kiếm các thông tin tham khảo ở góc thư viện sẽ là rất cần thiết. Mô hình trường học mới tăng cường khả năng tự học của học sinh, vì vậy nguồn thông tin trong góc thư viện sẽ hỗ trợ rất tốt cho các em trong việc tự học.

Góc thư viện trong lớp học đồng thời cũng được sử dụng để giúp học sinh giải trí và phát triển óc sáng tạo. Sách là nguồn giải trí rất lớn đối với trẻ em cũng như người lớn. Qua việc đọc sách, chúng ta có thể giáo dục chính mình, tích lũy và tăng khả năng tưởng tượng, trải nghiệm một cách gián tiếp. Ví dụ, như thưởng thức một chuyến đi lên mặt trăng hay thám hiểm một địa bàn khảo cổ; hoặc có thể sáng tác những bức tranh dựa trên các câu chuyện đã đọc; đóng vai thể hiện lại các nhân vật, sự kiện trong các câu chuyện,...

Ngoài việc cung cấp thông tin cho học sinh, góc thư viện còn góp phần hình thành, phát triển thói quen đọc sách cho các em, xây dựng nền tảng văn hoá đọc của mỗi người trong suốt cả cuộc đời.

c) Góc cộng đồng và bản đồ cộng đồng

c1) Góc cộng đồng

Góc cộng đồng là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp học, là nơi để các hiện vật, dụng cụ, tranh ảnh,... thể hiện sinh động đời sống vật chất hay tinh thần của cộng đồng địa phương. Góc cộng đồng được hiểu là sự mô tả một cách đơn giản về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng địa phương, trong đó bao gồm các thông tin về bản đồ cộng đồng, về mùa vụ, sản xuất, kinh doanh, ngành nghề, phong tục tập quán, văn hoá, lễ hội, trang phục đặc sắc, lịch sử, di sản, địa lí, khí hậu thời tiết,... và một số sản vật đặc trưng của địa phương. Góc cộng đồng là hình ảnh thu nhỏ về những đặc điểm riêng biệt của cộng đồng trong phạm vi hẹp hoặc phạm vi rộng hơn nhưng có cùng những đặc điểm chung.

Góc cộng đồng giúp giáo viên, học sinh biết rõ về môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương; thấy được sự gắn gũi, gắn bó giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng; tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường địa phương vào nội dung các hoạt động dạy học. Qua đó, giúp các em thuận lợi trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Giáo viên cần tìm ra những nguồn lực sẵn có về vật chất, con người hoặc ngành nghề thủ công của địa phương để hỗ trợ, liên kết, hợp tác giáo dục với nhà trường. Nhà trường vận động những nghệ nhân, doanh nhân giỏi ở địa phương đến trường để phổ biến cho học sinh những kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh,... Từ đó, học sinh tăng thêm niềm tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam, mong muốn được duy trì và phát triển các tinh hoa văn hoá, truyền thống của các vùng miền và của quê hương.

Cùng tham gia vào quá trình xây dựng "Góc cộng đồng" có các thành viên trong cộng đồng như chính quyền địa phương, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, ... cùng với cha mẹ học sinh, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn. Khi thiết lập góc cộng đồng, giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức một cuộc họp, gặp gỡ các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng góc cộng đồng. Tại cuộc họp này các đại biểu có thể vẽ trên giấy khổ to, hoặc trên tấm vải trắng để mô tả thông tin về mùa vụ, ngành nghề, lễ hội, khí hậu thời tiết,... của

địa phương bằng các màu sắc sinh động. Mọi người có thể đóng góp hoặc sưu tầm một số sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày tại góc cộng đồng.

Tóm lại, góc cộng đồng giúp nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết rõ môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương.
- + Sử dụng các yếu tố tích cực của môi trường vật chất và tinh thần ở địa phương vào trong các hoạt động dạy học tại lớp học.
- + Giúp học sinh áp dụng kiến thức học ở lớp vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình và cộng đồng.
- + Tìm ra những nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để hỗ trợ nhà trường trong giáo dục học sinh, đặc biệt là những người có ảnh hưởng lớn ở cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, hội trưởng các hội: phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, cựu giáo chức,... và các nguồn lực tình nguyện khác.
- + Là nguồn thông tin để học sinh giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại lớp/trường mình.

c2) Bản đồ cộng đồng

Bản đồ cộng đồng là bản đồ của địa phương mà trên đó có sự mô tả một cách đơn giản, bằng hình vẽ trên giấy khổ to hoặc trên một miếng vải, về cộng đồng địa phương. Nổi bật trên bản đồ cộng đồng là vị trí trường học, vị trí nhà ở gia đình của tất cả học sinh trong lớp. Ngoài ra, bản đồ cộng đồng phải thể hiện được những vị trí, địa điểm nổi bật của cơ quan hành chính, những đặc điểm về tự nhiên, văn hoá, xã hội và kinh tế; những di tích lịch sử, di tích văn hóa, công trình khoa học-kỹ thuật... của địa phương thuộc khu vực trường đóng.

Có thể nói, bản đồ cộng đồng là bản vẽ thu nhỏ những đặc điểm cơ bản của cộng đồng - nơi nhà trường đang tồn tại và phát triển. Nó khẳng định cộng đồng và nhà trường luôn tồn tại, gắn bó, hỗ trợ và không thể tách rời.

Bản đồ cộng đồng nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết được khoảng cách mà mỗi học sinh phải đi học từ nhà đến trường.
- + Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi học sinh đi học.
- + Biết được những địa điểm mà học sinh có thể gặp nguy hiểm để hướng dẫn các em phòng tránh rủi ro.

+ Biết được những địa điểm cần thiết để chỉ dẫn cho học sinh đến khi cần sự trợ giúp hoặc vui chơi.

+ Biết được những địa điểm và cách đi thăm gia đình học sinh.

+ Là nguồn thông tin giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại trường.

+ Giúp học sinh biết tìm đường đến thăm nhà bạn để hỏi bài, vui chơi, đường đến trường an toàn, thuận tiện nhất, đường đến hiệu sách, chợ, uỷ ban nhân dân, đồn công an, bưu điện,...

Bản đồ cộng đồng được treo tại góc cộng đồng, nơi dễ quan sát trong lớp học. Mọi học sinh có thể quan sát và đọc được thông tin trên đó. Khi có khách tham quan lớp học, mỗi bạn đều có thể giới thiệu được về lớp mình, ngôi trường của mình, về địa điểm nhà các bạn trong lớp, về cộng đồng. Nếu có một bạn mới được chuyển về lớp học, bạn ấy sẽ được giới thiệu về bản đồ cộng đồng của lớp, bạn ấy và mọi người trong lớp sẽ xác định xem nhà bạn ấy sẽ được vẽ ở đâu trong bản đồ cộng đồng. Và tất nhiên sẽ có tên của bạn ấy gần hình vẽ ngôi nhà trên bản đồ cộng đồng của lớp. Bạn ấy sẽ rất vui vì sẽ biết ngay đường nào thuận tiện khi đến trường, nhà mình ở gần nhà bạn nào để cùng đi đến trường.

Bản đồ cộng đồng giúp học sinh ý thức được mình là một thành viên của cộng đồng, từ đó ý thức xây dựng và giữ gìn cộng đồng được nâng cao.

Giáo viên có thể sử dụng bản đồ cộng đồng trong các hoạt động giáo dục cho học sinh về quan hệ gia đình, cộng đồng; tình bạn và mối quan tâm đến nhau; sự đoàn kết, chia sẻ, gắn bó giữa những con người, những gia đình trong cùng một cộng đồng; củng cố niềm tự hào về gia đình, cộng đồng, quê hương mình.

Lưu ý: Tùy đặc điểm lứa tuổi học sinh, văn hóa vùng miền và điều kiện của nhà trường, của lớp mà tổ chức không gian lớp học, trang bị những công cụ hỗ trợ phù hợp theo nguyên tắc: *Tất cả các nội dung, vật dụng, công cụ hỗ trợ trong không gian lớp học, trường học đều gắn với hoạt động dạy học/giáo dục và mang lại hiệu quả dạy học/giáo dục*, tránh tình trạng máy móc, rập khuôn gây tốn kém, lãng phí, hiệu quả giáo dục thấp.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

I. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Có nhiều quan niệm khác nhau về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhưng tựu trung lại Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới, các hoạt động giáo dục trong trường trung học cơ sở gồm: Hoạt động tập thể (sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo các chủ đề giáo dục; hoạt động giáo dục hướng nghiệp;... được gọi chung là Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đối với mô hình trường học mới trung học cơ sở, vừa chú trọng đến tính trải nghiệm của học sinh trong các bài học, vừa chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm nhiều hơn ở ngoài lớp học, chủ động phối hợp cùng cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương như đoàn, hội, đội để xây dựng một số dự án học tập cộng đồng, gắn nội dung giáo dục trong nhà trường với các hoạt động thường xuyên tại địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; vệ sinh môi trường; hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao;...

II. Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Mục đích chính	Hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực nhận thức và hành động của học sinh.	Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại.
Nội dung	- Kiến thức khoa học, nội dung gắn với các	- Kiến thức thực tiễn gắn bó với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, mang tính tổng hợp

	lĩnh vực chuyên môn. - Được thiết kế thành các phần chương, bài, có mối liên hệ logic chặt chẽ hoặc các mô đun tương đối hoàn chỉnh.	nhiều lĩnh vực giáo dục, nhiều môn học; dễ vận dụng vào thực tế. - Được thiết kế thành các chủ điểm mang tính mở, không yêu cầu mối liên hệ chặt chẽ giữa các chủ điểm
Hình thức tổ chức	- Đa dạng, có quy trình chặt chẽ, hạn chế về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng tham gia,... - Học sinh ít cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Người chỉ đạo, tổ chức hoạt động học tập chủ yếu là giáo viên.	- Đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng, ... - Học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Có nhiều lực lượng tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các mức độ khác nhau (giáo viên, cha mẹ học sinh, nhà hoạt động xã hội, chính quyền, doanh nghiệp,...).
Tương tác, phương pháp	- Chủ yếu là thầy - trò. - Thầy chỉ đạo, hướng dẫn, trò hoạt động là chính.	- Đa chiều. - Học sinh tự hoạt động, trải nghiệm là chính.
Kiểm tra, đánh giá	- Nhấn mạnh đến năng lực tư duy. - Theo chuẩn chung. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng điểm số.	- Nhấn mạnh đến kinh nghiệm, năng lực thực hiện, tính trải nghiệm. - Theo những yêu cầu riêng, mang tính cá biệt hoá, phân hoá. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng nhận xét.

III. Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới trung học cơ sở

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới trung học cơ sở rất đa dạng như: Tham gia các dự án cộng đồng; Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; Câu lạc bộ; Các trò chơi; Tổ chức diễn đàn; Sân khấu tương tác; Hoạt động giao lưu; Hoạt động chiến dịch; Hoạt động nhân đạo; Hoạt động tình nguyện; Lao động công ích; Sinh hoạt tập thể....

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có tài liệu hướng dẫn riêng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới trung học cơ sở.

D. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. Mục đích đánh giá

Đánh giá học sinh trung học cơ sở mô hình trường học mới được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh trung học cơ sở nhằm mục đích giúp:

1. Học sinh tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.

2. Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

4. Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

II. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục trung học cơ sở; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.

2. Chú trọng đánh giá thường xuyên, đa dạng hóa các hình thức và công cụ đánh giá: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

4. Việc đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

III. Nội dung đánh giá

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục trung học cơ sở theo từng môn học và hoạt động giáo dục.

2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh.

3. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số năng lực của học sinh.

IV. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ

1. Đánh giá thường xuyên

1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, học sinh (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho học sinh, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

Trong đánh giá thường xuyên giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện. Trong quá trình đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể chấm và ghi điểm trên một số sản phẩm học tập để học sinh tham khảo nhưng không lưu điểm trên các loại hồ sơ khác.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý học sinh.

Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Hằng tháng, đối với những học sinh cần được quan tâm nhiều hơn, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

- Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh.

1.3. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra định kỳ giữa Học kỳ I và giữa Học kỳ II.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập

2.1. Việc đánh giá định kì được áp dụng với tất cả các môn học thông qua các bài kiểm tra. Bài kiểm tra định kì của các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Tin học có thời lượng 90 phút; các môn còn lại có thời lượng 45 phút.

2.1.1. Các bài kiểm tra định kì

- Các bài kiểm tra giữa và cuối Học kỳ I, giữa Học kỳ II và cuối năm học nhằm giúp cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh đánh giá được kết quả học tập của học sinh và "nhìn lại" quá trình đánh giá thường xuyên trước đó. Điểm số của các bài kiểm tra giữa học kì không được tính vào kết quả đánh giá cuối Học kỳ I và cuối năm học. Nhà trường, giáo viên chủ động bố trí thời gian thực hiện các bài kiểm tra giữa kì phù hợp với kế hoạch dạy học bộ môn. Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho học sinh. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý học sinh; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý học sinh. Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả

kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lý thì có thể cho học sinh kiểm tra lại.

- Các bài kiểm tra cuối Học kì I và cuối năm học nhằm đánh giá kết quả học tập của học sinh; điểm số mà học sinh đạt được trong các bài kiểm tra Học kì I và cuối năm học được ghi nhận trong hồ sơ đánh giá học sinh.

2.1.2. Đề kiểm tra định kì

Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

- Nhận biết: học sinh nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.

- Thông hiểu: học sinh diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

- Vận dụng: học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

- Vận dụng cao: học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

2.2. Việc kiểm tra, đánh giá đối với các môn ngoại ngữ được thực hiện theo hướng dẫn riêng của từng ngoại ngữ nhưng chỉ ghi điểm của bài kiểm tra Học kì I và bài kiểm tra cuối năm học vào sổ đánh giá học sinh theo hướng dẫn tại Mục 2.1 văn bản này.

2.3. Đối với Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kỳ theo hai mức:

a) Đạt yêu cầu: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

- Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;

- Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

b) Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

V. Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng

1. Vào cuối học kì I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên bộ môn để đánh giá tổng hợp từng học sinh:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng học sinh

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn tập thể học sinh bình bầu những học sinh đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua, các cuộc thi; tham khảo ý kiến

của giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Học sinh có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

Nội dung, số lượng học sinh được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập, nếu khả năng của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá học sinh khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh.

2. Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh khi bắt đầu vào Học kì II hoặc bắt đầu năm học mới.

VI. Hồ sơ đánh giá

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.

2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi học sinh

2.1. Sổ đánh giá học sinh

Sổ đánh giá học sinh là hồ sơ của trường, lớp để ghi nhận kết quả học tập và rèn luyện của học sinh trong một học kỳ, một năm học, do văn phòng nhà trường chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc quản lý, được in ra và xác lập xong trong Học kỳ I lớp 6; khi sửa chữa (nếu có) dùng mực đỏ gạch ngang điểm cũ, ghi điểm mới vào phía trên bên phải vị trí ghi điểm cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa bên cạnh điểm đã sửa. Học sinh thôi học hoặc bỏ học được ghi chú thích rõ bằng bút mực đỏ.

Điểm bài kiểm tra định kì do giáo viên bộ môn trực tiếp ghi vào sổ đánh giá học sinh theo cột, mục quy định sau mỗi học kỳ, cuối năm học. Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi những biểu hiện đáng chú ý về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của một số học sinh: học sinh có năng lực, phẩm chất nổi bật; học sinh có sự tiến bộ nổi bật; học sinh cần theo dõi, giúp đỡ thêm...

2.2. Học bạ

Học bạ là hồ sơ cá nhân, ghi nhận kết quả học tập và rèn luyện của học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 do nhà trường trực tiếp quản lý (Học sinh khuyết tật sử dụng Kế hoạch giáo dục cá nhân thay cho học bạ). Học bạ được in ra và xác lập xong trong Học kì I lớp 6; có dấu giáp lai giữa hai trang liên tiếp bằng dấu của nhà trường. Học bạ chỉ trả lại học sinh khi thôi học, chuyển trường, tốt nghiệp ra trường.

Ghi đầy đủ nhận xét những biểu hiện nổi bật về mức độ hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh; điểm kiểm tra định kỳ cuối năm, có chữ ký xác nhận của giáo viên bộ môn; được lên lớp hoặc ở lại lớp; nhận xét của giáo viên chủ nhiệm và phê duyệt học bạ của hiệu trưởng theo từng năm học và những thông tin khác.

- Đối với môn Khoa học tự nhiên: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 3 phân môn Vật lý, Hoá học, Sinh học;

- Đối với môn Khoa học xã hội: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 2 phân môn Lịch sử, Địa lý;

- Đối với môn Hoạt động giáo dục: có đầy đủ chữ ký của giáo viên dạy 3 phân môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục.

2.3. Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học

2.4. Nội dung các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của học sinh được rút ra từ "Sổ tay lên lớp" của giáo viên.

2.5. Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kĩ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);

2.6. Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của cha mẹ học sinh (nếu có);

2.7. Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của học sinh trong năm học (nếu có).

3. Khuyến khích giáo viên, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá học sinh. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá học sinh được in ra để giáo viên và lãnh đạo nhà trường kí tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.

4. Đối với học sinh chuyển đi khỏi lớp mô hình trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với học sinh chuyển đến lớp mô hình trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VII. Sử dụng kết quả đánh giá

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Điểm các bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kì hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.

- Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.

2. Đối với học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công giáo viên lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng học sinh; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.

3. Đối với những học sinh đã được giáo viên trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, bài kiểm tra định kì, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những học sinh có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, được lên lớp hay không được lên lớp, đều cần rèn luyện thêm về phẩm chất

hoặc năng lực và đầu năm học mới được bàn giao cho giáo viên lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của sở/phòng giáo dục và đào tạo

1.1. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn kỹ mục đích, nguyên tắc, nội dung và cách thức đánh giá học sinh trung học cơ sở cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh các trường mô hình trường học mới; đồng thời có biện pháp tuyên truyền, giải thích, tạo sự đồng thuận cho cộng đồng xã hội trên địa bàn.

1.2. Chỉ đạo các cấp quản lý và các trường tổ chức thực hiện tốt công tác đánh giá học sinh trung học cơ sở mô hình trường học mới; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm của hiệu trưởng

2.1. Phối hợp tổ chức công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội trên địa bàn về hoạt động đánh giá trong mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở. Huy động sự tham gia thường xuyên của gia đình, cộng đồng vào hoạt động đánh giá học sinh.

2.2. Tổ chức thực hiện đánh giá học sinh; khen thưởng học sinh; báo cáo kết quả thực hiện về phòng giáo dục và đào tạo.

2.3. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; quản lý học bạ trong thời gian học sinh học ở trường.

2.4. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của học sinh, cha mẹ học sinh về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.

2.5. Hướng dẫn giáo viên sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm của giáo viên

3.1. Giáo viên chủ nhiệm

a) Chịu trách nhiệm chính, phối hợp giáo viên bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

b) Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm còn hạn chế của học sinh; duy trì mối liên hệ với cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục học sinh.

3.2. Giáo viên bộ môn

a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh đối với môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy cùng lớp, cha mẹ học sinh lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện đối với môn học và hoạt động giáo dục.

c) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh.

4. Trách nhiệm và quyền của học sinh

4.1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; tiếp nhận sự giáo dục để luôn tiến bộ.

4.2. Có quyền nêu ý kiến và được nhận sự hướng dẫn, giải thích của giáo viên, hiệu trưởng về kết quả đánh giá.

E. SINH HOẠT CỤM CHUYÊN MÔN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG “TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI”

I. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn

1. Mục tiêu sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên của nhà trường và là một trong những hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho giáo viên, giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức và

phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp/trường mình.

Sinh hoạt chuyên môn ở các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới được thực hiện tại trường và cụm trường. Mục tiêu của sinh hoạt chuyên môn nhằm:

(1) Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên.

(2) Đổi mới nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng dạy học tích cực, hướng vào hoạt động học của học sinh, góp phần phát triển năng lực cho mọi học sinh.

(3) Giúp giáo viên nắm vững quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học, chủ động điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học cho phù hợp với đối tượng học sinh, vùng miền và quá trình tổ chức hoạt động học tập.

(4) Xây dựng và phát triển quan hệ đồng nghiệp thân thiện, tôn trọng theo hướng hợp tác, hỗ trợ và dân chủ; đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho mọi giáo viên.

(5) Phát triển quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng, đảm bảo cơ hội cho gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của học sinh.

2. Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

2.1. Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên

Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên được tổ chức định kỳ 2 lần/tháng theo điều lệ nhà trường, theo định hướng sau:

- Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đề xuất, thống nhất và quyết tâm thực hiện;

- Thảo luận các bài sắp dạy trong tài liệu Hướng dẫn học; thống nhất những nội dung điều chỉnh tài liệu, làm cho tài liệu dạy học phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với địa phương; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên; hoàn thiện tài liệu thử nghiệm.

- Thảo luận và thực hiện sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập trong góc học tập và góc cộng đồng;

- Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tự quản của học sinh;

- Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh;

- Các hoạt động hành chính khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn được tiến hành theo quy định của điều lệ nhà trường.

2.2. Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

- + Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng *phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh...*

- + *Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh;*

- + Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trên phạm vi huyện, tỉnh, cả nước;

- + Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về các chủ đề liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ,...

- Quy trình triển khai sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề:

Để tổ chức một hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có hiệu quả, cần phải thiết kế được các hoạt động một cách khoa học. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với việc xây dựng kế hoạch dạy học trước khi lên lớp. Cụ thể, yêu cầu thiết kế một hoạt động gồm các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề cần có công tác chuẩn bị và phân công rõ ràng công việc cho các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn:

+ Dự kiến nội dung công việc, hình dung được tiến trình hoạt động.

+ Dự kiến những phương tiện cần thiết cho hoạt động.

+ Dự kiến nhiệm vụ cho từng đối tượng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng dự kiến những việc sẽ làm để thể hiện sự tương tác tích cực các thành viên trong tổ/nhóm. Để làm được việc này đòi hỏi mỗi giáo viên và tổ trưởng chuyên môn phải có kỹ năng làm việc nhóm.

Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: nêu rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, định hướng thảo luận; nêu rõ nguyên tắc làm việc.

- Các thành viên báo cáo nội dung chủ đề đã được phân công.

- Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên thảo luận, phát biểu ý kiến; chia nhỏ vấn đề thảo luận bằng việc sử dụng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu.

Bước 3. Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, tổ trưởng chuyên môn phải đưa ra được các kết luận cần thiết, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của buổi sinh hoạt đó trong thực tế giảng dạy.

- Đối với các trường qui mô nhỏ, giáo viên mỗi bộ môn ít, nên đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề với qui mô cụm trường để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực chuyên môn theo yêu cầu.

Như vậy, sinh hoạt chuyên môn trong mô hình trường học mới gắn với quá trình giáo viên hướng dẫn học sinh học tập, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, tìm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

Sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới, giáo viên tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến người

học, như: Học sinh học như thế nào? Học sinh đang gặp khó khăn gì trong học tập? Nội dung và phương pháp dạy học có phù hợp, có gây hứng thú cho học sinh không? Kết quả học tập của học sinh có được cải thiện không? Cần điều chỉnh điều gì và điều chỉnh như thế nào?...

Trong dự giờ sinh hoạt chuyên môn, người dự không tập trung vào quan sát việc giảng dạy của giáo viên để đánh giá, xếp loại giờ học mà quan sát việc học tập của học sinh, ghi lại những minh chứng để giúp giáo viên tìm ra nguyên nhân tại sao học sinh học chưa đạt kết quả như mong muốn, nhất là những học sinh có khó khăn về học tập. Từ đó, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

II. Sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học

1. Sự khác nhau giữa sinh hoạt chuyên môn truyền thống và sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học

1.1. Sinh hoạt chuyên môn truyền thống

a) Mục đích

- Đánh giá, xếp loại giờ dạy theo các tiêu chí, quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo. Khi dự giờ, người dự giờ tập trung quan sát các hoạt động dạy của giáo viên để phân tích góp ý, đánh giá, rút kinh nghiệm về nội dung kiến thức, phương pháp dạy học, cách sử dụng đồ dùng dạy học, phân bố thời gian...

- Thống nhất cách dạy, quy trình dạy các dạng bài của các môn học để tất cả giáo viên trong từng khối lớp cùng thực hiện, nhằm nâng cao kỹ năng dạy cho giáo viên.

b) Chuẩn bị bài và dạy minh họa

Bài dạy minh họa được phân công cho một giáo viên thiết kế, chuẩn bị và dạy minh họa theo nội dung các chuyên đề được xác định trong kế hoạch năm học hoặc theo nhu cầu của giáo viên.

Bài dạy minh họa được chuẩn bị, thiết kế theo mẫu quy định. Nội dung thiết kế thường chuyển tải hết nội dung theo quy định của sách giáo khoa và sách giáo viên mà không dựa vào đặc điểm của học sinh.

Khi dạy minh họa, giáo viên thường tập trung vào một số học sinh khá, ít quan tâm đến học sinh yếu kém vì sợ làm mất thời gian, chấy giáo án (*Nếu chỉ định học sinh yếu kém, em có thể không trả lời được hoặc có thể không làm được bài ảnh hưởng đến kết quả của giờ học*).

Giáo viên dạy minh họa cố gắng thực hiện đúng thời gian đã dự định cho mỗi hoạt động. Giờ dạy minh họa thường mang tính trình diễn, vì giáo viên dạy minh họa sợ bị đánh giá đã không truyền tải hết kiến thức, kỹ năng, không thực hiện đúng trình tự các bước dạy; các phương án dạy học, các hoạt động tổ chức dạy học chưa được xuất phát từ việc học của học sinh. Vì quan niệm trên nên nhiều giáo viên thường dạy trước bài học, huấn luyện trước cho học sinh, gợi ý câu trả lời cho một số học sinh khá.

c) Dự giờ

- Người dự giờ thường ngồi ở cuối lớp học, quan sát, ghi chép từng lời nói, việc làm của giáo viên, tiến trình của giờ học, nội dung bài học, phương pháp dạy học xem có đúng với giáo án đã thiết kế không, theo dõi thời gian của từng hoạt động có khớp không.

- Người dự chủ yếu “giám sát” theo dõi giáo viên dạy mà ít chú ý đến học sinh học như thế nào, có hiểu bài không, những nội dung nào chưa phù hợp, cần thay đổi hoặc rút ngắn, học sinh nào cần sự giúp đỡ của giáo viên nhiều hơn.

d) Thảo luận về giờ dạy minh họa

- Các ý kiến nhận xét sau giờ học nhằm đánh giá giáo viên, xếp loại giờ học. Dựa trên các tiêu chí, quy trình đã có sẵn, người dự đối chiếu với các hoạt động dạy của giáo viên và nhận xét về: cách kiểm tra bài cũ, cách vào bài như thế nào? cách trình bày bảng ra sao? cách diễn đạt của giáo viên, nội dung bài học được chuyển tải có đầy đủ và chính xác không? phương pháp sư phạm như thế nào? giáo viên dạy có theo trình tự, có đủ các bước không? phân phối thời gian ra sao? ...

- Những ý kiến thảo luận, góp ý thường không đưa ra được giải pháp để cải thiện giờ dạy mà tập trung mô tả các thiếu sót. Các ý kiến nhận xét thường mang tính chủ quan, áp đặt dựa trên kinh nghiệm của mỗi cá nhân.

- Không khí trong các buổi sinh hoạt chuyên môn thường căng thẳng, nặng nề sau những nhận xét phê bình, chỉ trích làm cho mối quan hệ giữa các

giáo viên thiếu thân thiện, cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Vì thế, hầu hết các giáo viên thường ngại dạy minh họa.

- Cuối buổi thảo luận người chủ trì tổng kết các ý kiến, thống nhất cách dạy chung và chỉ đạo cho tất cả giáo viên khối lớp đó thực hiện.

d) Kết quả

Sinh hoạt chuyên môn truyền thống, với mục đích đánh giá, xếp loại giờ dạy thường mang lại kết quả như sau:

- Đối với học sinh

+ Kết quả học tập của học sinh ít được cải thiện, vì giáo viên không quan tâm đến việc học của học sinh mà chỉ tập trung trình diễn cho những người dự xem, do đó giáo viên dạy đúng quy trình, hết nội dung bài. Kết quả học tập yếu kém của học sinh một phần do các em không hiểu nghĩa của nội dung, khái niệm trong sách giáo khoa. Hơn nữa giáo viên thường ít quan tâm đến những học sinh học yếu, nên dẫn đến kiến thức của các học sinh này đã yếu lại càng yếu thêm. Mặt khác, trong khá nhiều giờ dạy minh họa, học sinh chỉ là những diễn viên, thực hiện lại những hoạt động mà giáo viên đã dạy trước đó. Do đó, giờ dạy không thực chất, học sinh học mệt mỏi, nhàm chán.

+ Quan hệ giữa học sinh với học sinh trong những giờ học này thiếu thân thiện, có sự phân biệt giữa học sinh giỏi và học sinh kém. Học sinh giỏi xa cách học sinh yếu kém, học sinh yếu kém tự ti, sợ học, chán học dẫn đến bỏ học.

- Đối với giáo viên

+ Giáo viên thường lúng túng khi phải dạy minh họa vì họ không biết cần phải dạy cho học sinh theo trình độ thực sự của các em như thường ngày hay phải dạy cho những người tham dự đánh giá khả năng giảng dạy của mình. Chính vì vậy phần lớn giáo viên dạy minh họa một cách thụ động, máy móc theo đúng khuôn mẫu của các cấp chỉ đạo, theo đúng thiết kế bài học, không dám thay đổi nội dung/ngữ liệu trong sách giáo khoa, ngại đổi mới cách dạy vì sợ sai, không đúng với chỉ đạo của cấp trên. Tâm lý dạy đối phó này đã kìm hãm khả năng, năng lực sáng tạo của mỗi giáo viên để đáp ứng nhu cầu học của học sinh.

+ Các phương pháp dạy học mà giáo viên sử dụng thường mang tính hình thức, không hiệu quả. Ví dụ: khi tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm, thường chỉ có trưởng nhóm và thư kí làm việc, các học sinh khác không tham gia vào

quá trình thảo luận; thời gian hoạt động nhóm không phù hợp với nhiệm vụ và khả năng của học sinh. Do cách dạy một chiều nên giáo viên ít quan tâm đến việc học sinh có thực sự hiểu nghĩa của nội dung, khái niệm không, tại sao không hiểu, cần phải làm thế nào để học sinh dễ hiểu hơn...

+ Khi kết quả học tập của học sinh kém giáo viên thường đổ lỗi cho học sinh và các nguyên nhân khác. Ví dụ: Học sinh phát âm sai là do tiếng địa phương không thể sửa được; nhiều học sinh yếu kém là do học sinh dân tộc nhận thức chậm; do nội dung chương trình nặng; do hạn chế về thời gian, điều kiện dạy học... chứ không thấy trách nhiệm của chính mình.

+ Quan hệ giữa giáo viên và học sinh thiếu sự gần gũi, cởi mở. giáo viên thường nghiêm khắc, khắt khe, mệnh lệnh. Khi học sinh không hiểu bài giáo viên hay quát mắng, trách phạt, mà không tìm hiểu nguyên nhân vì sao học sinh gặp khó khăn trong học tập để có biện pháp giúp đỡ. Điều này dẫn đến việc học sinh yếu kém, cá biệt thường e ngại, xa lánh giáo viên, không dám hỏi lại khi không hiểu bài (vì lại sợ bị mắng).

+ Quan hệ giữa giáo viên với giáo viên thiếu sự cảm thông, chia sẻ, căng thẳng, nặng nề do các biểu hiện xoi mói, phủ nhận lẫn nhau. Ví dụ: *Khi giáo viên A dạy, giáo viên B có ý kiến nhận xét thiếu thiện chí, áp đặt. Khi giáo viên B dạy thì giáo viên A soi xét khuyết điểm tìm cách để phủ nhận ưu điểm,...* Do đó, giáo viên không muốn thay đổi cách dạy vì luôn sợ bị đồng nghiệp phê phán.

- Đối với cán bộ quản lý

+ Cán bộ quản lý chỉ đạo chuyên môn áp đặt, cứng nhắc, theo đúng quy định chung. Không dám công nhận những ý tưởng mới sáng tạo của giáo viên dẫn đến việc giáo viên dạy học một cách thụ động, máy móc, chiếu lệ, chọn cách dạy an toàn, chứ không theo hoàn cảnh hay trình độ thực tế của học sinh trong lớp học. Ví dụ: *Cán bộ chỉ đạo thường bắt buộc giáo viên soạn bài phải theo đúng mẫu đã được thống nhất, tiến trình bài học phải theo đúng quy trình, nội dung kiến thức đầy đủ theo sách giáo khoa, sách giáo viên...*

+ Quan hệ giữa cán bộ quản lý với giáo viên là quan hệ mệnh lệnh, xa cách, hành chính. Cán bộ quản lý ít quan tâm để hiểu biết tâm tư nguyện vọng, những khó khăn của giáo viên trong quá trình dạy học. Chính vì vậy giáo viên ngại chia sẻ những khó khăn, thường xuyên dỗi phờ khi bị kiểm tra đánh giá.

+ Việc kiểm tra giám sát thiếu chặt chẽ. Nhiều cán bộ quản lý chưa có kĩ

năng giám sát (thường lên kế hoạch trước mà ít kiểm tra đột xuất) nên giáo viên đối phó bằng cách chép giáo án của nhau hoặc giờ dạy hàng ngày thì dạy chay, đọc chép theo cách truyền thống. Khi có người dự thì chuẩn bị chu đáo đầy đủ đồ dùng dạy học, áp dụng các phương pháp mới, dạy trước, luyện tập trước cho học sinh, khi bị phê bình thì đổ lỗi cho học sinh,... nên chính ban giám hiệu cũng không phát hiện được những điểm yếu của giáo viên để hỗ trợ kịp thời.

- Đối với nhà trường

Do quan hệ giữa các thành viên thiếu cảm thông, thân thiện nên các hoạt động trong nhà trường thường gặp nhiều khó khăn, thiếu sự đồng thuận. Chất lượng học tập của học sinh không được cải thiện, năng lực chuyên môn của giáo viên không thực sự phát triển. giáo viên dạy học theo thành tích, theo xếp loại chứ không theo nhu cầu và chất lượng học của học sinh.

1.2. Sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học

a) Mục đích

- Giúp giáo viên tìm các giải pháp trong quá trình dạy học nhằm nâng cao kết quả học tập của học sinh. Người dự giờ tập trung phân tích hoạt động học của học sinh, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải, giáo viên dạy minh họa và người dự giờ cùng nhau tìm các giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập, mạnh dạn đưa ra những thay đổi, điều chỉnh nội dung, cách dạy cho phù hợp với đối tượng học sinh.

- Quan tâm tới tất cả học sinh trong lớp, đặc biệt chú ý tới những học sinh còn yếu hoặc ít tham gia vào các hoạt động học tập, không bỏ rơi bất cứ học sinh nào...

- Tạo cơ hội cho giáo viên phát triển năng lực chuyên môn, phát huy tính sáng tạo của mình. Thông qua việc dạy và dự giờ minh họa mỗi giáo viên tự rút ra bài học kinh nghiệm để vận dụng trong các giờ dạy của mình.

- Không đánh giá xếp loại giờ dạy theo các tiêu chí, quy trình đã được thống nhất, quy định.

b) Chuẩn bị bài dạy minh họa

- Bài dạy minh họa được giáo viên đăng ký tiết dạy minh họa chuẩn bị. giáo viên chủ động trong việc chuẩn bị nội dung bài dạy, không lệ thuộc một cách máy móc vào quy trình, các bước dạy trong sách giáo khoa hay sách giáo

viên. giáo viên có thể điều chỉnh mục tiêu bài học, thay đổi nội dung/ngữ liệu trong sách giáo khoa, điều chỉnh thời lượng, lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học, đồ dùng dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh, đặc biệt là học sinh có khó khăn về học.

- Các hoạt động học tập vẫn đảm bảo đạt được mục tiêu của bài học, nhưng tạo cơ hội cho tất cả mọi học sinh được tham gia vào quá trình học tập từ đó cải thiện được kết quả học tập của học sinh.

- Giáo viên chuẩn bị bài dạy minh họa có thể trao đổi ý tưởng, nội dung bài dạy của mình với các đồng nghiệp trong tổ chuyên môn để nâng cao chất lượng của tiết dạy minh họa. Các nội dung trao đổi thường được tập trung vào:

- + Đặt câu hỏi xem đây là loại bài học gì? (Hình thành kiến thức mới hay ôn tập, luyện tập, thực hành,...);

- + Cách giới thiệu bài học này như thế nào? (vào bài học trực tiếp hay gián tiếp? làm thế nào để vào bài học tự nhiên nhất);

- + Có sử dụng tình huống có vấn đề để giới thiệu bài học này không? (Tình huống như thế nào? Dự kiến cách giải quyết vấn đề ra sao?...);

- + Việc sử dụng các phương pháp dạy học và các phương tiện dạy học thế nào cho đạt hiệu quả cao?

- + Nội dung bài học chia ra những đơn vị kiến thức nào? Dự kiến tổ chức những hoạt động dạy học nào tương ứng? giáo viên sẽ sử dụng những câu hỏi để thúc đẩy khả năng tư duy sáng tạo của học sinh thế nào?

- + Từ đó dẫn tới câu hỏi về: Hình thức tổ chức lớp học nào là phù hợp? Cần chú ý những kỹ thuật dạy học nào được vận dụng ở đây? Lời nói, hành động, thao tác cụ thể của giáo viên là gì? giáo viên trình bày bảng những nội dung nào?

- Dự kiến tích hợp nội dung giáo dục liên quan nào là phù hợp. Điều đó tác động đến việc học của học sinh ra sao? Học sinh học như thế nào? Dự kiến cách suy nghĩ, lời nói, hành động, thao tác của học sinh khi học? Sản phẩm học tập của học sinh trong bài học này là gì?...Dự kiến những thuận lợi, khó khăn của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập? Dự kiến các tình huống xảy ra và các xử lý nếu có. ... Kết thúc bài học như thế nào? Đánh giá kết quả học tập

của học sinh qua tiết học bằng cách nào? Các bằng chứng để đánh giá kết quả học tập của học sinh là gì?

Sau khi kết thúc cuộc trao đổi thảo luận này, một giáo viên sẽ nhận nhiệm vụ phát triển đề cương đầu tiên của giáo án bài học nghiên cứu. Mục tiêu, nội dung và phương pháp của giờ học do giáo viên dạy minh họa chủ động lựa chọn. Do đó, giáo viên dạy minh họa cần tự quyết định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung, thiết bị dạy học, kết cấu và tiến trình bài học, phân tích và tiếp thu các ý kiến góp ý, chỉnh sửa nếu thấy cần thiết. Các thành viên khác có nhiệm vụ lên kế hoạch chi tiết cho việc quan sát và thảo luận khi tiến hành bài học nghiên cứu.

- Giáo viên dạy minh họa không bao giờ dạy trước nội dung tiết dạy minh họa để tạo hứng thú học tập cho học sinh và để các giáo viên dự giờ quan sát, phân tích được tình huống, hoạt động học tập có thật trong giờ dạy.

c) Dự giờ

- Người dự giờ đứng ở vị trí thuận lợi để có thể quan sát, ghi chép, quay phim, vẽ sơ đồ chỗ ngồi của học sinh một cách dễ dàng nhất (đứng hai bên, phía trước, phía sau lớp học)

- Đặt trọng tâm quan sát vào các biểu hiện tâm lí, thái độ, hành vi trong các tình huống, hoạt động học tập cụ thể của học sinh.

- Kết hợp sử dụng các kĩ thuật: nghe, nhìn, suy nghĩ, ghi chép, quay phim, chụp ảnh để có dữ liệu phân tích nhằm trả lời các câu hỏi: Học sinh học như thế nào? Học sinh gặp khó khăn gì? Vì sao? Cần thay đổi như thế nào để kết quả học tập của học sinh tốt hơn?

- Việc hiểu học sinh học như thế nào luôn là một vấn đề khó khăn cho người dự giờ. Năng lực quan sát tinh tế việc học của học sinh chỉ hình thành sau nhiều lần dự giờ theo nghiên cứu bài học. giáo viên có thể lập sơ đồ vị trí của lớp học để tiến hành quan sát. Kết hợp quan sát không khí lớp học một cách tổng thể với tập trung chú ý vào nhóm học sinh được lựa chọn. Hành vi, nét mặt, cử chỉ, lời nói của học sinh cần được quan sát, để tìm mối liên hệ giữa việc học của học sinh với tác động của phương pháp, nội dung dạy học.

d) Thảo luận về giờ dạy minh họa

- Giáo viên dạy minh họa chia sẻ về mục tiêu bài học, những ý tưởng mới, những thay đổi, điều chỉnh về nội dung, phương pháp dạy học, những cảm nhận của

mình qua giờ học, những điều hài lòng và chưa hài lòng trong quá trình dạy mình học.

- Người dự nhận xét góp ý về giờ học theo tinh thần trao đổi, chia sẻ, lắng nghe mang tính xây dựng. Các ý kiến tập trung vào phân tích các hoạt động học của học sinh: Học sinh học như thế nào? (mức độ tham gia, hứng thú và kết quả học tập của từng em). Cùng suy nghĩ tìm ra nguyên nhân vì sao học sinh chưa tích cực tham gia vào hoạt động học, học chưa đạt kết quả... và đưa ra các biện pháp thay đổi cách dạy nhằm đạt được mục tiêu của bài học, tạo cơ hội học tập cho mọi học sinh, không có học sinh bị “bỏ quên” trong quá trình học tập.

- Nếu giờ học chưa đạt được kết quả như mong muốn thì cần coi đó là bài học để mỗi giáo viên tự rút kinh nghiệm.

- Người chủ trì dẫn dắt buổi thảo luận tập trung vào nội dung trọng tâm, tạo không khí thân thiện, cởi mở và luôn linh hoạt xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình thảo luận. Tôn trọng và lắng nghe tất cả ý kiến của giáo viên, không áp đặt ý kiến của mình hoặc của một nhóm người.

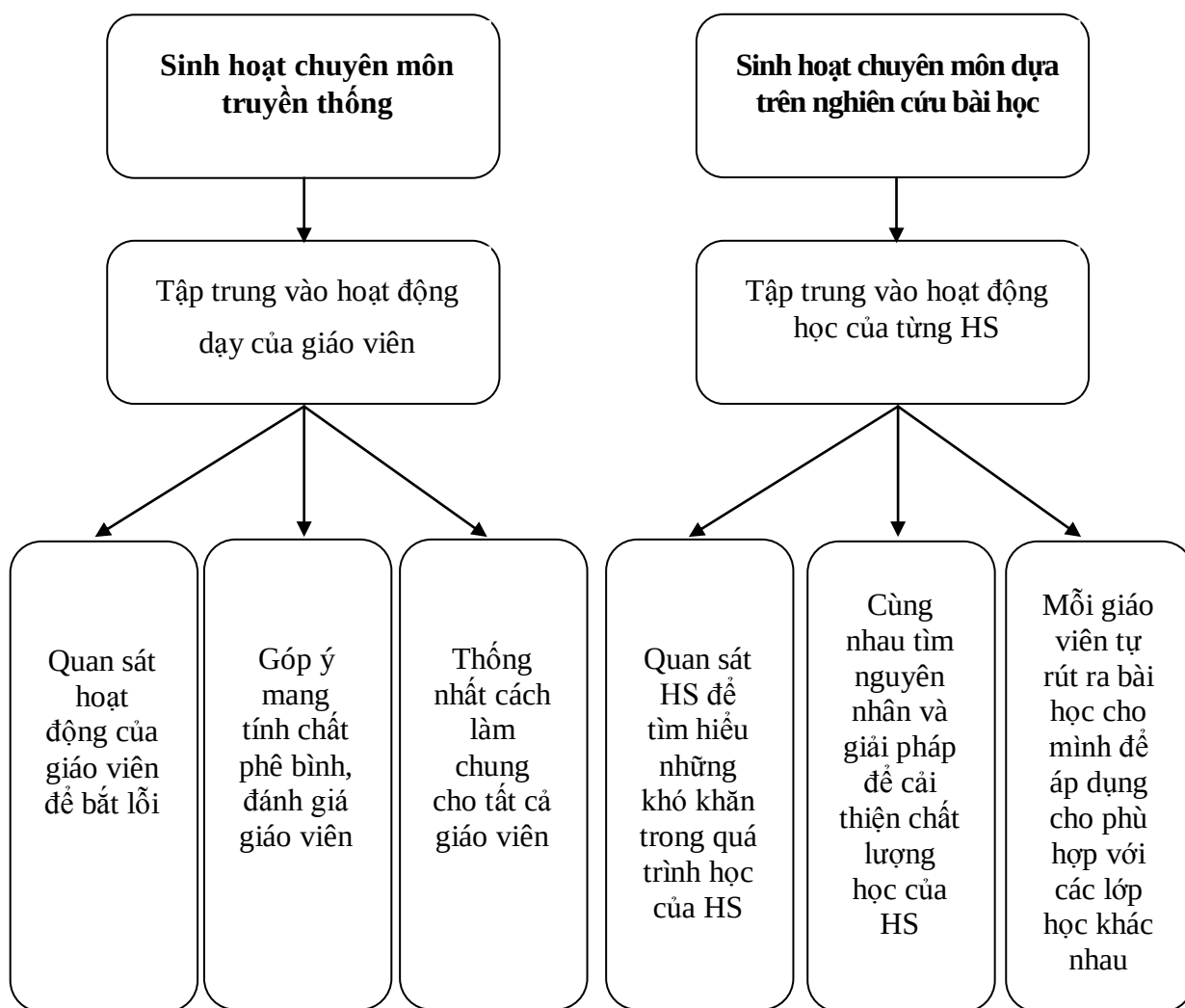
- Cuối buổi thảo luận, người chủ trì tóm tắt lại vấn đề thảo luận và gợi ý các vấn đề cần suy ngẫm để hoạt động học của học sinh được tốt hơn. Những người tham dự tự suy nghĩ rút kinh nghiệm và lựa chọn các biện pháp áp dụng cho các giờ dạy của mình. Không đánh giá xếp loại giờ học. Không đánh giá giáo viên.

Bảng so sánh sự khác biệt sinh hoạt chuyên môn truyền thống và sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học

	Sinh hoạt chuyên môn truyền thống	Sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học
Mục đích	- Đánh giá, xếp loại giờ dạy - Tập trung vào hoạt động dạy của giáo viên - Thống nhất cách dạy để các giáo viên cùng thực hiện.	- Tìm giải pháp để nâng cao kết quả học tập của học sinh - Tập trung vào hoạt động học của học sinh - Mỗi giáo viên tự rút ra bài học để áp dụng

Thiết kế bài dạy	- Một giáo viên thiết kế và dạy minh họa. - Thực hiện theo đúng nội dung, quy trình, các bước thiết kế theo quy định.	- giáo viên dạy minh họa thiết kế bài học với sự góp ý của đồng nghiệp. - Dựa vào trình độ của học sinh để lựa chọn nội dung, phương pháp, quy trình cho phù hợp.
Dạy minh họa - Dự giờ	Người dạy minh họa - Dạy theo nội dung kiến thức có trong sách giáo khoa. - Thực hiện tiến trình giờ học theo đúng quy trình.	Người dạy minh họa - Điều chỉnh các ngữ liệu dạy học phù hợp với nhu cầu học của học sinh. - Thực hiện tiến trình giờ học linh hoạt, sáng tạo dựa trên khả năng của học sinh.
Dự giờ	Người dự - Ngồi cuối lớp học, quan sát cử chỉ việc làm của giáo viên, ghi chép, quan sát cử chỉ, việc làm của giáo viên. - Tập trung xem xét giáo viên dạy có đúng các quy định không. - Đối chiếu với các tiêu chí đánh giá xếp loại giờ học	Người dự - Đứng xung quanh lớp học quan sát, vẽ sơ đồ chỗ ngồi của học sinh. - Tập trung quan sát học sinh học thế nào. - Suy nghĩ, phát hiện khó khăn trong học tập của học sinh đưa ra các biện pháp khắc phục.
Thảo luận về giờ dạy	- Dựa trên tiêu chí có sẵn, đánh giá xếp loại giờ dạy. - Tập trung nhận xét phân tích hoạt động của giáo viên. - Ý kiến nhận xét, đánh giá mang tính mở xẻ, chỉ trích, chủ quan. - Người chủ trì xếp loại giờ dạy, thống nhất cách dạy cho tất cả giáo viên	- Dựa trên kết quả học tập của học sinh rút kinh nghiệm. - Tập trung phân tích việc học của học sinh, đưa ra minh chứng cụ thể. - Mọi người cùng phát hiện vấn đề học của học sinh, tìm nguyên nhân, giải pháp khắc phục. - Người chủ trì tóm tắt các vấn đề thảo luận, gợi ý các nội dung cần suy ngẫm để mỗi giáo viên tự rút ra bài học.

**Sơ đồ tóm tắt sự khác nhau của sinh hoạt chuyên môn truyền thống
và sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học**



2. Cách thức sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học

2.1. Công tác chuẩn bị để đổi mới sinh hoạt chuyên môn

Việc thay đổi thói quen từ sinh hoạt chuyên môn truyền thống sang sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học cần phải có thời gian chuẩn bị về nhận thức, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện đúng các kỹ thuật này.

a) Nhiệm vụ của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng

- Thay đổi nhận thức, hành vi, giữ vai trò chủ động trong việc tạo niềm tin cho giáo viên về những thay đổi tích cực của bản thân họ trong các buổi dự giờ sinh hoạt chuyên môn, trong các mối quan hệ với đồng nghiệp và quan hệ với cán bộ quản lý.

- Thường xuyên chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên

môn dựa trên nghiên cứu bài học, tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên để triển khai công việc.

- Thực sự coi sinh hoạt chuyên môn là nền tảng, là biện pháp quan trọng để thay đổi chất lượng học tập của học sinh và văn hóa nhà trường.

- Tìm hiểu đầy đủ thông tin và cách thức thực hiện mô hình sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học.

- Tổ chức giới thiệu mô hình sinh hoạt chuyên môn mới, nêu sự cần thiết và những lợi ích mà sinh hoạt chuyên môn mới mang lại. Có cơ chế động viên khen thưởng kịp thời các tổ, nhóm chuyên môn tích cực đổi mới.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn.

Gợi ý Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn

Tuần	Người dạy minh họa	Lớp	Môn học	Người chủ trì
1	Nguyễn Hồng Vân	6A	Toán	Hiệu trưởng
2	Mai Thị Hồng Đào	6C	Ngữ Văn	Phó hiệu trưởng
3	Hoàng Thị Nhân	6D	Khoa học tự nhiên	Hiệu trưởng
4		6E		

- Lên kế hoạch để bổ sung thiết bị dạy học để đảm bảo cho các hoạt động dạy và học của nhà trường, giúp giáo viên có điều kiện về cơ sở vật chất để chuẩn bị cho giờ dạy như: máy ảnh, máy chiếu, máy quay nếu có điều kiện, tư liệu, học liệu,...

b) Nhiệm vụ của tổ trưởng chuyên môn

- Tổ, nhóm chuyên môn trong các nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch triển khai đổi mới sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Khuyến khích giáo viên đăng ký dạy minh họa, yêu cầu tất cả giáo viên của tổ cùng tham gia dự giờ, thảo luận và khuyến khích giáo viên vận dụng những điều học được vào thực tế.

- Tổ chức cho giáo viên tham gia thiết kế, thảo luận về kế hoạch bài học

(giáo án), tổ chức dạy minh họa, dự giờ, suy ngẫm, phân tích bài học trên cơ sở phân tích các hoạt động học của học sinh, tổ chức họp rút kinh nghiệm để từ đó cải tiến phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, xây dựng thành bài học kinh nghiệm, áp dụng vào công việc giảng dạy hàng ngày.

c) Nhiệm vụ của giáo viên

- Tìm hiểu nội dung, cách thức thực hiện mô hình sinh hoạt chuyên môn dự trên nghiên cứu bài học.

- Đăng ký tham gia nhóm thiết kế bài dạy minh họa, suy nghĩ, tìm tòi, tích cực sáng tạo để xây dựng ý tưởng/nội dung/phương pháp mới để thiết kế bài học.

- Học cách quan sát học sinh học, ghi chép, lắng nghe, suy nghĩ.

- Học cách lắng nghe và phản hồi mang tính xây dựng, tích cực tham gia thảo luận sau khi dự giờ về những khó khăn, nguyên nhân và hướng giải quyết.

- Tự rút kinh nghiệm cho bản thân sau dự giờ để điều chỉnh nội dung/ cách dạy cho phù hợp với học sinh của mình. Thay đổi cách quan sát và suy nghĩ về việc dạy của giáo viên và việc học của học sinh.

- Hình thành thói quen lắng nghe và chia sẻ ý kiến, xây dựng mối quan hệ đồng nghiệp thân thiện, cộng tác và học tập lẫn nhau.

- Xác định được mục tiêu của sinh hoạt chuyên môn là giúp mọi giáo viên có cơ hội học tập lẫn nhau. sinh hoạt chuyên môn không phải là nơi giáo viên giỏi dạy bảo giáo viên yếu.

- Cùng nhau phân tích các nguyên nhân, các mối quan hệ trong giờ học và tìm biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng dạy – học.

- Đi sâu nghiên cứu, phân tích các phương án dạy - học hiệu quả nhằm đáp ứng được nhu cầu và khả năng học của học sinh; tìm hiểu các mối quan hệ của học sinh với học sinh trong lớp, các kỹ năng cần thiết của giáo viên để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.

- Tăng cường khả năng độc lập, sáng tạo, thử nghiệm những ý tưởng mới vào bài dạy minh họa: Áp dụng tất cả những ý tưởng mới, những hiểu biết về phương pháp dạy học tích cực lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong bài dạy minh họa để rút kinh nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn và áp dụng trong các bài học hàng ngày.

2.2. Các bước thực hiện của một buổi sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học

a) Bước 1: Chuẩn bị nội dung bài dạy minh họa

- Giáo viên tự nguyện đăng kí hoặc Ban giám hiệu/tổ trưởng chuyên môn phân công giáo viên dạy minh họa. Thời gian đầu, nên khuyến khích các giáo viên có khả năng hay tổ trưởng chuyên môn xung phong chuẩn bị bài dạy minh họa.

- Giáo viên dạy minh họa chuẩn bị bài dạy, tổ chuyên môn tổ chức họp thảo luận lấy ý kiến góp ý từ các giáo viên trong tổ chuyên môn để cùng nhau thiết kế, trao đổi, đầu tư thời gian để chuẩn bị bài học. Bài dạy minh họa nên lựa chọn từ các môn học phù hợp cho việc áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực hoặc các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới được tập huấn để giáo viên thử nghiệm các sáng kiến kinh nghiệm mới, cách dạy mới... Ví dụ, lựa chọn nội dung minh họa cho việc: *điều chỉnh mục tiêu/nội dung của bài học; thay đổi nội dung/ngữ liệu; thử nghiệm sử dụng đồ dùng dạy học mới; áp dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực... phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của địa phương.*

- Bài dạy minh họa cần được thể hiện linh hoạt, sáng tạo. giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học để đạt được mục tiêu/chuẩn kiến thức kỹ năng của từng môn học, không phụ thuộc quá nhiều vào nội dung trong sách giáo khoa, các quy trình, các bước dạy trong sách giáo viên, mà dựa vào kinh nghiệm và vốn kiến thức của học sinh, giáo viên có thể lựa chọn các ví dụ và ngữ liệu gần gũi với **các** em để đạt được mục **tiêu** của bài học.

c) Bước 2: Tổ chức dạy minh họa - dự giờ

Tổ chức dạy minh họa - dự giờ là khâu quan trọng nhất trong sinh hoạt chuyên môn.

a) Dạy minh họa

- Giáo viên cần tiến hành dạy minh họa trên học sinh của lớp mình. Yêu cầu không được luyện tập trước khi dạy minh họa.

- Chuẩn bị không gian, bàn ghế thuận tiện cho người dự dễ dàng quan sát các hoạt động học tập của học sinh.

- Các hoạt động thiết kế đảm bảo thời lượng một tiết dạy minh họa không

nên kéo dài quá so với quy định của 1 tiết học.

b) Dự giờ

- Ban giám hiệu và các giáo viên trong trường cùng dự giờ.
- Số lượng giáo viên dự giờ không nên quá đông, đảm bảo cho học sinh có thể học bình thường.
- Dự giờ minh họa đòi hỏi sự tập trung cao độ của các giáo viên. Vị trí quan sát của người dự giờ rất quan trọng. Muốn có thông tin chính xác về việc học của học sinh người dự giờ cần phải đứng đối diện với học sinh để thấy được nét mặt, hành động, thao tác, sản phẩm của học sinh.
- Người dự giờ cần vẽ sơ đồ chỗ ngồi, quan sát, nghe, nhìn, suy nghĩ và ghi chép diễn biến hoạt động học của học sinh trong giờ học hay những biểu hiện tâm lý của học sinh thể hiện trong các hoạt động/tình huống cụ thể mà không bị bỏ sót khi quan sát.
- Người dự có thể chụp ảnh hoặc quay phim các hoạt động học của học sinh trong các tình huống nhưng không làm ảnh hưởng đến giờ học.
- Quan sát ghi chú các hoạt động học của học sinh, thái độ, cử chỉ, sự tham gia hay không tham gia của học sinh vào nội dung bài học.
- Tập trung quan sát những biểu hiện qua nét mặt, thái độ, hành vi, mối quan hệ tương tác giữa học sinh - giáo viên, học sinh - học sinh. Người dự giờ luôn phải đặt câu hỏi cho mình là “Học sinh học được gì? Học sinh có hứng thú không? Vì sao có? Vì sao không? Học sinh có biểu hiện như thế nào? Hoạt động nhóm có thực sự đảm bảo cơ hội cho tất cả học sinh tham gia? Có học sinh nào bị “bỏ quên” không?...
- Người dự giờ có thể ghi chép/ghi âm những câu hỏi của giáo viên và câu trả lời của học sinh, quan sát thái độ của học sinh, các biểu hiện trên nét mặt khi thực hiện nhiệm vụ, kết quả sản phẩm... Từ đó suy nghĩ, phân tích tìm nguyên nhân và đưa ra giải pháp tích cực hơn. Ví dụ:
 - * Vì sao học sinh A và nhiều học sinh khác không trả lời được câu hỏi, có phải học sinh không hiểu câu hỏi, hay câu hỏi có quá khó đối với trẻ? Nếu thực sự quá khó thì cần thay đổi câu hỏi như thế nào để học sinh có thể trả lời được?
 - * Vì sao học sinh A không tham gia hoạt động? Có thể học sinh chưa hiểu

rõ nhiệm vụ hay nhiệm vụ đó quá khó/quá dễ đối với học sinh, cần phải làm thế nào để học sinh tích cực tham gia hoạt động này?

* Trong hoạt động luyện tập chỉ có một số ít học sinh làm đúng, phần đông học sinh làm sai, vậy tại sao học sinh làm sai? Có thể học sinh chưa hiểu cách làm, tại sao chưa hiểu? Do ngôn ngữ hay do cách giải thích của giáo viên chưa rõ, cần thay đổi ngôn ngữ hay thay đổi cách giải thích như thế nào để học sinh dễ hiểu hơn...

Mỗi giáo viên đều có những suy nghĩ, cảm nhận, có cách giải quyết vấn đề khác nhau, nên khi chia sẻ cùng nhau sẽ làm cho buổi thảo luận trở lên sôi nổi, bổ ích và sâu sắc.

- Việc dự giờ và quan sát học sinh thường xuyên sẽ giúp cho mỗi giáo viên tự suy nghĩ, phát hiện và hiểu rõ nguyên nhân của những khó khăn mà học sinh đang gặp phải trong quá trình học tập. Từ đó tự điều chỉnh cách dạy của mình cho phù hợp với đối tượng học và có kế hoạch quan tâm giúp đỡ những học sinh đang gặp khó khăn về nhận thức hoặc hoàn cảnh gia đình....

- Trong sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, khi mọi người cùng nhau tập trung hướng vào hoạt động học của học sinh, tìm nguyên nhân và các giải pháp cho các vấn đề khó khăn về học của học sinh thì mối quan hệ giữa người dạy và người dự trở nên gần gũi, có sự cảm thông, chia sẻ.

c) Bước 3: Thảo luận về giờ học

Sau khi dự tiết dạy minh họa, các giáo viên sẽ thảo luận về giờ học. Đây là hoạt động trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng và hiệu quả của buổi sinh hoạt chuyên môn. Để đạt được mục đích của buổi thảo luận, những người tham dự cần tham gia tích cực và chia sẻ ý kiến với tinh thần xây dựng.

Trong khi thảo luận vai trò của người chủ trì hết sức quan trọng. Người chủ trì không chỉ có khả năng chuyên môn mà còn có năng lực tổ chức, nhanh, nhạy, linh hoạt xử lý các tình huống để điều hành, dẫn dắt buổi sinh hoạt chuyên môn đi đúng hướng, đúng trọng tâm, đạt hiệu quả và tạo được bầu không khí thân thiện, cởi mở, gắn bó giữa các thành viên trong nhà trường.

(1) Địa điểm thảo luận

Địa điểm thảo luận cần đủ rộng, đủ chỗ ngồi cho người tham dự. Nếu có các phương tiện hỗ trợ như máy tính, máy chiếu thì càng tốt... cần sắp xếp bàn

ghế để người tham dự ngồi đối diện với nhau, tạo điều kiện dễ dàng cho việc trao đổi ý kiến đồng thời làm cho bầu không khí thảo luận thân thiện, gần gũi.

(2) Tiến trình buổi thảo luận

- Bước 1: *Người chủ trì* nêu mục đích của buổi thảo luận.

- Bước 2: *giáo viên dạy minh họa* đại diện cho nhóm thiết kế nêu mục tiêu cần đạt của bài học, những ý tưởng thay đổi về nội dung, phương pháp, đồ dùng dạy học để phù hợp với đối tượng học sinh cụ thể và cảm nhận sau khi dạy bài học, sự hài lòng, những băn khoăn hay khó khăn khi thực hiện bài dạy.

- Bước 3: giáo viên dự giờ chia sẻ ý kiến về giờ học.

+ Sau khi giáo viên dạy minh họa trình bày, các giáo viên tham dự có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn ý đồ của người dạy. Nếu thực hiện chụp ảnh hay quay video giờ học, người chủ trì có thể cho giáo viên xem lại hình ảnh các hoạt động trọng tâm hoặc dừng lại ở một số hình ảnh tiêu biểu (học sinh hứng thú, tích cực, mệt mỏi, chán nản, ngủ gật, không tập trung, lắng nghe nhưng không hiểu...).

+ Khuyến khích tất cả các giáo viên dự giờ chia sẻ những quan sát, suy nghĩ, cảm nhận của mình về giờ học, những thông tin thu được trong quá trình quan sát. Người dự giờ có thể mô tả một tình huống học tập có vấn đề hoặc mô tả chi tiết hoạt động của một học sinh hay một nhóm học sinh, phân tích nguyên nhân của hiện tượng đó và đưa ra giải pháp nếu cần thiết. . .

+ Mỗi giáo viên khi bắt đầu phát biểu nên phát biểu về những điều tốt mình học được từ đồng nghiệp trong giờ dạy, sau đó mới đưa ra ý kiến cần trao đổi, như vậy sẽ tạo được sự tự tin hơn cho đồng nghiệp.

- Câu hỏi gợi ý thảo luận:

+ Những điều mình học được qua bài dạy minh họa?

+ Tại sao học sinh A có biểu hiện khó khăn trong giờ học?

+ Mô tả những hiện tượng quan sát được, những biểu hiện cụ thể của học sinh như: vẻ mặt, thái độ, hoạt động, sản phẩm...

+ Nguyên nhân của những khó khăn?

+ Làm gì để khắc phục những khó khăn?

+ Bài học có gì mới/sáng tạo so với sách giáo khoa, sách giáo viên, điều này được thể hiện qua kết quả học tập của học sinh như thế nào?

+ Các nội dung/hoạt động học tập có phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh không? (đủ thời gian học, dễ hiểu, thu hút sự tham gia của học sinh).

+ Các phương pháp, kỹ thuật dạy học có làm cho học sinh hứng thú mang lại hiệu quả thực sự không? Tại sao? (hoạt động nhóm, cá nhân).

+ Học sinh được quan tâm/ hỗ trợ như thế nào? (học sinh tích cực, học sinh yếu kém, học sinh bị “bỏ quên”...).

+ Học sinh có cơ hội liên hệ kiến thức đã biết để hình thành kiến thức mới như thế nào?

- Khi thảo luận cần lưu ý 3 vấn đề sau:

+ Mọi quan hệ giữa giáo viên - học sinh; giữa học sinh - học sinh trong tình huống đó như thế nào?

+ Học sinh học được gì qua hoạt động đó?

+ Hoạt động đó có tác động đến quá trình lĩnh hội kiến thức, sự tham gia của học sinh như thế nào?

- Để đảm bảo không khí buổi sinh hoạt chuyên môn thân thiện, cởi mở, không căng thẳng nặng nề, người chủ trì cần lắng nghe tích cực và khéo léo hướng buổi thảo luận đi đúng trọng tâm, tập trung vào phân tích hoạt động học tập của học sinh để đạt được mục đích, không nên để người dự mỗ xẻ, phân tích, xoi mói những hạn chế của giáo viên dạy minh họa.

- Người góp ý cần căn cứ vào mục tiêu của bài học để hiến kế đưa ra các giải pháp để giúp người dạy khắc phục những hạn chế sao cho tạo cơ hội cho tất cả các học sinh đều được tham gia học tập, tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả.

- Mỗi người dự giờ tự tìm ra những yếu tố tích cực, suy nghĩ xem mình đã học được gì từ bài học này (kể cả việc rút kinh nghiệm từ những cái sai của đồng nghiệp) trước khi đưa ra những nhận xét về những hạn chế của giờ học. Người dự nên nêu những phát hiện, mà giáo viên dạy minh họa có thể không nhìn thấy vì chưa bao quát hết được (không nghe rõ, không nhìn thấy, ít chú ý, không cảm nhận được...) điều này sẽ giúp cho giáo viên nhìn lại mình và tự điều chỉnh để hoàn thiện hơn trong các giờ học sau.

- Không áp đặt ý kiến, kinh nghiệm chủ quan cá nhân, quá chú trọng đến các quy trình truyền thống của một giờ dạy. Khi đưa ra nhận xét, người dự không

nên sử dụng những câu nói như: “Nếu là tôi, tôi sẽ...” hoặc “tóm lại, chúng ta cần/cách tốt nhất là...” Người dự cần đặt mình vào vị trí của người dạy minh họa thực hiện giờ học để chia sẻ những khó khăn và những kết quả của giờ học. Đặc biệt là không đánh giá giáo viên, không xếp loại giờ học và không kết luận cần phải thay đổi theo cách nào. Trong quá trình thảo luận các giáo viên sẽ đưa ra rất nhiều giải pháp khác nhau, tuy nhiên mỗi giáo viên sẽ tự suy nghĩ và lựa chọn giải pháp phù hợp với học sinh và điều kiện học tập của lớp mình.

- Nếu cần thiết, các giáo viên có thể cùng thảo luận thiết kế lại bài học dựa trên thực tế và những kinh nghiệm, biện pháp được rút ra trong bài học minh họa để kiểm chứng cho những giải pháp đã đưa ra.

- Cần lưu ý rằng sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học không nhất thiết chỉ dành cho một tổ chuyên môn. giáo viên thuộc các tổ chuyên môn khác nhau có thể học tập được rất nhiều từ đồng nghiệp ở tổ chuyên môn khác.

- Thời gian cho một buổi sinh hoạt chuyên môn nên kéo dài khoảng từ một tiếng rưỡi đến hai tiếng để đảm bảo cho mọi giáo viên đều có cơ hội trao đổi đầy đủ ý kiến của mình.

(3) Định hướng phân tích bài học

Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực nói chung đều nhằm tổ chức hoạt động học tích cực, tự lực, sáng tạo của học sinh. Quá trình dạy học mỗi chủ đề được thiết kế thành các hoạt động học của học sinh dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau. Học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của học sinh, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho học sinh của giáo viên. Các tiêu chí cụ thể cho việc phân tích kế hoạch bài học và hoạt động dạy học đã được trình bày ở trên. Vận dụng các tiêu chí đó, việc phân tích, rút kinh nghiệm một giờ học được dựa trên phân tích từng hoạt động học đã được thực hiện. Việc phân tích mỗi hoạt động học cụ thể trong giờ học được tiến hành theo các bước sau:

a) Bước 1: Mô tả hành động của học sinh trong mỗi hoạt động học

Mô tả rõ ràng, chính xác những hành động mà học sinh/nhóm học sinh đã thực hiện trong hoạt động học được đưa ra phân tích. Cụ thể là:

- Học sinh đã tiếp nhận nhiệm vụ học tập thế nào?

- Từng cá nhân học sinh đã làm gì (nghe, nói, đọc, viết) để thực hiện nhiệm vụ học tập được giao? Chẳng hạn, học sinh đã nghe/đọc được gì, thể hiện qua việc học sinh đã ghi được những gì vào vở học tập cá nhân?

- Học sinh đã trao đổi/thảo luận với bạn/nhóm bạn những gì, thể hiện thông qua lời nói, cử chỉ thế nào?

- Sản phẩm học tập của học sinh/nhóm học sinh là gì?

- Học sinh đã chia sẻ/thảo luận về sản phẩm học tập thế nào? Học sinh/nhóm học sinh nào báo cáo? Báo cáo bằng cách nào/như thế nào? Các học sinh/nhóm học sinh khác trong lớp đã lắng nghe/thảo luận/ghi nhận báo cáo của bạn/nhóm bạn thế nào?

- Giáo viên đã quan sát/giúp đỡ học sinh/nhóm học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập được giao thế nào?

- Giáo viên đã tổ chức/điều khiển học sinh/nhóm học sinh chia sẻ/trao đổi/thảo luận về sản phẩm học tập bằng cách nào/như thế nào?

b) Bước 2: Đánh giá kết quả/hiệu quả của hoạt động học

Với mỗi hoạt động học được mô tả như trên, phân tích và đánh giá về kết quả/hiệu quả của hoạt động học đã được thực hiện. Cụ thể là:

- Qua hoạt động đó, học sinh đã học được gì (thể hiện qua việc đã chiếm lĩnh được những kiến thức, kỹ năng gì)?

- Những kiến thức, kỹ năng gì học sinh còn chưa học được (theo mục tiêu của hoạt động học)?

c) Bước 3: Phân tích nguyên nhân ưu điểm/hạn chế của hoạt động học

Phân tích rõ tại sao học sinh đã học được/chưa học được kiến thức, kỹ năng cần dạy thông qua mục tiêu, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành:

- Mục tiêu của hoạt động học (thể hiện thông qua sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành) là gì?

- Nội dung của hoạt động học là gì? Qua hoạt động học này, học sinh được học/vận dụng những kiến thức, kỹ năng gì?

- Học sinh đã được yêu cầu/hướng dẫn cách thức thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân, cặp, nhóm) như thế nào?

- Sản phẩm học tập (yêu cầu về nội dung và hình thức thể hiện) mà học sinh phải hoàn thành là gì?

d) Bước 4: Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động học

Để nâng cao kết quả/hiệu quả hoạt động học của học sinh cần phải điều chỉnh, bổ sung những gì về:

- Mục tiêu, nội dung, phương thức, sản phẩm học tập của hoạt động học?
- Kỹ thuật tổ chức hoạt động học của học sinh: chuyển giao nhiệm vụ học tập; quan sát, hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập; tổ chức, hướng dẫn học sinh báo cáo, thảo luận về sản phẩm học tập; nhận xét, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh.

III. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

1. Khái niệm sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (còn gọi là sinh hoạt chuyên môn liên trường) là hình thức tập trung giáo viên, cán bộ quản lý của các trường có khoảng cách địa lý giữa các trường trung học cơ sở không quá xa, tới một trường trung học cơ sở để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn về nội dung, phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá học sinh và công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường có mức độ cao hơn, rộng hơn so với nội dung sinh hoạt chuyên môn định kỳ tại các trường. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường đề cập tới các vấn đề mang tính tổng kết, đánh giá của các trường; những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự phối hợp, tháo gỡ từ nhiều giáo viên, từ nhiều trường học hoặc từ các giáo viên cốt cán, chuyên gia giáo dục giỏi ở địa phương và trung ương.

Cơ chế sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là tự nguyện, do các trường đứng ra tự tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ có tính thiết thực, mang lại lợi ích cho chính bản thân các trường cùng tham gia sinh hoạt. Thời gian, địa điểm, chi phí và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động. Tuy nhiên, do tính chất và tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, các sở/phòng giáo dục và đào tạo có thể quan tâm hướng dẫn, coi đó là biện pháp hiệu quả để bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời có thể khuyến khích, tạo điều

kiện hỗ trợ thường xuyên, mọi mặt cho sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

2. Tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường mang lại tác dụng trên nhiều mặt:

- Tạo nên mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.
- Xây dựng được đội ngũ giáo viên cốt cán có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho các trường trong từng khu vực và cả địa phương.
- Tạo nên sự gắn kết giữa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giữa các trường có điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa tương đồng...

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là một hoạt động tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên, có tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác quản lý giáo dục của các trường trong cụm, đồng thời khuyến khích giáo viên nhìn lại quá trình dạy học và tự đánh giá về năng lực nghề nghiệp của mình. Thông qua nghiên cứu sáng kiến và khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác, thiết thực; đổi mới tư duy của giáo viên theo yêu cầu của mô hình trường học mới. Trong thực tế, chính giáo viên đã đưa ra giải pháp có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, luân phiên tại các điểm trường để mọi giáo viên có cơ hội hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, cán bộ quản lý có cơ hội nắm bắt hiểu biết sâu hơn tình hình chất lượng, những khó khăn của giáo viên và học sinh tại các điểm trường để có kế hoạch hỗ trợ...

3. Tiêu chí thành lập cụm trường sinh hoạt chuyên môn

3.1. Thành lập cụm trường

- Mỗi cụm trường có từ khoảng 3 - 6 trường, trong đó 1 trường được chọn là trường trung tâm cụm; các trường trong 1 cụm do 1 Phòng GDĐT quản lý.
- Khoảng cách giữa các trường trong cụm không quá xa, thuận lợi cho giáo viên, học sinh đi lại trong quá trình tham gia các hoạt động chuyên môn giữa các cụm trường;
- Có đủ GV các môn học, trong đó có các GV giỏi, nòng cốt để phối hợp, hỗ trợ giảng dạy giữa các trường trong cụm;

- Các trường trong cụm có thể hỗ trợ cho nhau về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, kết nối mạng internet;

3.2. Tiêu chí lựa chọn trường làm trường trung tâm cụm

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục

- Là trường được đánh giá có chất lượng giáo dục toàn diện trong giảng dạy và học tập, và có năng lực xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục, cụ thể;

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên; tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm sáng tạo;

- Tổ chức triển khai phương pháp dạy học tích cực, tăng cường kỹ năng thực hành;

- Thực hiện sinh hoạt, trao đổi quản lý các hoạt động chuyên môn;

- Kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn giáo dục của địa phương và các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, giáo viên, trình độ quản lý;

- Đưa ra được những hình thức hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ phong phú để có thể huy động đông đảo giáo viên, CBQL GD nhiệt tình tham gia;

- Đề ra được các giải pháp, biện pháp sáng tạo trong công tác quản lý, giám sát, kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch một cách linh hoạt, hợp lý.

b) Vị trí địa lý của nhà trường: phải thuận tiện cho GV đi lại trong quá trình tham gia học tập, sinh hoạt chuyên môn.

c) Tổ chức của nhà trường: có đủ các khối lớp của mỗi cấp học, mỗi lớp không quá 45 học sinh; có đủ các tổ chuyên môn theo quy định của Bộ.

d) Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên: đảm bảo đủ về số lượng theo quy định, cơ cấu GV hợp lý, có thể hỗ trợ các trường khác về quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.

đ) Cơ sở vật chất: có đủ phòng học, phòng chức năng và chuẩn bị điều kiện tiếp nhận thiết bị kết nối với phòng học trực tuyến để tổ chức các hội thảo chuyên môn, các tiết dạy mẫu, các tiết thực hành thí nghiệm...

4. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

a) Báo cáo toàn diện hay một vấn đề đặc trưng của mỗi trường về kết quả triển khai mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Nội dung báo cáo bao gồm:

- Những ứng dụng có được trong quá trình giảng dạy qua hoạt động của hội đồng tự quản học sinh, qua các không gian và tài liệu học tập như: góc học tập, góc cộng đồng, thư viện lớp học và bản đồ cộng đồng vào môn học và hoạt động giáo dục đã thực hiện trong thời gian vừa qua.

- Những ví dụ thực tế, những bài học kinh nghiệm về sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong thời gian vừa qua.

- Tổ chức và điều hành nhóm học tập.

- Chia sẻ kinh nghiệm quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình học tập; kỹ thuật ghi chép để đánh giá quá trình học tập của học sinh.

- Chia sẻ các biện pháp hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong quá trình học tập; những kinh nghiệm trong việc đánh giá sản phẩm học tập của học sinh...

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Các sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng chủ yếu đề cập đến việc điều chỉnh nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và hướng dẫn hoạt động giáo dục hoặc những chủ đề chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm liên quan trực tiếp tới mô hình trường học mới. Nội dung các báo cáo được viết dưới dạng một đề tài về nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, có thể cấu trúc theo ba phần cơ bản sau:

- *Trải nghiệm qua dạy học*: Qua thực tế dạy học, giáo viên quan sát, tìm hiểu học sinh và đặt các câu hỏi:

+ Vì sao hoạt động/nội dung này không thu hút học sinh tham gia?

+ Vì sao kết quả học tập của học sinh sụt giảm khi thực hiện hoạt động hai học nội dung này?

+ Kỹ thuật/phương pháp này có nâng cao kết quả học tập của học sinh không?

+ Có cách nào tốt hơn để thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục trong nhà trường không?

Từ đó, xác định nguyên nhân gây ra thực trạng và chọn một hoặc vài nguyên nhân để tiến hành nghiên cứu, tìm sáng kiến để tác động thay đổi thực trạng.

- *Thử nghiệm trực tiếp tại các trường*: Thử nghiệm sáng kiến, giải pháp thay thế trong lớp/trường học.

- *Kiểm chứng kết quả sáng kiến trong quá trình thực tế dạy học*: Tìm xem sáng kiến, giải pháp thay thế có hiệu quả hay không và hiệu quả được khẳng định qua những minh chứng cụ thể nào.

Việc thực hiện theo cấu trúc ba phần cơ bản trên giúp giáo viên phát hiện được các vấn đề mới, làm cho bài học của thầy và trò cuốn hút và hiệu quả hơn. Các sáng kiến, giải pháp do chính giáo viên nghiên cứu và được điều chỉnh từ mô hình trường học mới hoặc có thể từ mô hình nhà trường truyền thống. Không nên chọn những nội dung để nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng mà không liên quan trực tiếp đến quá trình dạy học hàng ngày của giáo viên.

c) Tham quan lớp học kiểu mẫu của mô hình trường học mới

Chọn lớp tốt nhất, thành công nhất ở địa điểm tổ chức sinh hoạt cụm trường để các đại biểu tới sinh hoạt chuyên môn được tham quan trải nghiệm thực tế. Nên dành thời gian để giáo viên chia sẻ với nhau về những khó khăn tương tự, trao đổi ý tưởng, thực hành và trải nghiệm, áp dụng những cách tiếp cận mới, từ đó thấy được những thành công và khả năng tồn tại khác.

Các đại biểu cũng được giới thiệu và tìm hiểu cách làm các công cụ hỗ trợ học tập, các thiết bị và đồ dùng dạy học do giáo viên, học sinh và cộng đồng tự làm bằng nguyên vật liệu được dùng lại hoặc sẵn có ở địa phương.

Các đại biểu cũng có thể gặp đại diện cha mẹ học sinh, cộng đồng để trao đổi cách làm, cách học từ cuộc sống hằng ngày tại cộng đồng. Ngược lại, cộng đồng cũng báo cáo học được gì từ nhà trường và đã thay đổi gia đình và cộng đồng như thế nào.

d) Chuẩn bị kế hoạch cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo

Việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo là quan trọng và cần thiết. Các trường trong cụm cần thống nhất được những nội dung cụ thể cho lần sinh hoạt tiếp theo và có kế hoạch chuẩn bị; phân công hết sức cụ thể cho từng tập thể, cá nhân chuẩn bị các

nội dung liên quan và các điều kiện cần thiết để lần sinh hoạt cụm tiếp theo đem lại hiệu quả cao.

Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường phải luôn luôn khả thi vì các hoạt động của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường tự xây dựng theo yêu cầu, mục đích thiết thực và phải đem lại lợi ích cụ thể cho từng trường. Do vị trí địa lý của các trường tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường gần nhau nên giáo viên và cán bộ quản lý có thể đi lại bằng phương tiện cá nhân, tiết kiệm được thời gian lưu trú khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.

IV. Tham gia các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối”

1. Hướng dẫn sử dụng "Nghịệp vụ trường học"

1.1. Tài khoản cấp trường

Tóm tắt Hướng dẫn Tài khoản cấp trường:

Bước 1: Đăng nhập

Bước 2: Khai báo thông tin trường

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Khai báo thông tin chung**”.

Khai báo Tên trường, địa chỉ trường.

Ấn nút “**Đồng ý**” để xác định khai báo.

Bước 3: Khai báo thông tin cá nhân TK trường

Đổi mật khẩu.

Đổi tên tài khoản.

Khai báo thông tin.

Upload ảnh đại diện của trường.

Bước 4: Quản lý giáo viên

Bước 5: Quản lý lớp học

Bước 6: Quản lý học sinh

Bước 7: Phân công giảng dạy và sắp xếp thời khóa biểu

Bước 8: Theo dõi hoạt động Sinh hoạt chuyên môn

a) Khai báo thông tin chung

KHAI BÁO
THÔNG TIN CHUNG

Quản lý
Nghiệp vụ trường học

Quản lý
Bài học của GV

Danh sách
Các bài học bị xóa

Quản lý
Giáo án điện tử

Quản lý
Công văn, tin tức

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Lần đăng nhập đầu tiên, trường phổ thông phải khai báo để khởi tạo không gian riêng trong mục “**Khai báo thông tin chung**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN KHỞI TẠO CỦA TRƯỜNG

Tên trường	THPT	Hai Bà Trưng
Tỉnh/thành phố	Hà Nội	
Quận/huyện	Hai Bà Trưng	
Số nhà, đường phố, xã	254 - Minh Khai	<i>*Lưu ý: Chỉ nhập số nhà, đường phố, xã.</i>
Địa chỉ	254 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	

Đồng ý

Trong trang này, phải khai báo đầy đủ thông tin: Loại trường (THPT/trung học cơ sở), Tên trường (Ví dụ: Hai Bà Trưng), Địa chỉ của trường,...

Sau khi khai báo thông tin của trường, nếu phát hiện sai sót, có thể chỉnh sửa lại bằng cách chọn nút “**Chỉnh sửa**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN

Mã trường: THA.98.00001

Tên trường: THPTToàn học

Địa chỉ: 136 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

Chỉnh sửa

Trở lại

b) Quản lý giáo viên

- Quản lý danh sách giáo viên:

Để truy cập không gian quản lý giáo viên, quý thầy/cô chọn nút “**Quản lý giáo viên**” trên thanh menu ngang.

Danh sách thông tin giáo viên của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin khai báo của giáo viên như họ tên, học hàm, học vị, ngày sinh, chuyên môn, chức vụ, địa chỉ, thông tin liên lạc...

Có thể chọn nút “**Xem lịch dạy**” tương ứng với mỗi giáo viên để xem thời khóa biểu do nhà trường phân công giảng dạy cho giáo viên đó (tính năng này sẽ được trình bày cụ thể hơn ở mục 3.4.).

- Tạo tài khoản cho giáo viên:

Để tạo tài khoản cho giáo viên, chọn nút “**Tạo TK giáo viên**” trong không gian quản lý giáo viên.



Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này. Tuy nhiên, người dùng có thể yêu cầu thay đổi một chuỗi mật khẩu khác bằng cách kích chuột vào “**Sinh mật khẩu**”.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, người dùng cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho giáo viên. Nếu không thực hiện bước copy này, người dùng sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp người dùng quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày ở dưới đây để khắc phục.

Người dùng cần lưu ý số hạn ngạch tài khoản giáo viên do Sở GD&ĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, hãy liên lạc với quản trị cấp Sở để được tăng số hạn ngạch.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **giáo viên.00109.020** với mật khẩu truy cập **JgC8oxNd**).

- Đổi mật khẩu cho giáo viên:

Trường hợp khi tạo tài khoản giáo viên không lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, giáo viên quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho giáo viên bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên của trường.

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với giáo viên.

1	 Th.S. Nguyễn Xuân Trung (Xem lịch dạy)	Mã GV: GV.00109.001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/12/1976 Chuyên môn: Vật lý Chức vụ: Phó Hiệu trưởng	Điện thoại: 0913568506 Email: trungtpbtd@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu Xóa
---	---	---	--	---------------------------------------

Mật khẩu mới: EG0rmus6

Sinh mật khẩu

Đổi mật khẩu

Hãy lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho giáo viên.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản giáo viên.

Có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các ký tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản giáo viên đó.

- Xóa tài khoản giáo viên:

Để xóa tài khoản giáo viên không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên.

Sau khi xóa, tài khoản giáo viên đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản giáo viên, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa như trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản giáo viên:

Để khôi phục lại các tài khoản giáo viên đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục giáo viên**” trong không gian quản lý giáo viên. Danh sách tài khoản giáo viên đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên. Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng với giáo viên để khôi phục lại tài khoản. Sau khi được khôi phục, tài khoản giáo viên đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

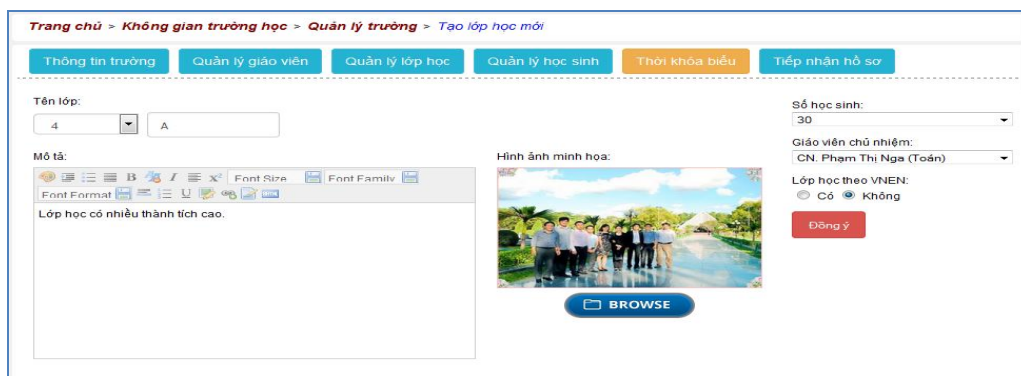
c) Quản lý lớp học

Để truy cập không gian “**Quản lý lớp học**”, chọn mục “**Quản lý lớp học**” trên thanh menu ngang.

- Tạo lớp học mới:

Chọn nút “**Tạo lớp học**” để vào không gian tạo một lớp học mới.

Điền các thông tin cơ bản của lớp học:



Tên lớp: ví dụ, muốn tạo lớp 12A5, chọn lớp 12 và gõ A5 vào ô bên cạnh.

Mô tả: mô tả chung về lớp học (sĩ số, thành tích lớp học,...).

Hình ảnh minh họa: hình ảnh hiển thị cho lớp học (có thể là hình ảnh tập thể của lớp).

Số học sinh: sĩ số của lớp học.

Giáo viên chủ nhiệm: lựa chọn giáo viên chủ nhiệm cho lớp học trong số giáo viên trong trường.

Lựa chọn lớp học theo trường học mới (nếu cần). Lưu ý: chỉ có những trường thí điểm theo mô hình trường học mới mới có tính năng này. Các lớp học trường học mới sẽ có không gian quản trị điểm số khác so với các lớp học thường.

Cuối cùng, chọn nút “**Đồng ý**” để tạo một lớp học mới.

- Tạo tài khoản học sinh theo đơn vị lớp:

Sau khi tạo lớp học thành công, lớp học mới sẽ hiển thị trong danh sách ở mục “**Quản lý lớp học**”.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đông (Toán)	Chi tiết	32	Tạo tài khoản HS	Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	------------------	-----	-----

Để tạo tài khoản cho học sinh theo đơn vị lớp, chọn nút “**Tạo tài khoản học sinh**” tương ứng với lớp học.

Sau khi tạo thành công, các file định dạng excel và pdf chứa danh sách tài khoản và mật khẩu sẽ hiện ra tương ứng với lớp học.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đồng (Toán)	Chi tiết	32	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	--------------	---	---	-----	-----

Có thể download các danh sách trên về và gửi cho lớp học.

* **Lưu ý:** nếu số hạn ngạch tài khoản học sinh của trường còn ít hơn số học sinh của lớp thì sẽ không thể tạo được tài khoản học sinh cho lớp học đó.

- Chỉnh sửa lớp học:

Trong quá trình tạo lớp học, nếu có sai sót, có thể chỉnh sửa lại thông tin của lớp học bằng cách chọn nút “**Sửa**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp của trường. Không gian chỉnh sửa lớp học sẽ hiện ra tương tự như không gian tạo lớp học. Sau khi chỉnh sửa lại các thông tin cần thiết, ấn nút “**Đồng ý**” để xác nhận chỉnh sửa.

* **Lưu ý:** số lớp chỉ có thể thay đổi khi chưa tạo tài khoản học sinh theo danh sách lớp. Trong trường hợp đã tạo tài khoản cho học sinh nhưng vẫn muốn chỉnh sửa số lớp học thì có thể vận dụng các chức năng sẽ được trình bày ở dưới đây để thực hiện.

- Xóa lớp học: Các lớp học đã được tạo có thể được xóa bỏ bằng cách chọn nút “**Xóa**” tương ứng với lớp học đó.

* **Lưu ý:** với các lớp học đã được tạo học sinh, sau khi lớp học bị xóa, học sinh thuộc lớp học đó sẽ được chuyển thành “**học sinh tự do**” (học sinh không thuộc lớp học nào). Khi đó có thể sử dụng các tính năng khác để gán những học sinh đó vào một lớp học khác.

- Quản lý thông tin từng lớp học:

+ **Xem danh sách lớp:** Để xem danh sách lớp, chọn “**Xem chi tiết**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp học của trường.

#	Lớp	Giáo viên chủ nhiệm	TKB	Sĩ số	DS lớp	Excel	PDF	Sửa	Xóa
1	6A	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lí)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
2	3N	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình (Tiếng Nga)	Chi tiết	8	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
3	12B	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lí)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
4	12A	CN. Nguyễn Thị Thanh Hà (Khoa học tự nhiên)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
5	12A	CN. Trần Thị Sơn (Vật lí)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
6	12test	CN. Trần Thị Sơn (Vật lí)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa

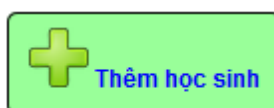
Danh sách thông tin học sinh của lớp học đó sẽ hiện ra với các thông tin cơ bản mà học sinh khai báo như mã học sinh, họ tên, ngày sinh, địa chỉ...

* Danh sách có 32 học sinh.

1 2 3 4 5 6 7 Số lượng hiển thị: 10

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
2	 HS.00109.00302	Mã HS: HS.00109.00302 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
3	 HS.00109.00303	Mã HS: HS.00109.00303 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
4	 HS.00109.00304	Mã HS: HS.00109.00304 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa

+ **Thêm học sinh vào lớp**: có thể thêm các học sinh tự do (học sinh đang không thuộc lớp nào) vào lớp học bằng cách chọn nút “**Thêm học sinh**” trong không gian quản trị của lớp học.



Danh sách học sinh tự do của trường sẽ hiện ra.

GÁN HỌC SINH VÀO LỚP 12A5

Danh sách học sinh tự do (10)

Chọn tất cả | Xóa tất cả

1 Số lượng hiển thị: 10

#	Mã HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Trạng thái
☐	HS.00109.00271				Xóa lớp
☐	HS.00109.00272				Xóa lớp
☐	HS.00109.00273				Xóa lớp
☐	HS.00109.00274				Xóa lớp
☐	HS.00109.00275				Xóa lớp
☐	HS.00109.00276				Xóa lớp
☐	HS.00109.00277				Xóa lớp
☐	HS.00109.00278				Xóa lớp
☐	HS.00109.00279				Xóa lớp
☐	HS.00109.00280				Xóa lớp

Tích chọn các học sinh muốn gán vào lớp rồi ấn nút “**Gán học sinh**”.

+ *Chuyển trạng thái học sinh (thôi học, đuổi học, bảo lưu):* Trong quá trình học tập, học sinh có thể bị đuổi học, xin thôi học hay xin bảo lưu kết quả học tập, nhà trường có thể chuyển trạng thái của học sinh đó thành “thôi học”, “đuổi học”, “bảo lưu” bằng cách chọn nút “**Chọn trạng thái**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của lớp.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Chọn nút tương ứng với trạng thái muốn chuyển thành của học sinh.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Thôi học Đuổi học Bảo lưu						

Sau khi đã chuyển trạng thái, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

+ *Chuyển lớp cho học sinh:* có thể chuyển học sinh từ lớp học này sang lớp học khác bằng cách chọn nút “**Chuyển lớp**” tương ứng với mỗi học sinh.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Chọn lớp học muốn chuyển tới rồi ấn nút “**Chuyển**”.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
12B Chuyển						

Thông tin của học sinh được chuyển đi sẽ được hiển thị trong danh sách của lớp chuyển tới.

+ *Xóa học sinh:* Để xóa học sinh, chọn nút “**Xóa**” tương ứng.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Sẽ có hai lựa chọn xóa được hiển thị.

1	HỌ PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Xóa khỏi lớp Xóa						

“**Xóa khỏi lớp**”: xóa học sinh này ra khỏi danh sách lớp học, nếu chọn nút này, học sinh đó sẽ chuyển thành học sinh tự do (không thuộc lớp nào) và có thể gán học sinh đó vào một lớp học khác.

“**Xóa**”: xóa hẳn tài khoản học sinh, nếu chọn nút này, tài khoản học sinh đó sẽ bị xóa và không thể truy cập được nữa. Tuy nhiên, trong trường hợp xóa nhầm vẫn có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

d) Quản lý học sinh

- Quản lý danh sách học sinh: Để truy cập không gian quản lý học sinh, chọn nút “**Quản lý học sinh**” trên thanh menu ngang. Danh sách thông tin học sinh của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin của học sinh như họ tên, ngày sinh, lớp học, địa chỉ...

- Tạo tài khoản cho học sinh: Để tạo tài khoản cho học sinh, chọn nút “**Tạo TK học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Quản lý học sinh > Tạo tài khoản học sinh

Số TK học sinh tối đa: 500. Còn lại: 168 TK.

Tài khoản: HS.00109.00333

Mật khẩu: IF4N31h

Tạo tài khoản

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho học sinh. Nếu không thực hiện bước copy này, sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày dưới đây để khắc phục.

Số lượng tài khoản học sinh do sở Giáo dục và Đào tạo cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, cần liên lạc với quản trị cấp sở để được tăng số lượng.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **học sinh.00109.00333** với mật khẩu truy cập **IfV4N31h**).

- **Đổi mật khẩu cho học sinh:** Trong trường hợp khi tạo tài khoản học sinh quên lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, học sinh quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho học sinh bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của trường.

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bãi Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	---	--	---------------------	-----

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với học sinh

1	 Đỗ Xuân Đồng	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bãi Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: gbcVkvqB Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu					

Lưu lại mật khẩu trong khung trống để gửi lại cho học sinh.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản học sinh, có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các ký tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản học sinh đó.

- **Xóa tài khoản học sinh:** Để xóa tài khoản học sinh không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh.

2	 Nguyễn Mai Lan	Mã HS: HS.00109.00002 Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Lớp: 6A	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	--	---	---------------------	------------

Sau khi xóa, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản học sinh, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa: Để khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Danh sách tài khoản đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên.

KHÔI PHỤC TÀI KHOẢN HỌC SINH				
* Danh sách có 1 học sinh.				
1 Số lượng hiển thị: 10				
Mã HS	Thông tin	Điện thoại>Email	Ngày xóa	Khôi phục
 HS.00109.00002	Họ tên: Nguyễn Mai Lan Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Trạng thái:	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com	10:38 13/03/2015	Khôi phục

Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng để khôi phục lại tài khoản.

Sau khi được khôi phục, tài khoản học sinh đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

e) Sắp xếp thời khóa biểu

Nhiệm vụ sắp xếp thời khóa biểu nhà trường được xây dựng trong mục “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

LƯU Ý: cần lưu ý thao tác đầu tiên trước khi sử dụng các tính năng được trình bày trong mục này là điều khiển trạng thái học kì của trường mình. Trạng thái này sẽ ảnh hưởng tới thông tin được tạo ra khi sử dụng các tính năng liên quan đến thời khóa biểu của nhà trường.

Để điều khiển trạng thái học kì của trường mình, thực hiện như sau:

Chọn “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Phân công giảng dạy

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

NĂM HỌC 2014 - 2015

Học kì:

Học kì 1

Học kì 2

Phân công giáo viên

Sắp xếp thời khóa biểu

Thời khóa biểu toàn trường

Trong khung điều khiển “**Học kì**”, hãy chọn học kì tương ứng với thời gian hiện tại.

- Phân công giáo viên giảng dạy: Trước khi tiến hành sắp xếp thời khóa biểu, cần phân công các giáo viên giảng dạy cho từng lớp học muốn xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP:

10A1

#	Môn học	Giáo viên
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán) ✕
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý) ✕
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh) ✕
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn) ✕
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕
9	Công nghệ	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
10	GDCD	Phạm Minh Lương (GDCD) ✕
11	Mỹ thuật	
12	GDQPAN	

Giáo viên

Huân (Toán)

Nga (Toán)

Trang (Toán)

Trung (Toán)

Tuấn (Toán)

An (Toán)

Vương (Toán)

Ý (Toán)

Thuật (Toán)

Đào (Toán)

1

2

3

4

5

6

7

8

9

Hãy chọn lớp học muốn phân công giáo viên giảng dạy.

Nhập giáo viên muốn phân công giảng dạy trong khung “**Giáo viên**” và thả vào bảng tương ứng với môn học.

Ấn nút “**Ghi lại**” để xác nhận.

Nếu thả nhầm hoặc muốn xóa giáo viên đã được phân công giảng dạy, chọn nút “**X**” tương ứng với giáo viên đó để xóa đi và ấn nút “**Ghi lại**” để lưu lại thông tin.

- Sắp xếp thời khóa biểu: Sau khi hoàn thành phân công giảng dạy, chúng ta có thể tiến hành sắp xếp thời khóa biểu.

Chọn mục “**Sắp xếp thời khóa biểu**” trong không gian thời khóa biểu để truy cập không gian sắp xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP:

10A1

Thứ	Tiết	Sáng	Giáo viên	Chiều	Giáo viên
2	1	Chào cờ ✕		Sinh ✕	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh) ✕
	2	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Sử ✕	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
	3	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Địa ✕	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
	4	Lý ✕	Đặng Văn Phiên (Lý) ✕	Công nghệ ✕	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
	5	Hóa ✕	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕	GDCD ✕	Phạm Minh Lương (GDCD) ✕
3	1	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
	2	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
	3				
	4				
	5				
1	1				
	2				

THÔNG KÊ

Môn	Số tiết
Chào cờ	1
Địa	0
Sinh	0
Tin	0
Công nghệ	1
GDCD	1
Mỹ thuật	1
GDQPAN	1
Tiếng Anh	1
Nhạc	1
KHTN	1
KHĐH	1

Giáo viên

Thanh (Tin)

Nga (Toán)

Phiên (Lý)

Hương (Hóa)

Anh (Sinh)

Nhung (Văn)

Thu (Sử)

Dung (Địa)

Anh (CN)

Lương (GDCD)

1

2

Đầu tiên, hãy chọn lớp muốn xếp thời khóa biểu trước.

Hãy nhập các môn học trong khung **“Môn học”** và thả vào ô tương ứng trong bảng (tiết, thứ, buổi), nhập các giáo viên trong khung **“Giáo viên”** và thả vào ô tương ứng với môn học.

Lưu ý: chỉ có các giáo viên đã được phân công giảng dạy trong lớp đang xếp thời khóa biểu mới hiển thị trong khung **“Giáo viên”**.

Nếu thả nhầm, có thể chọn nút **“X”** tương ứng để xóa đi và làm lại.

Cuối cùng, hãy ấn nút **“Ghi lại”** ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Hệ thống hiển thị khung **“Thống kê”** ở bên phải để có thể xem thống kê sơ bộ số tiết tương ứng với các môn học của lớp học đó, tiện cho việc kiểm soát và sắp xếp thời khóa biểu.

- Xem thời khóa biểu toàn trường: Sau khi sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp học, có thể xem lại thời khóa biểu tổng thể của nhà trường bằng cách chọn mục **“Thời khóa biểu toàn trường”** trong không gian thời khóa biểu.

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10B1	10B2	10B3	10B4	10B5	10B6	10B7	10B8	10B9	11A1	11A2	11B1	11B2	11B3
2	1	Chào cờ	Sinh														
	2	Toán	Sinh														
	3	Toán	Sử														
	4	Lý	Địa														
	5	Lý	Tiếng Anh														
3	1																
	2																
	3																
	4																
	5																

f) Tiếp nhận hồ sơ học sinh/giáo viên chuyển tới

Học sinh/giáo viên xin chuyển trường, chuyển công tác tới sẽ được hiển thị trong mục **“Xin chuyển đến”**. Quản trị trường cần xác nhận yêu cầu chuyển đó thì học sinh/giáo viên xin chuyển tới mới có thể thuộc quyền quản lý của trường mình.

Chọn nút **“Tiếp nhận”** để xác nhận yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Sau khi tiếp nhận, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên sẽ được chuyển về trường mới.

Chọn nút “**Hủy bỏ**” để hủy bỏ yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Khi đó, yêu cầu xin chuyển trường của học sinh/giáo viên sẽ bị hủy bỏ, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên đó vẫn thuộc về trường cũ.

1.2. Tài khoản giáo viên

a) Quản lý danh sách lớp chủ nhiệm và lớp giảng dạy

Trong “**Không gian trường học**”, chọn mục “**Danh sách lớp**” trên thanh menu bên phải. Danh sách các lớp chủ nhiệm và các lớp được phân công giảng dạy sẽ hiện ra.

DANH SÁCH LỚP

Trường:

Năm học: **2014 - 2015**

1. Danh sách lớp chủ nhiệm

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
13GiaoVien	83	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp
13GVChauThanh	84	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	Xem danh sách lớp

2. Danh sách lớp giảng dạy

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
10A2	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp
10A1 (VNEN)	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	Xem danh sách lớp

Để xem danh sách học sinh của lớp, chọn nút “**Xem danh sách lớp**” tương ứng.

b) Quản lý điểm

- Nhập điểm và nhận xét cho học sinh:

Để chấm điểm và nhận xét cho các lớp giảng dạy, truy cập mục “**Quản lý điểm**” trong “**Không gian trường học**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chon lớp:
Nhập xét:

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC						

Đầu tiên, hãy chọn lớp để vào điểm. Danh sách học sinh sẽ hiện ra.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đĩa)
 Nhận xét: ☒ **Bật** ☐ **Tắt**

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	10 10 10 4.5	8 8 9 8	10 9 2.5 3.5		9.2
2	Phạm Đức Đông (HS.02753.00395)	8 7 1.5	8	6 5 5.5		6.8
3						
4						
5						
6						
7						
8						

0	0.5
1	1.5
2	2.5
3	3.5
4	4.5
5	5.5
6	6.5
7	7.5
8	8.5
9	9.5
10	NX

Đề vào điểm, chọn điểm tương ứng và kéo thả vào các ô tương ứng (Hệ số 1,2,3 ..) với mỗi học sinh. Khi cho điểm, lưu ý lựa chọn “**Nhận xét**”.

Nếu “**Bật**”: với mỗi điểm số, cần cho một nhận xét tương ứng.

Ví dụ khi cho điểm với trạng thái nhận xét bật:

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đĩa)
 Nhận xét: ☒ **Bật** ☐ **Tắt**

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	Nhận xét				9.2
2	Phạm Đức Đông (HS.02753.00395)	Nhận xét: Bài chưa tốt! Đồng ý Hủy				6.8
3						
4						
5						
6						

Hộp thoại nhận xét hiện lên, gõ lời nhận xét sau đó ấn nút “**Đồng ý**”.

Nếu “**Tắt**”: chỉ cho điểm, không có nhận xét.

Sau khi cho điểm, có thể chỉnh sửa hoặc xóa điểm số đã cho bằng cách ấn vào điểm tương ứng.

Hệ số 2	Hệ số 3	Khác
8 8 9 8	10 9 2.5 3.5	4.5
8	Chi tiết Điểm: 8 Nhận xét: Cần cố gắng hơn nữa Sửa Xóa	

Để sửa điểm số hoặc lời nhận xét, chọn nút “**Sửa**”. Khung chỉnh sửa sẽ hiện lên.

Chỉnh sửa điểm và nhận xét rồi ấn nút “**Đồng ý**”.

Để xóa điểm số, chọn nút “**Xóa**”.

Sau khi hoàn thành việc cho điểm và nhận xét, ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Lưu ý: Dành cho các lớp học theo Mô hình trường học mới

Các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ có không gian quản lý điểm khác so với các lớp học bình thường (hình dưới).

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN				
#	Học sinh	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Cao Hoàng Ân (HS.02753.00199)	10 10 9	10 10 NX	9.5
2	Lê Đình Phương Anh (HS.02753.00200)			
3	Nguyễn Hải Anh (HS.02753.00201)	10		
4	Đường Trúc Duyên (HS.02753.00202)			
5	Đoàn Ngọc Thiên Đạt (HS.02753.00203)			
6	Lê Tuấn Anh Hải (HS.02753.00204)			
	Lê Thị Ngọc Hân			

Đánh giá học sinh trong các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ được chia thành hai mục chính:

Đánh giá thường xuyên: đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng. Đánh giá Biểu hiện về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục. Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có).

Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học.

- Tổng kết môn: Sau khi hoàn thiện điểm số trong học kì cho học sinh, có thể tính điểm tổng kết cho học sinh bằng cách chọn nút **“Tổng kết môn”** ở cuối trang. Điểm số này được tính tự động theo điểm số trong 3 mục Hệ số 1, hệ số 2 và hệ số 3.

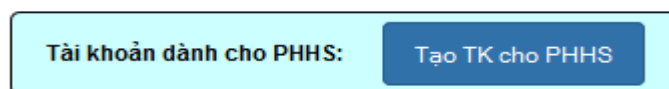
c) Trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh

Để truy cập không gian trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh, kích chuột vào tên lớp trong **“Danh sách lớp”**.

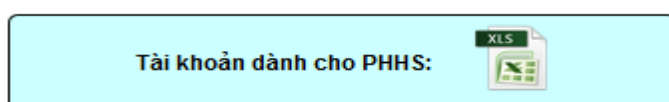


- Giáo viên chủ nhiệm tạo tài khoản cho cha mẹ học sinh

Để sinh tài khoản cho phụ huynh học sinh, **“Giáo viên chủ nhiệm”** chọn nút **“Tạo TK cho PH học sinh”** trong không gian trao đổi.



Sau khi tạo tài khoản cho phụ huynh học sinh, một file định dạng excel sẽ được hệ thống tạo ra lưu trữ thông tin danh sách tài khoản và mật khẩu truy cập của phụ huynh. **“Giáo viên chủ nhiệm”** tải file này xuống và gửi tới cha mẹ học sinh tương ứng trong danh sách.



Ngoài ra, có thể lựa chọn tạo từng tài khoản CM học sinh tương ứng với mỗi học sinh thay vì tạo theo danh sách lớp (ví dụ trong trường hợp có học sinh mới chuyển tới mà chưa cho CM học sinh kèm theo) bằng cách chọn nút **“Tạo tài khoản PH học sinh”** tương ứng với mỗi học sinh.

1	 HS.02753.01248	Mã HS: HS.02753.01248 Giới tính: Ngày sinh:	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Xem chi tiết	Tạo tài khoản PHHS
---	---	---	-----------------------------------	------------------------------	------------------------------------

- Trao đổi cá nhân giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh:

Để trao đổi cá nhân với mỗi phụ huynh học sinh, chọn nút **“Trao đổi”** tương ứng với mỗi vị phụ huynh.

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Kết quả học tập	Trao đổi với PHHS
1	NO PHOTO Cao Hoàng Ân	Mã HS: HS.02753.00199 Giới tính: Nam Ngày sinh: 10/11/1999	Điện thoại: 0643827361 Email: caohoangan1999@gmail.com Địa chỉ: 31 Hùng Vương - Phước Hưng - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu	Xem chi tiết	Phạm Văn Đức Điện thoại: 012345678 Email: profdongphd@gmail.com Trao đổi

Để khởi tạo một chủ đề thảo luận mới với phụ huynh học sinh, gõ nội dung vào khung soạn thảo, sau đó ấn nút **“Gửi”**.

Trang chủ > Không gian trường học > Danh sách lớp học > Lớp 10A1 > Trao đổi với phụ huynh em: Cao Hoàng Ân

NO PHOTO

HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân
Trường: THPT Châu Thành
Lớp: 10A1
Kết quả học tập: Xem chi tiết

Phụ huynh học sinh: Ông. Phạm Văn Đức (Tel: 012345678)

Gắn dây em Ân học rất tốt, thưa bác!

Gửi

CHƯA CÓ TRAO ĐỔI NÀO

Lưu ý: thảo luận trong mục này là thảo luận cá nhân giữa giáo viên và phụ huynh của một học sinh cụ thể.

- Thảo luận chung giữa các giáo viên và phụ huynh học sinh: Trong không gian trao đổi của mỗi lớp học, không gian **“Thảo luận chung”** là nơi trao đổi giữa tất cả các giáo viên đang giảng dạy lớp học đó và phụ huynh của học sinh. Để truy cập không gian **“Thảo luận chung”**, chọn nút **“Thảo luận chung”** trên thanh menu ngang. Thao tác tạo chủ đề thảo luận và trả lời một chủ đề tương tự như phần trao đổi cá nhân đã trình bày ở trên.

Lưu ý: các thảo luận trong mục này tất cả giáo viên và phụ huynh học sinh trong lớp học đều có thể xem và tham gia thảo luận.

d) Tổ chức dạy học cho học sinh

Tạo bài học mới: Mô đun **“Quản lý bài học”** cho phép giáo viên: tạo một bài học hoặc chủ đề mới; chỉnh sửa lại bài học; xóa bài học; quản lý danh sách các bài học.

- Khi tạo một bài học hoặc một chủ đề mới, giáo viên cần đặt tiêu đề, chỉ rõ lĩnh vực (môn học), mô tả cụ thể chủ đề hoặc yêu cầu hoạt động cho học sinh, đặt phạm vi cho phép truy cập bài học (dành cho đối tượng nào).

- Sau khi tạo xong, giáo viên có thể upload thêm tài liệu tham khảo, giúp học sinh thuận lợi hơn trong việc tiến hành các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- Theo dõi quá trình đăng kí học và xác nhận đăng kí cho học sinh:

Sau khi giáo viên tạo ra bài học mới, những học sinh thuộc phạm vi cho phép sẽ có quyền đăng kí theo học. Tùy vào khóa học/chủ đề, giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

Đối với từng khóa học, giáo viên có thể theo dõi quá trình đăng kí học của học sinh, của từng nhóm học sinh:

DANH SÁCH CÁC NHÓM ĐĂNG KÝ KHÓA HỌC			THẮC MẮC CỦA HỌC SINH	THÔNG BÁO CHUNG		
STT	Nhóm	Thành viên	Sản phẩm	Quyền sửa	Điểm	Xác nhận
1.	Nhóm học sinh số 1	1. Học sinh 1 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 2	 DOWNLOAD		10	✓
2.	Nhóm 2	1. Học sinh 3 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 4	 DOWNLOAD		19	✓
						Chọn tất cả Xóa tất cả
						

Trong mục này, giáo viên có công cụ để cho phép, hoặc không cho phép học sinh/nhóm học sinh nào đó tham gia khoa học/chủ đề.

Khi giáo viên xác nhận đủ điều kiện tham gia, các học sinh/nhóm học sinh mới có quyền truy cập đến các dữ liệu khác của khóa học/chủ đề.

- Điều khiển quá trình học tập: Ra thông báo chung cho cả lớp các hoạt động, gợi ý hoặc chỉ dẫn,... trong mục “**THÔNG BÁO CHUNG**”; trả lời thắc mắc, hỗ trợ, gợi ý học sinh. Khi học sinh đặt câu hỏi, giáo viên có thể trao đổi trực tiếp trên hệ thống trong mục “**THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**”.

- Quản lí nhóm và sản phẩm nhóm: Trong hình trên, giáo viên có thể nhìn thấy sản phẩm mà học sinh/nhóm học sinh đã upload lên. Giáo viên có thể download xuống để đọc và cho điểm.

- Chấm điểm cho sản phẩm: Sau khi đọc xong và cho điểm, giáo viên có công cụ để nhập điểm vào hệ thống để thông báo cho học sinh/nhóm học sinh.

e) Xin chuyển công tác

Học sinh/giáo viên có quyền xin chuyển sang một trường khác bằng các thao tác được mô tả dưới đây.

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Xin chuyển trường**”.

Chọn trường muốn chuyển tới theo trình tự: chọn tỉnh → chọn huyện → chọn trường.

XIN CHUYỂN TRƯỜNG

1. Chọn trường chuyển tới.

Chọn tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu ✕

Chọn quận/huyện: Bà Rịa ✕

Chọn trường: THPT Châu Thành

2. Xác nhận xin chuyển trường.

Ấn nút “**Xin chuyển trường**” để xác nhận.

Sau khi xác nhận thành công, thông tin chuyển trường của học sinh/ giáo viên sẽ được gửi tới trường chuyển đến, học sinh/giáo viên chờ quản trị trường chuyển tới đồng ý thì học sinh/giáo viên đó sẽ do trường chuyển tới quản lý.

XIN CHUYỂN TRƯỜNG

Bạn đã xin chuyển đến:

Trường: THPT Châu Thành

Địa chỉ: Đường 27/4 - Bà Rịa - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu

Học sinh/giáo viên có thể hủy bỏ lệnh xin chuyển trường trước khi trường chuyển tới đồng ý cho chuyển bằng cách chọn nút “**Hủy bỏ**”.

f) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn

Các khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn của giáo viên được đặt trong mục “**Sinh hoạt chuyên môn**”. Khi đã đăng nhập bằng tài khoản cá nhân, giáo viên có thể lựa chọn khóa học/bài học theo môn học/hoạt động giáo dục, lớp, giáo viên; đăng kí tham gia các khóa học/bài học và thực hiện các hoạt động học theo hướng dẫn.

Giáo viên sẽ nhìn thấy danh sách những khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc sở Giáo dục và Đào tạo tạo ra. Kích chuột vào tiêu đề của khóa học/chủ đề, giáo viên sẽ xem được mô tả tổng thể của khóa học/chủ đề.

Quy trình tổ chức nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống như sau:

- Bước 1: Tổ trưởng đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.
- Bước 2: Các thành viên trong tổ/nhóm trao đổi, thảo luận trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Bước 3: Tổ trưởng tập hợp, biên tập lại sản phẩm và nộp lên hệ thống.

Thao tác kỹ thuật:

Bước 1: Tổ trưởng chuyên môn đăng ký tham gia và tổ chức nhóm.

Tìm hiểu mục đích - yêu cầu của khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn trước khi đăng ký tham gia.

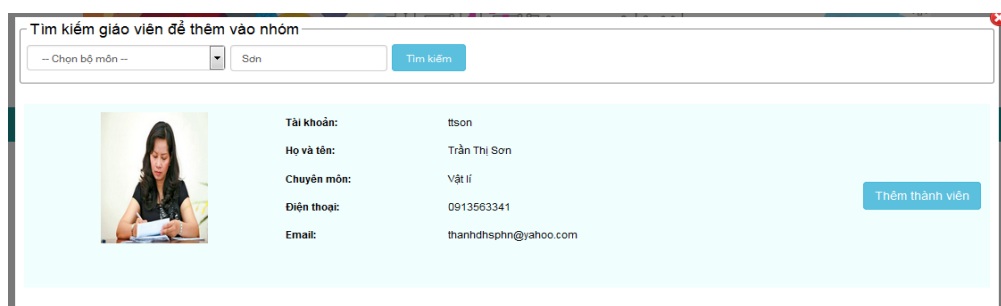
Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn có trách nhiệm đăng ký tham gia và làm nhóm trưởng, sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để thực hiện theo nhóm. Quy trình đăng ký như sau:

- Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- + Chọn “**Sinh hoạt chuyên môn**”.
- + Chọn “**Lĩnh vực**” (VD: Toán).
- + Chọn “**Lớp**” (VD: 12).
- + Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Đăng ký tham gia.

Trong không gian của chủ đề chuyên môn, chọn nút “**Đăng ký**”.

Lưu ý: người đầu tiên đăng ký sẽ tự động là nhóm trưởng, các giáo viên khác trong trường muốn tham gia chủ đề này buộc phải được người này mời vào nhóm chứ không thể đăng ký được nhóm mới. Do đó, tốt nhất tổ trưởng chuyên môn nên là người đầu tiên đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.

- Mời thành viên.
- + Chọn nút “**Thêm thành viên**”.
- + Không gian tìm kiếm và thêm thành viên sẽ hiện ra.



Lưu ý: có thể tìm kiếm giáo viên bằng các cách tìm kiếm theo chuyên môn, theo mã giáo viên (VD: giáo viên.00012.001) hoặc theo tên giáo viên.

+ Sau khi tìm kiếm, danh sách các giáo viên thỏa mãn điều kiện tìm kiếm sẽ hiện ra. Lựa chọn và ấn nút **“Thêm thành viên”** tương ứng với mỗi giáo viên để thêm vào nhóm.

Ghi chú: Sau khi đăng kí, có thể xem được thông tin về các thành viên trong nhóm bằng cách kích vào nút **“Thông tin nhóm”**. Danh sách nhóm sẽ hiện ra như dưới đây. Tổ trưởng có quyền xóa giáo viên (nếu thêm nhầm) hoặc thêm các thành viên khác vào nhóm.

ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÓA HỌC

1. Tên nhóm

2. Thành viên trong nhóm

		Tài khoản: nxtrung Họ và tên: Nguyễn Xuân Trung (Nhóm trưởng) Chuyên môn: Vật lí Điện thoại: 0913568506 Email: trungthptbnd@gmail.com
		Tài khoản: ttson Họ và tên: Trần Thị Sơn Chuyên môn: Vật lí Điện thoại: 0913563341 Email: thanhhdhsphn@yahoo.com

Thêm thành viên

Bước 2: Tham gia trao đổi trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.

- **“Hoạt động – Thông báo”**: khu vực trao đổi của giáo viên toàn quốc (chỉ có thể tham gia trao đổi khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động một nội dung trao đổi nào đó trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn).

Sau khi đã đăng kí thành công, giáo viên bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ học tập/sinh hoạt chuyên môn. Trong quá trình học tập/sinh hoạt chuyên môn, giáo viên cần thường xuyên xem thông báo chung của khóa học/chủ đề. Giáo viên sẽ nhận được thông báo trong mục **“Hoạt động - Thông báo”**. Giáo viên có quyền đặt câu hỏi để trao đổi lại với giảng viên/ban tổ chức. Lưu ý rằng, trong thông báo chung, mọi giáo viên tham gia khóa học/chủ đề đều có thể đọc được thông tin.

- **“Trao đổi nhóm”**: Thảo luận trong nhóm: Các thành viên trong nhóm có thể thảo luận trực tuyến. Những trao đổi này sẽ được giảng viên/ban tổ chức nhìn thấy, tham gia và hỗ trợ cũng như điều hành hoạt động của nhóm.

- “**Hỏi & đáp**”: Đặt câu hỏi cho giảng viên/ban tổ chức và thảo luận: Để gửi câu hỏi và trao đổi giảng viên/ban tổ chức, giáo viên vào mục "**Hỏi & Đáp**" và upload câu hỏi lên hệ thống. Giảng viên/ban tổ chức sẽ nhận được câu hỏi và trao đổi riêng với từng giáo viên.

Thao tác kỹ thuật:

Trong không gian trao đổi của mỗi mục trên, thao tác như sau:

- + Gõ nội dung trao đổi.
- + Đính kèm file (nếu cần) bằng cách chọn nút “**BROWSE**”.
- + Ấn nút “**Gửi**”.

Bước 3: Tổ trưởng chuyên môn nộp sản phẩm

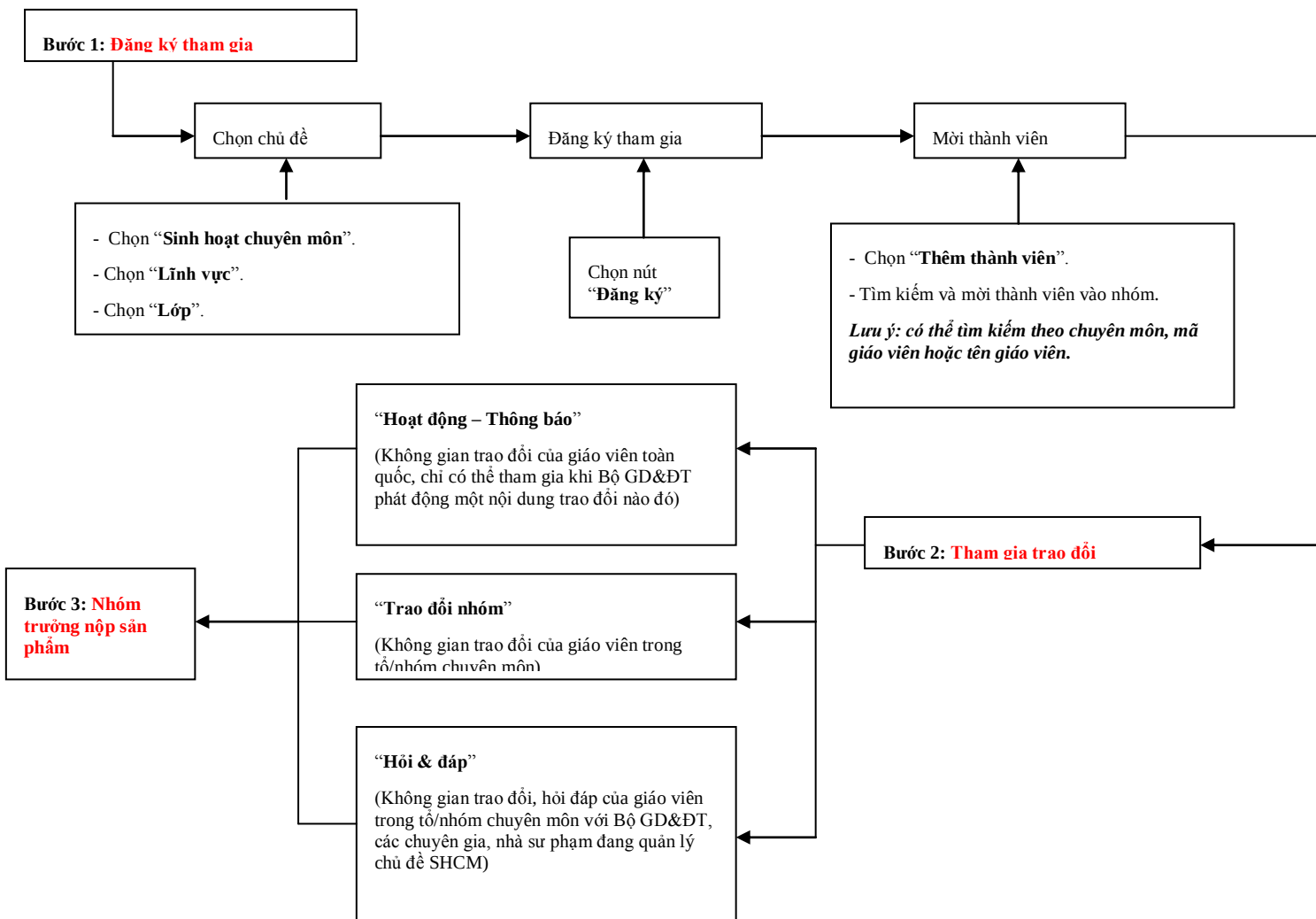
Sau quá trình làm việc, tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn hoàn thành sản phẩm của mình, đại diện cho nhóm gửi sản phẩm cho giảng viên/ban tổ chức trong mục "**Sản phẩm - Kết quả**".

Trong không gian nộp sản phẩm, thao tác như sau:

- + Đính kèm file bằng cách chọn nút “**BROWSE**”.
- + Ấn nút “**Gửi**”.

Lưu ý: chỉ có nhóm trưởng mới có quyền nộp sản phẩm.

Sản phẩm này sau khi nộp lên hệ thống, các cấp quản lý từ nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nhìn thấy, theo dõi và đánh giá kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong phạm vi quản lý của mình.



1.3. Quyền chuyên gia

Với mục đích hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn của các trường phổ thông trên toàn quốc thực hiện hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH kí ngày 08/10/2014, Bộ GD&ĐT chỉ đạo xây dựng và tổ chức **Quyền chuyên gia** trên Trường học kết nối. Quyền chuyên gia được cấp cho các nhà khoa học và các nhân tố điển hình ở khắp mọi miền để kết nối với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua hệ thống trực tuyến. Những chuyên gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định sẽ có quyền xem tất cả các sản phẩm của các tổ/nhóm chuyên môn do chuyên gia đó phụ trách, đồng thời, các chuyên gia có thể trao đổi trực tuyến với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua mục **Hỏi&Đáp** của Trường học kết nối.

Trong “**Sinh hoạt chuyên môn**”, chọn “**Quản lý SHCM**”, sau đó lựa chọn một chủ đề cụ thể. Quyền chuyên gia sẽ có các chức năng sau:



- Chọn “**Sản phẩm SHCM**” để theo dõi kết quả Sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong toàn quốc, trong phạm vi chuyên môn của mình.

HK1.1. Vật lí 12. Năm học 2014-2015

Ngày bắt đầu đăng ký: 04/10/2014. Ngày hết hạn đăng ký: 03/11/2019

Giáo viên: Bộ Giáo dục và Đào tạo Lĩnh vực: Vật lí

DANH SÁCH TỔ / NHÓM CHUYÊN MÔN

Lọc dữ liệu:

Tỉnh:

-- Chọn tỉnh --

Quận/huyện:

Vui lòng chọn tỉnh trước

Trường:

-- Vui lòng chọn huyện trước --

* Danh sách có 248 Tổ / nhóm chuyên môn

« Trước 1 2 3 4 5 ... 13 Sau » Số lượng hiển thị: 20

STT	Tổ / nhóm chuyên môn	Thành viên	Sản phẩm
1	(Tin học) THPT GDTRH-GDTX 94 Quang Trung - Hải Dương - Hải Dương	1. Đỗ Văn Hào (Tổ / nhóm trưởng)	
2	(Vật lí) TGĐTX Tỉnh Phòng GDCN-GDTX Ngõ 185-Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên - Thái Nguyên	1. Nguyễn Ngọc Hưng (Tổ / nhóm trưởng) 2. Bùi Thái An 3. Lương Thị Mai Hương 4. Nguyễn Văn Khiêm	 DOWNLOAD

Bảng thống kê kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm trong chủ đề sẽ hiện ra. Cột **“Tổ/nhóm chuyên môn”** hiển thị thông tin cơ bản về đơn vị công tác, địa chỉ nơi công tác của mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột **“Thành viên”** hiển thị danh sách các thành viên trong mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột **“Sản phẩm”** hiển thị sản phẩm sinh hoạt chuyên môn của mỗi tổ nhóm. Nếu tổ/nhóm nào đã nộp sản phẩm, chuyên gia có thể download sản phẩm đó.

- Chọn “**Hoạt động – Thông báo**”: Tham gia trao đổi chuyên môn với giáo viên toàn quốc.
- Chọn “**Hỏi & đáp**”: Tham gia giải đáp, trả lời các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên toàn quốc trong quá trình sinh hoạt chuyên môn trong phạm vi chuyên môn của mình.

Danh sách các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên sẽ hiện ra. Chuyên gia có thể sử dụng bộ lọc ở trên để tìm kiếm, trao đổi tới từng trường trong toàn quốc.

Để tham gia trao đổi, giải đáp với các tổ/nhóm chuyên môn, chọn “**Chi tiết**” tương ứng với mỗi chủ đề câu hỏi của giáo viên.

Chuyên gia có thể trao đổi bằng cách gõ nội dung vào ô nhập dữ liệu hoặc bằng file dữ liệu (nếu cần) bằng cách chọn nút **“BROWSE”**.

1.4. Tài khoản cha mẹ học sinh

Cha mẹ học sinh sau khi được giáo viên chủ nhiệm chuyển giao tài khoản và mật khẩu có thể truy cập hệ thống, xem kết quả học tập của con em mình và tham gia trao đổi, thảo luận với các giáo viên đang giảng dạy con em mình. Để truy cập không gian dành cho phụ huynh học sinh, chọn mục “**Không gian trường học**”.

**LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN**

NO PHOTO
HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Kết quả học tập: [Xem chi tiết](#)

Giáo viên chủ nhiệm: Bùi Thị Thanh Huân (Trao đổi (1))

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi

Để xem kết quả học tập của con em mình, chọn nút “**Xem chi tiết**” tương ứng với mục “**Kết quả học tập**”.

THÔNG TIN KẾT QUẢ HỌC TẬP

HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2014 - 2015

NO PHOTO
HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Điện thoại: 0643827361

Email: caohoangan1999@gmail.com

#	Môn học	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Toán			
2	Lý			
3	Hóa			
4	Sinh			
5	Văn			
6	Có			

Để tham gia trao đổi cá nhân với mỗi giáo viên bộ môn hoặc giáo viên chủ nhiệm, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi giáo viên trong bảng giáo viên giảng dạy.

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh)	Trao đổi
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn)	Trao đổi
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử)	Trao đổi
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa)	Trao đổi
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin)	Trao đổi

Để tham gia thảo luận chung với tất cả giáo viên giảng dạy và các vị phụ huynh khác, chọn nút **“Thảo luận chung”**.

2. Tập huấn triển khai mô hình trường học mới trên mạng

Nội dung tập huấn triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 trên trang mạng "Trường học kết nối" bao gồm 4 bài học sau như sau:

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

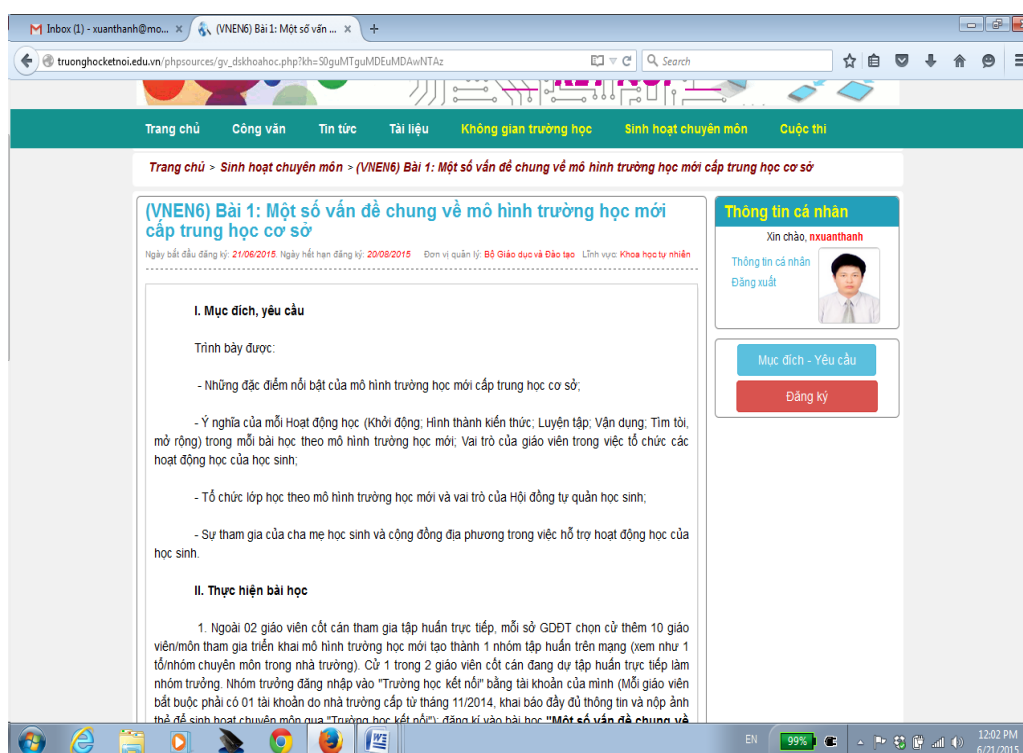
Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

a) Mục đích, yêu cầu

- Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở;
- Ý nghĩa của mỗi Hoạt động học (Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng) trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới; Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học của học sinh;
- Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương trong việc hỗ trợ hoạt động học của học sinh.

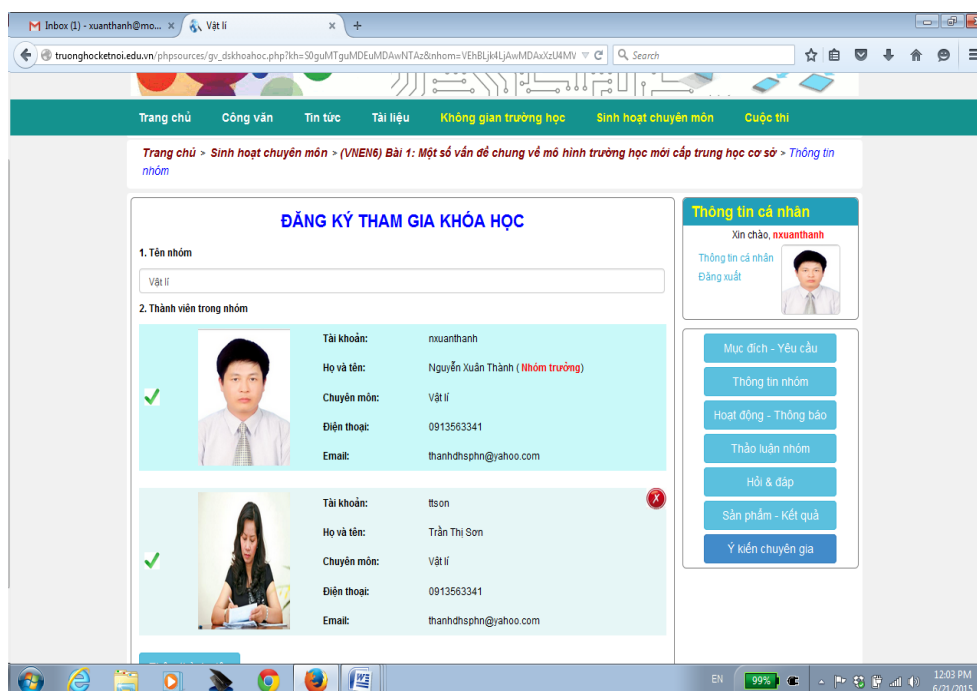


b) Thực hiện bài học

- Ngoài 02 giáo viên cốt cán tham gia tập huấn trực tiếp, mỗi sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử thêm 10 giáo viên/môn tham gia triển khai mô hình trường học mới tạo thành 1 nhóm tập huấn trên mạng (xem như 1 tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường). Cử 1 trong 2 giáo viên cốt cán đang dự tập huấn trực tiếp làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng đăng nhập vào "Trường học kết nối" bằng tài khoản của mình (Mỗi giáo viên bắt buộc phải có 01 tài khoản do nhà trường cấp từ tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối", đăng ký vào bài học "Một số vấn đề chung về

tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối"); đăng kí vào bài học **"Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở"**; sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn của mình để tạo thành 01 nhóm tập huấn qua mạng. Nhóm trưởng khởi tạo bài học và chỉ huy cả nhóm (bao gồm các giáo viên đang tham gia tập huấn trực tiếp và các giáo viên tham gia qua "Trường học kết nối" tại địa phương) thảo luận để hoàn thành bài học.

+ Tạo tổ/nhóm sinh hoạt chuyên môn trên mạng:

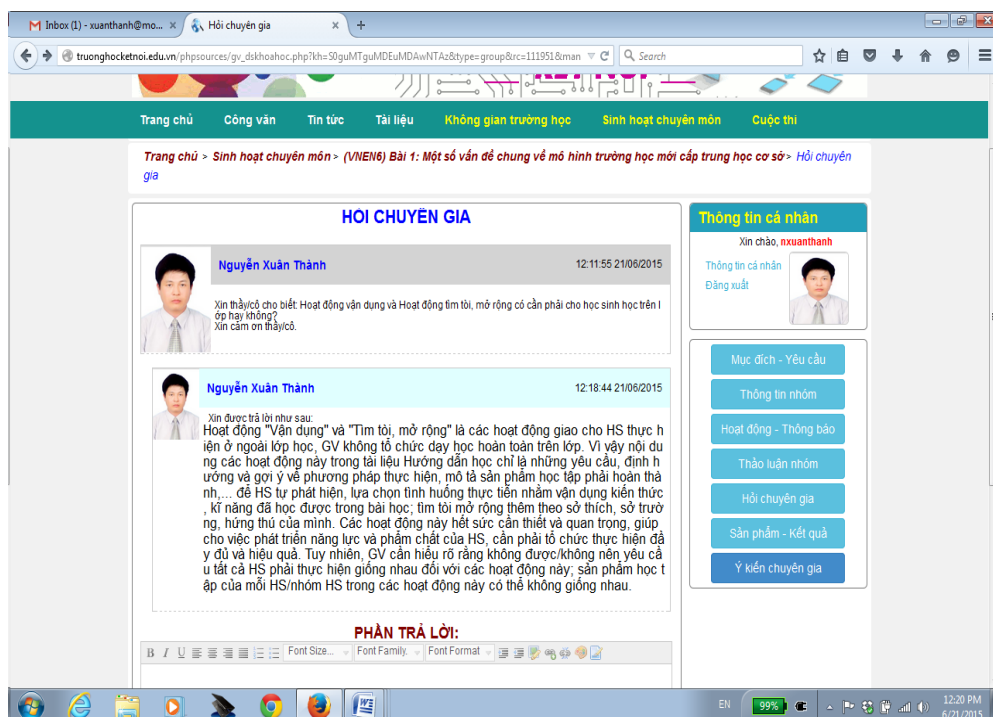


- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau:

- + Bài phát biểu chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển;
- + Bài trình bày "Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở";
- + Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6.
- + Thảo luận nhóm trên mạng:



+ Hỏi ý kiến chuyên gia qua mạng:

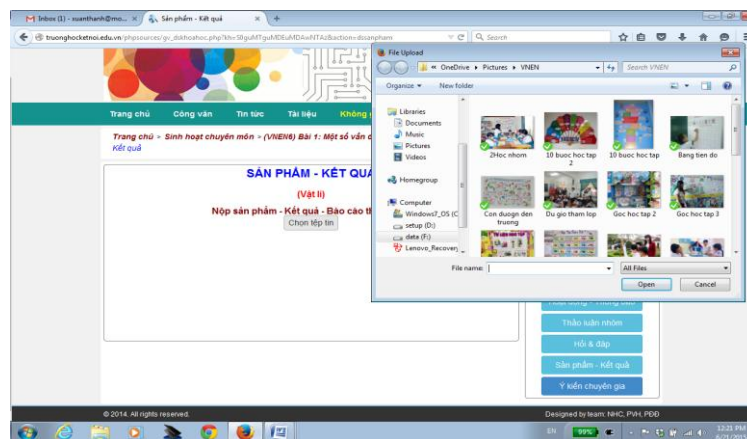


c) Nộp báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:
 - + Những đặc điểm của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở.
 - + Cấu trúc mỗi bài học theo mô hình trường học mới: ý nghĩa của mỗi Hoạt động học. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học của học sinh.
 - + Vai trò của Hội đồng tự quản học sinh.
 - + Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giáo dục học sinh.
 - + Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai mô hình trường học mới tại địa phương.
 - + Đề xuất, kiến nghị.
- Nộp báo cáo lên mạng:



Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Trình bày được tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học thông qua chuỗi Hoạt động học: Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng;
- Trình bày được: Mục đích, nội dung, phương thức hoạt động (kỹ thuật học tích cực được sử dụng) và sản phẩm học tập của học sinh trong mỗi Hoạt động học trong bài học;
- Dự kiến được những khó khăn của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập và chuẩn bị biện pháp hỗ trợ hợp lý;

- Trình bày được phương án kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh trong bài học. Ví dụ: thông qua quan sát hoạt động học của học sinh; thông qua sản phẩm học tập; cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau;...

b) Thực hiện bài học

- Tạo nhóm học trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa**".

- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau: Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6; Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6; Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

c) Nộp báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

+ Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học, thể hiện qua nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học trong cả chuỗi hoạt động học của bài học.

+ Kỹ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức mỗi hoạt động học thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; đề xuất các kỹ thuật dạy học khác có thể được sử dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

+ Thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng trong mỗi hoạt động (nếu có) đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học; Đề xuất những thiết bị dạy học, học liệu có thể thay thế.

+ Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học qua: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; cách quan sát hoạt động học của học sinh, những khó khăn mà học sinh có thể gặp...; các biện pháp giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập; biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; biện pháp tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận;...

+ Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên

soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh; xây dựng rubric đánh giá; cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhật kí dạy học...); Đề xuất các phương án đánh giá khác có thể sử dụng.

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và cách tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới;
- Tăng cường năng lực sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học cho cán bộ quản lí, giáo viên;
- Thực hành vận dụng được các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGiáo dục và Đào tạo-GDTrH ngày 08/10/2014.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu video bài học minh họa**";
- + Các học viên nghiên cứu video bài học, vận dụng các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGiáo dục và Đào tạo-GDTrH ngày 08/10/2014 để phân tích về các hoạt động học.

c) Nộp báo cáo lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.
- Nội dung:
 - + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học.
 - + Hoạt động của giáo viên: Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; Khả năng quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình hoạt động học; Các biện pháp đã sử dụng giúp học sinh vượt qua khó khăn; Biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; Khả năng tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận về sản phẩm học tập;... Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh.

+ Hoạt động của học sinh: Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học sinh; Mức độ tích cực, chủ động, hợp tác trong các hoạt động học; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập: tính chính xác, sự phù hợp, tiến độ; Khả năng và mức độ tích cực, chủ động trong báo cáo và thảo luận.

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn

a) Mục đích, yêu cầu

- Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học và tài liệu Tập huấn để xây dựng Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học;
- Hoàn thành Kế hoạch dạy học và nộp lên mạng.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học **"Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn"**.
- + Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học để xây dựng Kế hoạch dạy học.

c) Nộp Kế hoạch dạy học lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.
- Nội dung: Báo cáo chi tiết về Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học.

3. Hướng dẫn kết nối cụm trường

Bước 1: Chọn “Sinh hoạt chuyên môn”

Trang chủ	Công văn	Tin tức	Tài liệu	Không gian trường học	Sinh hoạt chuyên môn	Cuộc thi
-----------	----------	---------	----------	-----------------------	-----------------------------	----------

Bước 2: Chọn không gian do “Sở GD&ĐT chủ trì” hoặc “Bộ GD&ĐT chủ trì”

Bước 3: Lựa chọn một chủ đề trên hệ thống.



Bước 4: Trong mỗi chủ đề, hãy “Đăng ký” tham gia



Bước 5: Chọn “Thêm thành viên” để bắt đầu tìm kiếm các giáo viên khác

[VNEN 6] Bài 3: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa Công nghệ - Lớp 6

Ngày bắt đầu đăng ký: 09/07/2015. Ngày hết hạn đăng ký: 30/09/2016 Đơn vị quản lý: Sở GD&ĐT Toàn quốc Lĩnh vực: Công nghệ

ĐĂNG KÝ THAM GIA

Tên nhóm:

Công nghệ

Thêm thành viên

Bước 6: Sử dụng bộ lọc để tìm các trường muốn kết nối

Tìm kiếm giáo viên để thêm vào nhóm

Nhập mã giáo viên cần tìm Đồng ý Hoặc lọc theo THPT Toàn quốc 1 THPT KNS Hà Nội

NO PHOTO Chưa có ảnh thẻ

Tài khoản: GV00003.001
Họ và tên: Giáo Viên 1
Chuyên môn: Vật lí
Điện thoại: 0437844889
Email: dhsphn@hnue.edu.vn

Thêm thành viên

Bước 7: Chọn nút “Thêm thành viên” tương ứng với mỗi giáo viên tìm thấy để mời cùng tham gia chủ đề.

G. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. Trách nhiệm của sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường trung học cơ sở thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường tham gia dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới 6, 7 trước khi bắt đầu năm học mới 2015-2016.

- Lựa chọn và xây dựng thành cụm các trường dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới để tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Cử cán bộ, chuyên viên tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục triển khai mô hình trường học mới của các phòng Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra việc thực hiện các văn bản, chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo và trường trung học cơ sở trên tinh thần giao quyền chủ động cho các nhà trường trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn các phòng GDDT và các trường trung học cơ sở định kỳ đánh giá, góp ý các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

II. Trách nhiệm của các phòng Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai và ban hành văn bản đề hướng dẫn, chỉ đạo các trường trung học cơ sở thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo

dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của các trường trung học cơ sở tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với các trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, trình sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở giáo dục tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới 6, 7 thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ/Sở Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo các trường trung học cơ sở tham gia góp ý cho các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo

- Có các biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nguồn học liệu,...cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới .

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo sinh hoạt chuyên môn cấp huyện hoặc cụm trường để tạo điều kiện cho các tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật thông tin về hoạt động dạy và học theo mô hình trường học mới, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết.

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

III. Trách nhiệm của hiệu trưởng

- Triển khai, đôn đốc, kiểm tra giáo viên và các tổ chuyên môn đối với việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở và phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, trình phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Thường xuyên chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết. Tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên để triển khai công việc.

- Tổ chức một số buổi sinh hoạt chuyên môn chung cho các trường tham gia dạy thử nghiệm mô hình trường học mới trường học mới , thảo luận, rút kinh nghiệm về việc thực hiện các bài học và hoạt động giáo dục, về đánh giá học sinh trong quá trình dạy học.

- Xây dựng cơ chế động viên giáo viên tự làm thiết bị dạy học; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục; có các biện pháp để tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức cho cán bộ và giáo viên tham gia góp ý các loại tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về phòng Giáo dục và Đào tạo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tự Ân – Mô hình trường học mới tại Việt Nam, hỏi – đáp, NXB Giáo dục Việt Nam

2. Công văn số 7291/BGiáo dục và Đào tạo-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

3. Công văn số 7162/BGiáo dục và Đào tạo- GDTrH ngày 10/12/2014 về việc đánh giá kết quả bước đầu thực nghiệm mô hình VNEN cấp trung học cơ sở.

4. Hướng dẫn số 73/HD-BGiáo dục và Đào tạo-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc dạy học thông qua di sản.

5. Công văn số 3535 /BGiáo dục và Đào tạo-GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác.

7. Công văn số 5555/BGiáo dục và Đào tạo-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng./.

Phần thứ hai
TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
MÔN KHTN LỚP 7 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. Vị trí, đặc điểm môn học

1. Vị trí của môn học

Môn KHTN 7 trong nhà trường phổ thông là một trong 8 môn học của chương trình THCS theo mô hình trường học mới Việt Nam. Môn KHTN 7 được học tiếp nối sau KHTN 6, giúp học sinh có kiến thức về những tri thức khoa học phổ thông cơ bản về các đối tượng trong tự nhiên và đời sống, tập trung vào việc tìm hiểu các khái niệm cơ bản của KHTN như nguyên tử, nguyên tố hóa học, hóa trị, phản ứng hóa học, sinh học cơ thể, ánh sáng, âm thanh, điện tích – dòng điện, con người và sức khỏe. Ngoài ra, môn KHTN 7 cũng có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác như Toán học, Tin học, Công nghệ, Thể dục,... Do đó việc dạy học môn KHTN 7 cần đặt trong mối liên quan tổng thể với các môn học khác.

KHTN là cơ sở của nhiều ngành kỹ thuật và công nghệ quan trọng. Sự phát triển của KHTN gắn bó chặt chẽ và có tác động qua lại, trực tiếp với tiến bộ của kỹ thuật và công nghệ và do vậy có giá trị to lớn trong đời sống và sản xuất. Việc giảng dạy môn KHTN có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh trung học một hệ thống kiến thức cơ bản về KHTN ở trình độ phổ thông, bước đầu hình thành cho học sinh những kỹ năng và thói quen làm việc khoa học; hình thành và phát triển năng lực cho học sinh, rèn luyện cho học sinh tư duy logic và tư duy biện chứng, hình thành ở họ niềm tin về bản chất khoa học của các hiện tượng tự nhiên cũng như khả năng nhận biết của con người, khả năng ứng dụng khoa học để đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống; qua đó góp phần hình thành và phát triển ở họ các năng lực nhận thức, năng lực hành động và các phẩm chất và nhân cách mà mục tiêu giáo dục đề ra; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục tham gia lao động sản xuất, có thể thích ứng với sự phát triển của KHKT, học nghề, trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung học phổ thông.

2. Đặc điểm của môn học

a) Môn học cốt lõi thuộc lĩnh vực giáo dục Khoa học Tự nhiên

Lĩnh vực giáo dục Khoa học Tự nhiên có ưu thế hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất như tự tin, trung thực; các năng lực tìm hiểu và khám phá thế giới tự nhiên qua quan sát và thực nghiệm; năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức khoa học để giải quyết vấn đề trong cuộc sống, ứng xử với tự nhiên

phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững xã hội và môi trường. Lĩnh vực giáo dục Khoa học Tự nhiên được thực hiện trong nhiều môn học nhưng chủ yếu là các môn học: Cuộc sống quanh ta (các lớp 1, 2, 3); Tìm hiểu Tự nhiên (các lớp 4, 5); Khoa học Tự nhiên (cấp trung học cơ sở); Vật lý, Hoá học, Sinh học, Khoa học Tự nhiên (cấp trung học phổ thông).

Nội dung chủ yếu của môn học được tổ chức theo các mạch: Theo đối tượng môn học (vật chất, năng lượng, sự sống, trái đất); các quy luật chung của thế giới tự nhiên (tương tác, vận động, phát triển và tiến hoá); vai trò của khoa học đối với sự phát triển xã hội; vận dụng kiến thức khoa học trong sử dụng và khai thác thiên nhiên một cách bền vững. Những vấn đề trên sẽ được cụ thể hoá theo các lĩnh vực Vật lý, Hoá học, Sinh học, Khoa học trái đất cũng như các nội dung liên môn.

Cấu trúc nội dung môn Khoa học Tự nhiên ở cấp trung học cơ sở gồm các phân môn với các chủ đề được sắp xếp sao cho vừa bảo đảm liên hệ theo logic tuyến tính đồng thời có thêm một số chủ đề liên phân môn, vừa tích hợp đồng tâm hình thành các nguyên lý, quy luật chung của thế giới tự nhiên.

Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học là tạo cơ hội cho học sinh được quan sát, thực nghiệm; tìm hiểu và khám phá khoa học; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề lý thuyết và thực tiễn; thông qua đó phát triển các phẩm chất và năng lực.

Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; trong đó tập trung đánh giá năng lực tìm tòi khám phá tự nhiên và năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sử dụng đa dạng các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá; phối hợp đánh giá của giáo viên và học sinh, đánh giá trong nhà trường và ngoài nhà trường, bài thi (bài kiểm tra) theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan.

b) Những nét đặc trưng của môn KHTN

Là môn khoa học thực nghiệm. Thực hành thí nghiệm và tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo là nét đặc trưng có tính ưu thế trong việc rèn luyện và phát triển các phẩm chất và năng lực cho học sinh. Nội dung kiến thức được chọn đưa vào chủ yếu là những kiến thức thức phổ thông và cơ bản, cần thiết cho việc nhận thức đúng đắn các hiện tượng tự nhiên, cho cuộc sống hằng ngày và cho việc lao động trong nhiều ngành kỹ thuật.

Là môn khoa học luôn gắn với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kĩ

thuật. Nội dung chương trình đề cập đến một số kiến thức của khoa học hiện đại có liên quan đến nhiều dụng cụ và thiết bị kỹ thuật đang được sử dụng phổ biến trong cuộc sống và sản xuất.

Là môn học có những vấn đề thực tiễn được vận dụng giải quyết bởi các kiến thức tích hợp liên môn vật lý, hóa học, sinh học và các môn học khác.

Nội dung kiến thức trong tài liệu được sắp xếp một cách khoa học phù hợp với quy luật nhận thức giới tự nhiên về kiến thức kỹ năng vật lý, hóa học, sinh học và các môn học khác.

Nội dung trong mỗi bài của Tài liệu hướng dẫn học được trình bày một cách tinh giản phù hợp với thời lượng và khả năng tiếp thu của học sinh (gồm 5 hoạt động: Khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi khám phá). Khối lượng kiến thức và kỹ năng của mỗi chủ đề được cân đối và phù hợp trong các hoạt động học.

II. Chương trình môn học

1. Hướng dẫn chung

- Trình bày khái quát về cấu trúc chương trình, đặc biệt là những thay đổi so với chương trình và sách giáo khoa hiện hành: có nội dung Hóa học (từ lớp 8 hiện hành đưa xuống); phân môn Vật lý được cấu trúc lại từ Vật lý 7 hiện hành; phân môn Sinh học có nhiều thay đổi nội dung (một phần nội dung Sinh học 7 hiện hành đã chuyển xuống học ở KHTN 6) – đưa nhiều nội dung Sinh học 8 hiện hành xuống KHTN 7 với cấu trúc bài học mới.

Khung phân phối chương trình

	Số tuần thực hiện	Số tiết học					
		Tổng	Phần chung	Sinh học	Vật lý	Hóa học	Ôn tập, Kiểm tra
Cả năm	35	105	05	46	29	17	8
Học kì 1	18	55	05	16	13	17	4
Học kì 2	17	50	0	30	16	0	4

Học kì 1:

- *Học kì 1* có 55 tiết với 05 tiết học chủ đề chung (bài Mở đầu) và 17 tiết học gồm 02 chủ đề Hóa học (từ bài 02 đến bài 07); 16 tiết học 01 chủ đề Sinh học (từ bài 08 đến bài 12) và 14 tiết học 01 chủ đề Vật lý (từ bài 13 đến bài 15);

có 2 tiết ôn tập cuối học kì 1 (sau khi kết thúc bài 15: Ánh sáng với đời sống sinh vật) với 2 tiết kiểm tra cuối kì 1.

- *Kết thúc Học kì 1*: Học sinh học xong bài 15; bài Ôn tập học kì 1 cần hướng dẫn học sinh ôn tập từ bài 1 đến bài 15.

Học kì 2:

- *Học kì 2* có 50 tiết với 16 tiết học gồm 02 chủ đề Vật lí (từ bài 16 đến bài 21); 30 tiết học 01 chủ đề Sinh học (từ bài 22 đến bài 31); có 2 tiết ôn tập cuối năm (sau khi kết thúc bài 31) với 2 tiết kiểm tra cuối năm.

- *Kết thúc Học kì 2*: Học sinh học xong bài 31; bài Ôn tập học kì 2 cần hướng dẫn học sinh ôn tập từ bài 16 đến bài 31.

- **Nêu rõ lí do thay đổi:**

+ Cách tiếp cận hoàn toàn khác: môn KHTN 7 tiếp cận năng lực, còn môn Sinh học 7 và Vật lý 7 tiếp cận nội dung. Môn KHTN 7 có những bài tích hợp nội dung các phân môn Vật lí – Hóa học – Sinh học.

+ Nội dung, hình thức trình bày hoàn toàn khác: môn KHTN 7 tập trung vào các hoạt động học (5 hoạt động trong mỗi bài học).

- Hướng dẫn chung về cách thực hiện chương trình theo hướng giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và năng lực của giáo viên, học sinh.

+ Số tiết của mỗi bài trong PPCT chi tiết nêu ở trên chỉ là gợi ý, không bắt buộc các trường phải thực hiện đúng như trên, tổ (nhóm) chuyên môn có thể điều chỉnh sao cho phù hợp và trình hiệu trưởng phê duyệt.

+ Nên sắp xếp dạy học theo buổi có 2 - 3 tiết liên nhau, nhưng không nhất thiết phải xếp thời khóa biểu mỗi tuần có cùng số tiết. Tổ (nhóm) chuyên môn căn cứ vào gợi ý thời lượng của từng nội dung và logic của mạch kiến thức đề xuất với hiệu trưởng quyết định xếp thời khóa biểu sao cho hợp lí.

- Hướng dẫn về việc phát triển tài liệu Hướng dẫn học: Tổ/nhóm chuyên môn thông qua SHCM theo NCBH có thể chủ động thay đổi nội dung hướng dẫn hoạt động học cho phù hợp đối tượng HS và thực tế địa phương, nhưng phải đảm bảo mục tiêu bài học và được các cấp quản lý phê duyệt.

2. Chương trình chi tiết

Trình bày rõ cấu trúc chương trình được thể hiện thông qua các bài học/chủ đề trong tài liệu học với thời lượng tương ứng.

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7

Chủ đề	Tên bài	Số tiết
1. Mở đầu KHTN 7	Bài 1. Mở đầu	5
2. Nguyên tử, nguyên tố hóa học, công thức hóa học	Bài 2. Nguyên tử, nguyên tố hóa học.	2
	Bài 3. Công thức hóa học, hóa trị.	2
3. Phản ứng hóa học. Mol và tính toán hóa học	Bài 4. Phản ứng hóa học	3
	Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng trong phản ứng hóa học. Phương trình hóa học	3
	Bài 6. Mol. Tỷ khối của chất khí	4
	Bài 7. Tính theo công thức và phương trình hóa học	3
4. Đặc trưng của cơ thể sống	Bài 8. Trao đổi chất và năng lượng	3
	Bài 9. Sinh trưởng và phát triển	3
	Bài 10. Sinh sản ở sinh vật	3
	Bài 11. Cảm ứng	3
	Bài 12. Đa dạng các nhóm sinh vật	4
5. Ánh sáng	Bài 13. Sự truyền ánh sáng	6
	Bài 14. Màu sắc ánh sáng	3
	Bài 15. Ánh sáng với đời sống sinh vật	4
	Ôn tập học kì 1	2
	Bài kiểm tra viết học kì 1	2
6. Âm thanh	Bài 16. Nguồn âm. Độ cao và độ to của âm	2
	Bài 17. Sự lan truyền và phản xạ âm. Ô nhiễm tiếng ồn	3
7. Điện tích. Dòng điện	Bài 18. Điện tích. Hiện tượng nhiễm điện	2
	Bài 19. Dòng điện. Nguồn điện	3
	Bài 20. Chất dẫn điện và chất cách điện. Dòng điện trong kim loại	3
	Bài 21. Các tác dụng của dòng điện	3
8. Con người và	Bài 22. Giới thiệu chung về cơ thể người	3

sức khỏe	Bài 23. Tiêu hóa và vệ sinh hệ tiêu hóa	3
	Bài 24. Hô hấp và vệ sinh hô hấp	3
	Bài 25. Máu và hệ tuần hoàn	3
	Bài 26. Bài tiết và cân bằng nội môi	3
	Bài 27. Nội tiết và hooc môn	3
	Bài 28. Thần kinh, giác quan và sự thích nghi của cơ thể	3
	Bài 29. Cơ sở khoa học của học tập	3
	Bài 30. Con người và sức khỏe	3
	Bài 31. Sinh sản và chất lượng dân số	3
	Ôn tập	2
	Bài kiểm tra viết cuối năm	2
	Tổng số tiết cả năm	105

III. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học theo chủ đề

BÀI 5. ĐỊNH LUẬT BẢO TOÀN KHỐI LƯỢNG PHƯƠNG TRÌNH HOÁ HỌC (3 tiết)

1. Mục tiêu bài học

a) Kiến thức, kỹ năng, thái độ

Về kiến thức :

- Phát biểu và vận dụng được định luật bảo toàn khối lượng.
- Thông qua quan sát thí nghiệm, nhận xét, rút ra được kết luận về sự bảo toàn khối lượng các chất trong phản ứng hoá học.
- Trình bày ý nghĩa, biểu diễn và lập được phương trình hoá học (PTHH)
- Viết được biểu thức liên hệ giữa khối lượng các chất trong một số phản ứng cụ thể. Tính được khối lượng của một chất trong phản ứng khi biết khối lượng của các chất còn lại.

Về kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng quan sát, ghi chép mô tả, giải thích được các hiện tượng thí nghiệm và rút ra được kết luận về nội dung của định luật bảo toàn khối lượng của các chất trong phản ứng hóa học.
- Hình thành kỹ năng viết được PTHH, viết được biểu thức liên hệ giữa khối lượng các chất trong một số phản ứng cụ thể.

- Hình thành kĩ năng vận dụng tính toán khối lượng của một chất trong phản ứng hóa học khi biết khối lượng của các chất còn lại.

Về thái độ:

- Hứng thú, có tinh thần say mê trong học tập.
- Tích cực tự lực phát hiện và thu nhận kiến thức.

b) Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Thông qua các hoạt động “Học cặp đôi; Học theo nhóm” góp phần hình thành cho HS năng lực hợp tác. Thông qua các hoạt động về hình thành kiến thức cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động vận dụng góp phần hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu, năng lực xử lý thông tin, năng lực thực hành, năng lực vận dụng kiến thức cho học sinh.

2. Tổ chức hoạt động học của học sinh

a) Hướng dẫn chung

Do HS đã được học bài: Phản ứng hóa học vì vậy trong hoạt động khởi động HS ôn lại các kiến thức đã học như dấu hiệu để nhận biết có phản ứng hóa học xảy ra để từ đó HS sẽ vận dụng được khi bước sang hoạt động hình thành kiến thức mới. HS sẽ được tiến hành thí nghiệm để tự rút ra được nhận xét và đi đến kết luận về nội dung của ĐLBTKL. HS tự đọc các thông tin trong sách hướng dẫn học, kết hợp với thảo luận nhóm để viết phương trình hóa học, viết được biểu thức liên hệ giữa khối lượng các chất trong một số phản ứng cụ thể. Hoạt động luyện tập sẽ giúp các em vận dụng ĐLBTKL để tính toán khối lượng của một chất trong phản ứng hóa học khi biết khối lượng của các chất còn lại thông qua việc giải các bài tập hóa học.

Hoạt động vận dụng sẽ giúp HS vận dụng được ĐLBTKL vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.

Hoạt động tìm tòi mở rộng sẽ giúp cho HS thấy được tầm quan trọng cũng như ý nghĩa của ĐLBTKL đồng thời HS sẽ biết thêm được thân thế sự nghiệp của 2 nhà bác học nổi tiếng, là những người đã nghiên cứu và phát hiện ra được định luật bảo toàn khối lượng.

b) Hướng dẫn cụ thể cho mỗi hoạt động

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích:

Tìm mối liên hệ giữa tổng khối lượng của các chất trước phản ứng và tổng khối lượng của các chất sau phản ứng.

Nội dung hoạt động:

- Xác định các chất tham gia phản ứng và tạo thành sau phản ứng.
- Dự đoán mối liên hệ giữa tổng khối lượng của các chất trước phản ứng và tổng khối lượng của các chất sau phản ứng.
- Đề xuất cách làm thí nghiệm để kiểm chứng các dự đoán đó.

Phương thức hoạt động:

HS thảo luận nhóm để dự đoán và giải thích về mối liên hệ giữa tổng khối lượng của các chất trước phản ứng và tổng khối lượng của các chất sau phản ứng, đồng thời đề xuất phương án thí nghiệm để kiểm chứng các dự đoán đó.

Thiết bị dạy học và học liệu:

Dụng cụ, hoá chất để thực hiện thí nghiệm kiểm chứng mối liên hệ giữa tổng khối lượng của các chất trước phản ứng và tổng khối lượng của các chất sau phản ứng (Cân, cốc thuỷ tinh, các hoá chất cần thiết...).

Sản phẩm hoạt động:

Bản báo cáo của nhóm về: các chất tham gia và tạo thành sau phản ứng; dự đoán và giải thích về mối liên hệ giữa tổng khối lượng của các chất trước phản ứng và tổng khối lượng của các chất sau phản ứng; đề xuất phương án thí nghiệm để kiểm chứng các dự đoán đó.

Để giải thích được dự đoán mối liên hệ giữa tổng khối lượng của các chất trước phản ứng và tổng khối lượng của các chất sau phản ứng, HS cần dựa vào kiến thức của bài học trước để lập luận: Trong phản ứng hóa học chỉ có liên kết giữa các nguyên tử bị thay đổi làm cho phân tử này biến đổi thành phân tử khác. Kết quả là chất này biến đổi thành chất khác (thành phần của các nguyên tố hóa học không thay đổi) vì vậy HS sẽ dự đoán “ Khối lượng không thay đổi”, từ đó HS sẽ thảo luận đề xuất cách làm TN để chứng minh dự đoán đó.

HS có thể gặp khó khăn ở phần giải thích dự đoán, khi đó GV có thể gợi ý HS nhớ lại kiến thức ở bài phản ứng hóa học đã học trước đó và nêu câu hỏi: Trong phản ứng hoá học, số nguyên tử của các nguyên tố trước và sau phản ứng có thay đổi không? Từ đó suy ra tổng khối lượng các nguyên tử và tổng khối lượng các chất có thay đổi không?

GV tổ chức cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả trước lớp, các nhóm khác bổ sung. Để chứng minh dự đoán và đề xuất cách làm của nhóm có đúng không GV yêu cầu HS chuyển sang hoạt động hình thành kiến thức.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Căn cứ vào mục tiêu của bài, hoạt động hình thành kiến thức được tổ chức để HS tìm tòi NCKH tự thu nhận kiến thức thông qua tiến hành TN, quan sát thí nghiệm, nhận xét, rút ra được kết luận về sự bảo toàn khối lượng các chất trong phản ứng hoá học. Đồng thời với việc tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm kết hợp với sử dụng kĩ thuật “ Khăn trải bàn”, kĩ thuật “hợp tác theo nhóm”, hoạt động cá nhân đọc thông tin, làm việc độc lập hoặc làm việc theo cặp đôi, để HS tự thu nhận được các kiến thức mới .

Nội dung 1: Định luật bảo toàn khối lượng

1. Thí nghiệm:

Thông qua hoạt động làm TN theo nhóm HS sẽ vận dụng kiến thức ở HĐ khởi động để nhận biết có dấu hiệu phản ứng hóa học xảy ra, việc ghi số liệu khối lượng trước thí nghiệm và sau khi tiến hành TN (có xảy ra phản ứng hóa học) HS sẽ tự rút ra nhận xét: Khối lượng trước và sau phản ứng không thay đổi từ đó rút ra kiến thức mới về nội dung của định luật bảo toàn khối lượng.

Trong hoạt động này GV sử dụng kĩ thuật hợp tác theo nhóm, cho HS làm TN theo nhóm thảo luận, quan sát và điền các thông tin vào bảng (ghi vào vở). Từ đó HS rút ra được nhận xét: Khối lượng trước khi làm thí nghiệm bằng khối lượng sau khi làm thí nghiệm

GV có thể gọi đại diện 1-2 em đứng tại chỗ báo cáo kết quả làm việc. Các bạn khác bổ sung.

Cách	Dấu hiệu phản ứng hoá học	Nhận xét
1	Có kết tủa màu trắng	Vị trí kim cân : Không thay đổi
2	Có kết tủa màu trắng	Khối lượng trước khi làm thí nghiệm: (ghi số liệu thực tế $m_1 = ?$).... Khối lượng sau khi làm thí nghiệm (Ghi số liệu thực tế $m_2 = ?$)....
Nhận xét : <i>Khối lượng của các chất trước và sau khi làm thí nghiệm không thay đổi.</i>		

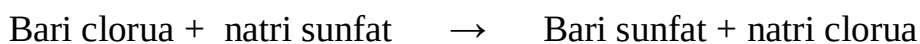
Lưu ý: Tùy theo điều kiện thực tế của phòng thí nghiệm GV có thể tổ chức các cách làm thí nghiệm khác, với các hóa chất khác hoặc với các loại cân khác.

Từ thí nghiệm và nhận xét ở trên, HS sẽ làm bài tập để phát biểu được chính xác định luật bảo toàn khối lượng: **“Trong một phản ứng hoá học, tổng khối**

lượng của các chất sản phẩm bằng tổng khối lượng của các chất tham gia phản ứng”.

Để phát biểu chính xác nội dung định luật này, GV có thể yêu cầu HS đứng tại chỗ phát biểu định luật BTKL.

HS đọc thông tin về việc biểu diễn bằng sơ đồ chữ :



Chất tham gia phản ứng Chất tạo thành sau phản ứng

cũng như biểu diễn phương trình bảo toàn khối lượng của phản ứng hóa học ở thí nghiệm trên: *Tổng khối lượng của bari clorua và natri sunfat phản ứng = tổng khối lượng của bari sunfat và natri clorua tạo thành sau phản ứng.*

Vận dụng làm bài tập:

1. Giả sử có sơ đồ phản ứng hóa học: $A + B \rightarrow C + D$

Kí hiệu : m_A ; m_B ; m_C ; m_D lần lượt là khối lượng của các chất A ; B ; C ; D

Viết được phương trình bảo toàn khối lượng: $m_A + m_B = m_C + m_D$

2. Giả sử ta gọi a, b, c là khối lượng của ba chất đã biết , khối lượng chất còn lại là x Ta có : $a + b = c + x$ hoặc $a + x = b + c$

$$x = a + b - c \text{ hoặc } x = b + c - a$$

3. Bari clorua $BaCl_2$ phản ứng với natri sunfat Na_2SO_4 tạo ra bari sunfat $BaSO_4$ và natri clorua $NaCl$. Kí hiệu : m_{BaCl_2} ; $m_{Na_2SO_4}$; m_{BaSO_4} ; m_{NaCl} lần lượt là khối lượng của mỗi chất.

a) Phương trình bảo toàn khối lượng cho phản ứng hóa học trên.

$$m_{BaCl_2} + m_{Na_2SO_4} = m_{BaSO_4} + m_{NaCl} \quad (1)$$

b) Thay số liệu vào (1) ta có : $20,8 \text{ (g)} + 14,2 \text{ (g)} = 23,3 \text{ (g)} + m_{NaCl}$

$$\text{Vậy } m_{NaCl} = 20,8 \text{ (g)} + 14,2 \text{ (g)} - 23,3 \text{ (g)}$$

$$m_{NaCl} = 11,7 \text{ (g)}$$

GV có thể tổ chức cho cá nhân HS tự làm bài tập vận dụng hoặc tổ chức cho HS làm việc theo nhóm. Sau khi quan sát và theo dõi kết quả của HS hoặc các nhóm, GV có thể giúp đỡ các em khi cần thiết hoặc ghi nhận xét vào vở.

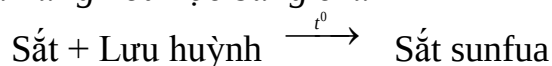
Kết thúc hoạt động này GV đặt vấn đề: khi chúng ta tiến hành cho các chất tham gia phản ứng hóa học với nhau để tạo thành các chất mới. Muốn biểu diễn quá trình phản ứng hóa học này bằng các công thức hóa học cho gọn người ta biểu thị bằng phương trình hóa học. Vậy PTHH là gì chúng ta sẽ tiếp tục hoạt động tiếp theo.

II. PHƯƠNG TRÌNH HOÁ HỌC

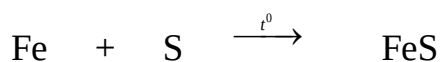
1. Phương trình hóa học:

HS đọc thông tin và biết được cách viết phương trình hóa học cần có các bước sau:

Viết sơ đồ của phản ứng hóa học bằng chữ



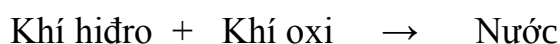
Viết sơ đồ của phản ứng hóa học bằng cách thay tên các chất bằng công thức hoá học



Việc làm cho số nguyên tử ở 2 vế của phản ứng hóa học bằng nhau gọi là **cân bằng phương trình hóa học**.

HS làm bài tập:

a) Cho phản ứng:



b) Nhìn vế trái và vế phải sơ đồ của phản ứng trên thấy số nguyên tử của mỗi nguyên tố không bằng nhau. Vế trái có 1 phân tử H_2 gồm 2 nguyên tử H và 1 phân tử O_2 gồm 2 nguyên tử O, vế phải có 1 phân tử H_2O gồm 2 nguyên tử H và 1 nguyên tử O.

Tổ chức HS hoạt động theo nhóm để thảo luận các câu hỏi trong hình vẽ 4.2 a,b,c

Trong hoạt động này GV có thể sử dụng kĩ thuật “Khăn trải bàn” tổ chức cho HS thảo luận 2 nội dung:

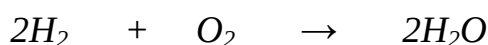
+ Đọc thông tin và thảo luận các hình 4.2 a; 4.2.b; 4.2.c; rút ra nhận xét PTHH được viết như thế nào?

+ Đọc thông tin và rút ra được nhận xét về các bước khi lập PTHH.

HS sẽ ghi các phương án đề xuất của mình vào “Khăn trải bàn”. Các phương án thảo luận có thể khác nhau nhưng sau khi nhóm trưởng hướng dẫn thảo luận chọn ra phương án hợp lý nhất ghi vào ô chung của khăn trải bàn, sau đó đối chiếu với đáp án và rút ra được nhận xét về viết phương trình hóa học.

Nội dung các nhóm điền vào phần giữa của “Khăn trải bàn” gồm:

1. *Phương trình hoá học của phản ứng được viết như sau:*



2. *Các bước lập phương trình hóa học gồm 3 bước:*

Bước 1: Viết sơ đồ của phản ứng

Bước 2 : Cân bằng số nguyên tử của mỗi nguyên tố

Bước 3: Viết phương trình hoá học

Phương trình hóa học biểu diễn ngắn gọn phản ứng hóa học

Bài tập vận dụng: Biết nhôm (Al) tác dụng với oxi (O₂) tạo thành nhôm oxit (Al₂O₃). Hãy lập phương trình hóa học của phản ứng trên.

Bước 1: Viết sơ đồ của phản ứng : $Al + O_2 \rightarrow Al_2O_3$

Bước 2: Cân bằng số nguyên tử của mỗi nguyên tố: Thêm hệ số 4 vào nguyên tử Al thì phải thêm hệ số 2 vào phân tử Al₂O₃ lúc đó có 6 nguyên tử O vì vậy phải thêm hệ số 3 vào phân tử oxi.

Bước 3: Viết phương trình hóa học: $4Al + 3O_2 \rightarrow 2Al_2O_3$

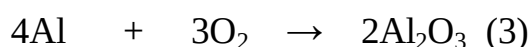
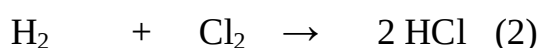
Trình bày trước lớp: GV đề nghị đại diện một nhóm lên trình bày, các nhóm khác bổ sung.

3. Ý nghĩa của phương trình hóa học:

HS học theo nhóm, đọc thông tin và biết được ý nghĩa của phương trình hoá học là: *Phương trình hóa học cho biết tỉ lệ về số nguyên tử, số phân tử giữa các chất cũng như từng cặp chất trong phản ứng.*

Từ đó vận dụng làm bài tập:

Nhìn vào các phương trình hoá học dưới đây, hãy cho biết tỉ lệ về số nguyên tử, số phân tử giữa các chất trong phản ứng ?



Phương trình (2) :

Số phân tử H₂: Số phân tử Cl₂ : Số phân tử HCl = 1 : 1 : 2 . Như vậy: Cứ 1 phân tử H₂ tác dụng với 1 phân tử Cl₂ tạo ra 2 phân tử HCl.

Phương trình (3)

Số phân tử Al: Số phân tử O₂: Số phân tử Al₂O₃ = 4 : 3 : 2 . Như vậy: Cứ 4 nguyên tử Al tác dụng với 3 phân tử O₂ tạo ra 2 phân tử Al₂O₃.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động này nhằm tạo điều kiện cho HS được vận dụng các kiến thức đã học ở trên để khắc sâu các khái niệm, vận dụng vào các tình huống các dạng bài tập cụ thể. Hoạt động này cũng nhằm rèn luyện các kĩ năng viết PTHH, hiểu được ý nghĩa của PTHH, kĩ năng tính toán dựa vào định luật BTKL để tính khối lượng các chất tham gia hoặc chất sản phẩm tạo thành.

Trong hoạt động này HS làm việc cá nhân là chính, nên GV cần theo dõi giúp đỡ HS khi cần thiết đồng thời ghi nhận xét vào vở đánh giá kết quả làm việc của các em.

Đáp án :

Bài 1. Đáp án: a) Viết PTHH : $2\text{Mg} + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{MgO}$

b) Viết phương trình bảo toàn khối lượng.

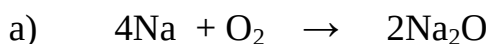
$$m_{\text{Mg}} + m_{\text{O}_2} = m_{\text{MgO}}$$

c) Tính khối lượng của oxi đã phản ứng.

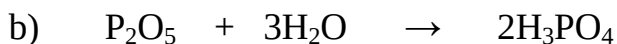
$$m_{\text{O}_2} = m_{\text{MgO}} - m_{\text{Mg}}$$

$$m_{\text{O}_2} = 15 \text{ (g)} - 9 \text{ (g)} = 6 \text{ (g)}$$

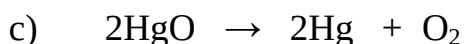
Bài 2. Lập PTHH:



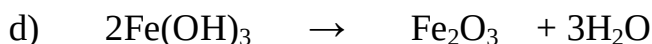
Tỉ lệ : cứ 4 nguyên tử Na tác dụng với 1 phân tử O_2 tạo ra 2 phân tử Na_2O



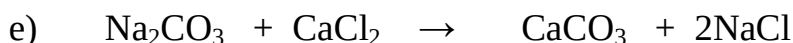
Tỉ lệ : cứ 1 phân tử P_2O_5 tác dụng với 3 phân tử H_2O tạo ra 2 phân tử H_3PO_4



Tỉ lệ : cứ 2 phân tử HgO phân hủy tạo ra 2 nguyên tử Hg và 1 phân tử O_2

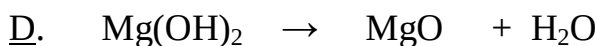


Tỉ lệ : cứ 2 phân tử $\text{Fe}(\text{OH})_3$ phân hủy tạo ra 1 phân tử Fe_2O_3 và 3 phân tử H_2O .

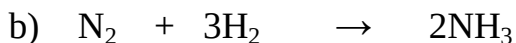


Tỉ lệ : cứ 1 phân tử Na_2CO_3 tác dụng với 1 phân tử CaCl_2 tạo ra 1 phân tử CaCO_3 và 2 phân tử NaCl

Bài 3. Phương trình hoá học cân bằng đúng là :



Bài 4. Đáp án:



D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động này nhằm giúp HS vận dụng được các kiến thức đã học vào trong thực tiễn, GV không tiến hành HĐ này trên lớp mà giao cho các em về nhà làm. Về nhà các em có thể tham khảo ý kiến của người thân quan sát hình 4.3 hoặc có thể tự tiến hành thí nghiệm, vì thí nghiệm này đơn giản, an toàn nên GV có thể gợi ý cho HS làm theo các cách khác nhau như có thể cân nến trước khi đốt nến, sau đó đốt cho nến cháy một lúc sau đó cân lại, so sánh khối lượng của cây nến trước và sau khi đốt có sự thay đổi như thế nào và giải thích. Ngoài ra có thể có nhiều cách làm khác.

Giải thích: khi nến cháy tạo ra chất khí bay lên làm cho khối lượng giảm đi vì vậy bên có nến cháy sẽ nhẹ đi cân lệch về phía cây nến không cháy.

Bài 2. Đây là một bài tập vận dụng thực tiễn, đòi hỏi sự quan sát của HS các hiện tượng xảy ra trong cuộc sống và biết vận dụng kiến thức đã học để giải thích đồng thời cũng đòi hỏi sự sáng tạo của HS thông qua việc đề xuất các bước tiến hành thực nghiệm để chứng minh hiện tượng đó.

GV có thể tổ chức trao đổi 2 bài tập này ở buổi học sau.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động này nhằm kích thích HS biết tìm tòi thông tin để biết thêm về thân thế sự nghiệp của 2 nhà bác học nổi tiếng, là những người đã nghiên cứu và phát hiện ra được định luật bảo toàn khối lượng. Yêu cầu viết một bài thuyết trình nhằm giúp các em rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin đồng thời rèn cho các em khả năng viết, trình bày các thông tin.

Gợi ý phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh

Đánh giá kiến thức, kỹ năng thông qua việc HS làm các bài tập luyện tập, bài tập vận dụng.

GV có thể xây dựng bảng kiểm quan sát để đánh giá một số năng lực của HS như: năng lực hợp tác hoặc năng lực nghiên cứu khoa học thực nghiệm hóa học.

Ví dụ : *Bảng kiểm quan sát năng lực hợp tác của HS*

Trường..... Lớp.....	Họ tên GV đánh giá..... Họ tên HS:		
Các tiêu chí		Mức độ	
		Mức 1	Mức 2 Mức 3

	1đ	2đ	3đ
1. Chia sẻ hiểu biết và cùng xác định nhiệm vụ chung của nhóm			
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện			
3. Nhận nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ do nhóm giao cho theo cá nhân, theo cặp hoặc nhóm nhỏ.			
4. Trình bày, chia sẻ kết quả với các thành viên trong nhóm.			
5. Lắng nghe các ý kiến của thành viên khác và tham gia thảo luận để đưa ra kết luận chung của nhóm.			
6. Trình bày, chia sẻ các nhiệm vụ học tập, tiếp thu ý kiến trao đổi của nhóm khác			
7. Tự đánh giá kết quả của nhóm mình và các nhóm khác trong lớp			

Bài 19. DÒNG ĐIỆN. NGUỒN ĐIỆN

I. Mục tiêu bài học

a) Kiến thức, kỹ năng, thái độ

- Phát biểu được định nghĩa dòng điện.
- Nêu được đặc điểm bên ngoài nhận biết nguồn điện, mục đích sử dụng nguồn điện.
- Nhận biết được một số loại nguồn điện thường được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.
- Nêu được khái niệm về mạch điện, đặc điểm của mạch điện hở, kín, cách chuyển từ mạch hở sang mạch kín và ngược lại.
- Đề xuất phương án thí nghiệm và tiến hành thí nghiệm kiểm chứng dự đoán.
- Vận dụng kiến thức đã học trong bài để đề xuất phương án giải quyết một số vấn đề hay để giải thích một số hiện tượng về điện trong đời sống.
- Hứng thú, yêu thích học tập, tò mò và tìm tòi khoa học; khách quan, trung thực, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác trong thực nghiệm

b) Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

- Năng lực tự học: lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề: phát hiện và giải quyết vấn đề trong học tập và trong giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống
- Năng lực hợp tác: trong học tập và giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống

II. Chuẩn bị thiết bị và học liệu:

- *Các bộ thí nghiệm theo yêu cầu của bài học:* bút thử điện, mảnh tôn, tấm phim nhựa, mảnh len...
- *Học liệu cho bài học:*
 - + Phiếu đánh giá hoạt động cá nhân và phiếu đánh giá hoạt động nhóm
 - + Các slide trình chiếu...

III. Tổ chức hoạt động học của học sinh

Ý tưởng phương pháp chung của bài: Dạy học nêu và giải quyết vấn đề thông qua thí nghiệm thực hành.

Ở chủ đề này, các kiến thức được hình thành là: khái niệm “Dòng điện”, “Nguồn điện” và “Mạch điện”. Việc hình thành các khái niệm này thường trải qua các bước:

- quan sát các thí nghiệm hay tìm hiểu các thông tin, hiện tượng, quá trình được mô tả trong tài liệu hướng dẫn học,
- phát hiện vấn đề và nêu ra câu hỏi nghiên cứu cần trả lời
- phân tích, tổng hợp các thông tin, suy luận và khái quát hóa rút ra kiến thức cần xây dựng.
- trình bày kết quả nghiên cứu thông qua việc thực hiện nhiệm vụ: Hãy điền các cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn cho sẵn; thảo luận và hợp thức hóa kiến thức trên phạm vi toàn lớp.

Các bước này nằm trong hai hoạt động: *Hoạt động khởi động* và *hoạt động hình thành kiến thức*.

Nội dung *Hoạt động luyện tập* và *Hoạt động vận dụng* bao gồm các nhiệm vụ có mức độ khó và tính vận dụng, tính thực tiễn tăng dần giúp học sinh ôn tập, củng cố các kiến thức đã học qua những tình huống thực tiễn hay giải quyết những tình huống thường gặp trong thực tiễn. Nội dung Hoạt động tìm tòi mở rộng đề cập đến một thiết bị điện phổ biến và quan trọng trong các mạch điện là cầu chì, aptômat với yêu cầu học sinh bước đầu chia sẻ cho nhau hình ảnh về các thiết bị này cũng như nguyên tắc hoạt động của chúng.

A. Hoạt động khởi động

a) *Mục tiêu*: Phát hiện và xác định vấn đề nghiên cứu về dòng điện và nguồn điện.

b) *Nhiệm vụ*: Làm thí nghiệm và trả lời câu hỏi sau trong sách Hướng dẫn học.

c) *Phương thức thực hiện*: Làm thí nghiệm theo nhóm, báo cáo kết quả hoạt động

d) *Sản phẩm*: Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.

đ) *Gợi ý tiến trình hoạt động*:

Hoạt động này được bắt đầu bằng thí nghiệm mở đầu được mô tả trong tài liệu hướng dẫn học: Chạm bút thử điện vào mảnh tôn đặt trên tấm phim nhựa khi chưa được tích điện thì thấy đèn bút thử điện không sáng nhưng sau khi được tích điện thì thấy đèn lóe sáng rồi tắt ngay. Sau đó hai câu hỏi được đưa ra (như nêu trong tài liệu hướng dẫn học):

- Câu hỏi 1: Tại sao sau khi tấm phim được tích điện, chạm lại bút thử điện vào mảnh tôn thì thấy đèn lóe sáng ? Tại sao sau khi lóe sáng đèn tắt ngay?

- Câu hỏi 2: Tại sao bóng đèn ở đèn pin và bóng đèn điện thấp sáng ở nhà khi bật công tắc không lóe sáng rồi tắt ngay giống như bóng đèn ở bút thử điện?

Nội dung câu hỏi 1 liên quan trực tiếp đến hiện tượng quan sát được khi làm thí nghiệm (có thể do giáo viên hay từng nhóm học sinh thực hiện). Kết quả nghiên cứu trả lời câu hỏi 1, sẽ dẫn đến hình thành khái niệm “Dòng điện”. Nội dung câu hỏi 2 là sự liên tưởng tới hiện tượng sáng kéo dài của bóng đèn ở đèn pin và đèn thấp sáng trong gia đình. Kết quả nghiên cứu trả lời câu hỏi 2, sẽ tạo điều kiện hình thành khái niệm “Nguồn điện”.

Lưu ý: Để thành công, thí nghiệm mở đầu cần được tiến hành trong môi trường có độ ẩm thấp. Các tấm phim, mảnh giấy vụn nếu cần phải được làm khô ngay trước khi tiến hành thí nghiệm.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành kiến thức về khái niệm “Dòng điện”

a) *Mục tiêu:* Hình thành khái niệm về dòng điện

b) *Nhiệm vụ:* Đưa ra giả thuyết và kiểm tra dự đoán và kiểm tra bằng thí nghiệm.

c) *Phương thức thực hiện:*

- Đưa ra dự đoán và phương án kiểm tra dự đoán

- Kiểm tra dự đoán bằng thí nghiệm

d) *Sản phẩm:* Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.

đ) *Gợi ý tiến trình hoạt động:*

Để trả lời các câu hỏi 1, giáo viên cần yêu cầu học sinh quan sát thí nghiệm rồi có thể tiếp tục sử dụng hệ thống câu hỏi định hướng sau:

+ Khi đèn tắt, tấm phim (trước kia đã được tích điện) có còn điện tích không ?

Học sinh đưa ra dự đoán (còn hoặc không còn). Giáo viên yêu cầu học sinh đưa ra phương án kiểm tra dự đoán. Để kiểm tra dự đoán còn hay không còn điện tích ở tấm phim, đều có thể sử dụng phương án: đưa tấm phim (sau khi đèn đã tắt) lại gần các vụn giấy xem tấm phim còn hút được các vụn giấy không? Thí nghiệm kiểm tra cho thấy tấm phim không hút được vụn giấy, từ đó dự đoán: tấm phim không còn điện tích được kiểm chứng.

+ Khi đèn tắt, tấm phim không còn điện tích nữa. Vậy việc chạm bút thử điện vào mảnh tôn và thấy đèn loé sáng có liên quan như thế nào đến việc mất đi của các điện tích trên tấm phim ?

Lưu ý: Để gợi ý cho học sinh trả lời, có thể sử dụng sự tương tự giữa dòng điện và dòng nước được trình bày ở bài 19, SGK vật lí 7 hiện hành. Câu trả lời sẽ được học sinh thảo luận trong nhóm và trước lớp với sự tự đánh giá của học sinh và đánh giá, gợi ý định hướng đến câu trả lời đúng từ phía giáo viên.

Việc trả lời câu hỏi 1, cũng như đưa ra khái niệm “Dòng điện” được học sinh trình bày thông qua việc thực hiện nhiệm vụ “Hãy điền các cụm từ thích hợp ... vào chỗ trống trong khung dưới đây” ở cuối mục. Cuối cùng, nội dung chính xác của đáp án và của khái niệm “Dòng điện” cần được hợp thức hóa sau khi được thảo luận trước lớp.

2. Hình thành kiến thức về khái niệm “Nguồn điện”

a) *Mục tiêu:* Hình thành khái niệm về nguồn điện

b) *Nhiệm vụ:* Đọc thông tin trong tài liệu Hướng dẫn học, trả lời câu hỏi.

c) *Phương thức thực hiện:*

Đọc tài liệu thực hiện nhiệm vụ “Hãy điền các cụm từ thích hợp ... vào chỗ trống .

d) *Sản phẩm:* Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.

đ) *Gợi ý tiến trình hoạt động:*

Để có thể trả lời câu hỏi 2, học sinh được yêu cầu tìm hiểu mô hình cấu tạo của chiếc đèn pin và chiếc đèn thấp sáng sử dụng điện lưới có dây dẫn đang được cắm vào ổ điện.

Hệ thống câu hỏi định hướng mà giáo viên có thể sử dụng như sau:

- + Nguyên nhân nào làm bóng đèn pin và bóng đèn bàn (khi bật công tắc) sáng?
- + Nguyên nhân nào duy trì dòng điện chạy qua bóng đèn pin và bóng đèn bàn được lâu?

Lưu ý: Việc trả lời hệ thống câu hỏi này được học sinh trình bày thông qua việc thực hiện nhiệm vụ “Hãy điền các cụm từ thích hợp ... vào chỗ trống trong khung dưới đây”.

Sau khi các cực pin ở đèn pin và điện dẫn vào ổ cắm trong nhà được xác định là nguyên nhân duy trì dòng điện chạy qua bóng đèn, chúng được gọi là nguồn điện. Tiếp theo, học sinh được yêu cầu kể tên các nguồn điện ở Hình 19.3 cũng như một vài nguồn điện khác mà họ biết trong cuộc sống, ví dụ như pin điện thoại ..v.v.. và chỉ ra đặc điểm chung bên ngoài của chúng là có 2 cực. Một cực được gọi là cực dương (đánh dấu +) và cực khác được gọi là cực âm (đánh dấu -).

Kiến thức của học sinh về khái niệm “Nguồn điện” và cách nhận biết nguồn điện qua đặc điểm bên ngoài được đánh giá thông qua nhiệm vụ chọn điền những cụm từ thích hợp vào chỗ trống. Kiến thức này được hợp thức hóa sau khi thảo luận trước lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Hình thành kiến thức về khái niệm “Mạch điện”

- a) *Mục tiêu*: Hình thành kiến thức về khái niệm mạch điện
- b) *Nhiệm vụ*: Tìm hiểu khái niệm mạch điện, mạch kín, mạch hở thông qua tài liệu Hướng dẫn học.
- c) *Phương thức hoạt động*: Đọc tài liệu Hướng dẫn học và trả lời câu hỏi.
- d) *Sản phẩm*: Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.
- đ) *Gợi ý tiến trình hoạt động*:

Khái niệm chung về mạch điện được thông báo: có chức năng để dòng điện chạy qua dụng cụ điện và gồm nguồn điện, dụng cụ điện và các dây dẫn điện.

Khái niệm “Mạch điện hở” và “Mạch điện kín” được hình thành theo các bước:

- + quan sát các hình vẽ trong tài liệu hướng dẫn học,
- + phân tích, tổng hợp khái quát hóa rút ra kiến thức
- + trình bày kiến thức thu nhận được thông qua nhiệm vụ chọn điền những cụm từ thích hợp vào chỗ trống. Kiến thức này được hợp thức hóa sau khi thảo luận trước lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Lưu ý: Kiến thức về “Cách chuyển từ mạch điện hở sang mạch điện kín và ngược lại” được hình thành trên cơ sở khái quát từ kinh nghiệm thực tiễn của học sinh trong đời sống mà họ đã trải nghiệm.

C. Hoạt động luyện tập

- a) *Mục tiêu*: Nhận dạng trong thực tiễn về dòng điện, nguồn điện và mạch điện.
- b) *Nhiệm vụ*: luyện tập, củng cố các kiến thức đã học qua những tình huống thực tiễn hay giải quyết những tình huống thường gặp trong thực tiễn.
- c) *Phương thức hoạt động*: Đọc tài liệu Hướng dẫn học và thực hiện học cá nhân
- d) *Sản phẩm*: Báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.
- đ) *Gợi ý tiến trình hoạt động*:

Nên tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động luyện tập theo nhóm. Kết quả các nhóm sẽ được đưa ra thảo luận, đánh giá và tổng hợp trên phạm vi toàn lớp. Ngoài các nguồn điện như pin (ở đèn pin, điện thoại di động ..v.v.. hay ác-qui (ở xe máy, ô tô), học sinh sẽ đề cập đến nguồn điện lấy từ ổ cắm điện trong mỗi gia đình. Giáo viên nên cho học sinh biết:

- Tên gọi của nguồn điện này là nguồn điện xoay chiều 220V. Nguồn điện này cũng có 2 cực, một cực được gọi là cực “nóng”, một cực được gọi là cực “nguội”.

- Nếu sơ ý để bộ phận nào của người chạm vào cực “nóng” hay vào dây dẫn không có vỏ bọc cách điện nối với cực “nóng” của nguồn điện này đều dẫn đến bị điện giật, gây nguy hiểm vì lúc đó có dòng điện chạy qua người.

D,E. Hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng

- Mục tiêu:* Giúp học sinh vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống
- Nhiệm vụ:* Đưa ra các tình huống như trong tài liệu Hướng dẫn học để các em vận dụng và tìm tòi mở rộng
- Phương thức thực hiện:* HS làm việc cá nhân, tự học ở nhà, có thể tham khảo các tài liệu trên internet hoặc trợ giúp của người thân.
- Sản phẩm:* Báo cáo kết quả cá nhân.
- Gợi ý tiến trình hoạt động:*

* Hoạt động vận dụng:

Vấn đề giao cho học sinh giải quyết trong pha Hoạt động vận dụng là vấn đề diễn hình thường gặp trong thực tiễn đời sống. Trong mạch điện đã cho, bóng đèn không sáng có thể do những nguyên nhân liên quan đến các thành phần tạo nên mạch điện như: nguồn điện, dây dẫn điện hay bóng đèn.

- Liên quan đến nguồn điện thì có thể có các nguyên nhân sau: nguồn hết điện (không còn, có điện), nguồn điện yếu, có dòng chạy qua bóng đèn nhưng không thể làm đèn sáng bình thường
- Liên quan đến bóng đèn thì có thể có nguyên nhân sau: bóng đèn bị cháy (dây tóc đứt đối với bóng đèn sợi đốt)
- Liên quan đến dây dẫn và các chỗ tiếp xúc, nối giữa các thành phần tạo nên mạch điện thì có thể có các nguyên nhân sau: Dây dẫn bị đứt chỗ nào đó; chỗ nối, tiếp xúc giữa các thành phần tạo nên mạch điện không tốt, bị hở.

Việc kiểm tra các dự đoán trên cần được thực hiện theo qui trình sau:

- Trước hết quan sát xem có chỗ nào ở mạch điện hở, hay có thể tiếp xúc không tốt không.
- Kiểm tra nguồn điện (nếu có thể thay nguồn mới)
- Kiểm tra bóng đèn xem có bị cháy tóc không
- Kiểm tra kĩ tất cả dây nối và các chỗ tiếp xúc, nối giữa các thành phần tạo nên mạch điện.

Sau này, khi học sinh học về khái niệm hiệu điện thế và biết sử dụng dụng cụ đo hiệu điện thế thì sẽ hướng dẫn học sinh kiểm tra theo một qui trình thích hợp.

Hoạt động vận dụng hoặc một phần nội dung của nó được coi như bài tập về nhà và sẽ được trình bày, đánh giá trên lớp trong những điều kiện thích hợp.

* Hoạt động tìm tòi mở rộng:

Trong nội dung pha Hoạt động tìm tòi mở rộng, đề cập đến cầu chì và aptomat với việc thông báo chức năng của chúng. Nhiệm vụ đối với học sinh là tự tìm hiểu và chia sẻ các: hình ảnh khác nhau của cầu chì và aptomat cũng như nguyên tắc hoạt động của chúng mà học sinh tìm được ở tất cả các nguồn có thể. Vì vậy, không thể và không nên giới hạn cụ thể về kết quả tìm hiểu của học sinh. Hoạt động tìm tòi mở rộng đối với học sinh là tự nguyện. Giáo viên tạo điều kiện tổ chức cho học sinh tự trao đổi với nhau cũng như với giáo viên trong những môi trường thích hợp (ví dụ như thông qua một trang trên mạng, trong hoạt động ngoại khóa ..v.v..).

IV. Kiểm tra đánh giá

a) Khi đánh giá quá trình, đối với những hoạt động của HS, GV cần xác định nội dung và phương pháp, hình thức đánh giá. Có thể lập bảng kế hoạch đánh giá quá trình học tập của HS như sau:

Pha	Hoạt động của HS	Nội dung đánh giá			Phương pháp sử dụng	Hình thức sử dụng (dùng 1 phiếu học tập cho các hoạt động)
		Kiến thức	Kĩ năng, năng lực	Thái độ		
A. Hoạt động khởi động						
	- Quan sát GV làm thí nghiệm, hay - Làm thí nghiệm		- quan sát - quan sát, tiến hành thí nghiệm - hợp tác làm việc nhóm	- hứng thú - cẩn thận - tò mò	- quan sát - quan sát	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)

	trong nhóm					
	Phát hiện và xác định vấn đề nghiên cứu		- phát hiện vấn đề (đèn lóe sáng rồi tắt ngay) - Phát biểu vấn đề nghiên cứu - hợp tác làm việc nhóm	- hứng thú	- hỏi đáp - hỏi đáp	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)

B. Hoạt động hình thành kiến thức

I. Dòng điện

	Đưa ra dự đoán: Khi đèn tắt, tấm phim (trước kia đã được tích điện) có còn điện tích không ?		- Tư duy logic đưa ra dự đoán - hợp tác làm việc nhóm		- hỏi đáp - quan sát	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)
	Đưa ra phương án kiểm tra dự đoán		- Tư duy logic đưa ra phương án thí nghiệm kiểm tra dự đoán - hợp tác làm việc nhóm	- hứng thú, yêu thích khoa học	- hỏi đáp - quan sát	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)
	Trả lời câu hỏi: Khi đèn		- Tư duy logic	- hứng thú	- hỏi đáp	phiếu đánh giá (tự

	tắt, tấm phim không còn điện tích nữa. Vậy việc chạm bút thử điện vào mảnh tôn và thấy đèn loé sáng có liên quan như thế nào đến việc mất đi của các điện tích trên tấm phim ?		- hợp tác làm việc nhóm			đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)
	Thực hiện nhiệm vụ “Hãy điền các cụm từ thích hợp ... vào chỗ trống trong khung dưới đây”	- kiến thức về sự nhiễm điện - kiến thức về khái niệm dòng điện (định nghĩa dòng điện)	- Tư duy logic - hợp tác làm việc nhóm	- hứng thú - yêu thích khoa học	- viết (nhiệm vụ điền khuyết)	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)
II. Nguồn điện						
	Đọc tìm hiểu thông tin ở TL HDH về đèn		- Tự học			

	pin và đèn bàn					
	Thực hiện nhiệm vụ “Hãy điền các cụm từ thích hợp ... vào chỗ trống trong khung dưới đây”	Kiến thức về chức năng của nguồn điện	- Tư duy phân tích, trường hợp - Khái quát hóa - hợp tác làm việc nhóm	- hứng thú	- viết (nhiệm vụ điền khuyết)	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)
	Đọc tìm hiểu thông tin ở TL HDH về các nguồn điện		- Tự học			
	Thực hiện nhiệm vụ “điền khuyết”	Kiến thức về nguồn điện và nhận biết bên ngoài đối với nguồn điện	- Tư duy phân tích, trường hợp - Khái quát hóa - hợp tác làm việc nhóm		- viết (nhiệm vụ điền khuyết)	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)

I. Mạch điện có nguồn điện và dụng cụ điện 1 và 2. Mạch điện hở và kín

	Đọc tìm hiểu thông tin ở TL HDH về các nguồn điện		- Tự học	- hứng thú		
	Thực hiện nhiệm vụ “điền khuyết”	Kiến thức về khái niệm “Mạch	- Tư duy phân tích, trường hợp - Khái quát	- hứng thú	- viết (nhiệm vụ điền	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá

		điện”, “Mạch điện hở” và “Mạch điện kín”	hóa - hợp tác làm việc nhóm		khuy ết)	đồng đẳng và đánh giá của GV)
C. Hoạt động luyện tập						
	Tìm hiểu, luyện tập kiến thức về dòng điện, nguồn điện, mạch điện hở, kín vào trong thực tiễn	Kiến thức về nguồn điện, mạch điện	- Tư duy phân tích, trường hợp - vận dụng kiến thức - hợp tác làm việc nhóm	- hứng thú	- hỏi đáp	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)
D, E. Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng						
	Vận dụng kiến thức về mạch điện hở, kín vào trong thực tiễn	Kiến thức về cách chuyển từ mạch điện hở sang mạch điện kín và ngược lại	- Tư duy phân tích, trường hợp - vận dụng kiến thức - hợp tác làm việc nhóm	ngiên cứu khoa học	tư duy phản biện, giải quyết vấn đề	phiếu đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV)

b) Một số câu hỏi gợi ý kiểm tra đánh giá:

1. Dòng điện, nguồn điện là gì?
2. Kể tên các yếu tố tạo thành một mạch điện? Thế nào là mạch điện kín, mạch điện hở?
3. Chạm bút thử điện vào mảnh tôn đặt trên tấm phim nhựa khi chưa được tích điện thì thấy đèn bút thử điện không sáng nhưng sau khi được tích điện thì thấy đèn lóe sáng rồi tắt ngay.

a) Tại sao sau khi tấm phim được tích điện, chạm lại bút thử điện vào mảnh tôn thì thấy đèn lóe sáng? Tại sao sau khi lóe sáng đèn tắt ngay?

b) Tại sao bóng đèn ở đèn pin và bóng đèn điện thấp sáng ở nhà khi bật công tắc không loé sáng rồi tắt ngay giống như bóng đèn ở bút thử điện?

4. Tìm một hiện tượng liên quan đến hoạt động của mạch điện trong đời sống và giải thích hoạt động của nó.

Bài 15. ÁNH SÁNG VỚI ĐỜI SỐNG SINH VẬT

1. Mục tiêu bài học

a) Kiến thức, kỹ năng, thái độ

- Nhận biết được ánh sáng có tác dụng nhiệt lên mọi vật.
- Phân tích được tác động của ánh sáng tới sinh vật và con người.
- Vận dụng được kiến thức ánh sáng trong thực tiễn cuộc sống.

b) Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

- Rèn luyện kỹ năng thực hành, phát triển năng lực tìm tòi, khám phá trong tập nghiên cứu khoa học: thiết kế thí nghiệm tác động của ánh sáng tới sinh vật.

2. Tổ chức hoạt động học của học sinh

Hướng dẫn cụ thể để giáo viên tổ chức hoạt các hoạt động học tương ứng đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học:

a) **Hướng dẫn chung:** Làm rõ về tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học, giúp cho giáo viên hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học trong cả chuỗi hoạt động học của bài học.

- Vấn đề được lựa chọn để HS giải quyết là: *ánh sáng với đời sống sinh vật*.

+ Tác động của ánh sáng tới sinh vật và con người (sự thích nghi của sinh vật với các điều kiện ánh sáng khác nhau).

+ Vận dụng được kiến thức ánh sáng trong thực tiễn cuộc sống (đủ ánh sáng trong học tập, phòng chống ô nhiễm ánh sáng,...).

- Tình huống/nhiệm vụ khởi động nhằm giúp HS phát hiện VĐ đó như thế nào?

+ HS *quan sát tự nhiên* (có thể dựa vào hình 14.1) để phát hiện vấn đề thông qua trả lời các câu hỏi (trong sách HDH KHTN 7).

+ HS đưa ra ví dụ, thảo luận nhóm (dựa vào vốn KT, KN đã có) về tác động của ánh sáng tới sinh vật và con người & Vận dụng kiến thức ánh sáng trong thực tiễn cuộc sống.

Lưu ý: có thể tổ chức theo cách khác như gợi ý ở phần sau!

- KT, KN mới hỗ trợ gì cho HS giải quyết VĐ của bài?

+ “năng lượng từ ánh sáng Mặt Trời”; “năng lượng hoá học”; “quang hợp”; “ADN và protein”; ...

+ Nhóm động vật ưa sáng, Nhóm động vật ưa tối (*động vật thích nghi với điều kiện ánh sáng khác nhau*).

- + Cây ưa sáng và cây ưa bóng (*thực vật thích nghi với điều kiện ánh sáng khác nhau*).
- + Ô nhiễm ánh sáng.
- KT, KN mới học trong bài cần được HS vận dụng thế nào trong học tập/cuộc sống?
- + Kỹ năng sống: ăn, mặc cho phù hợp thời tiết.
- + Đảm bảo ánh sáng học tập.
- + Tác động ô nhiễm ánh sáng đối với sức khỏe con người.
- Xung quanh KT, KN này, HS cần tìm hiểu thêm những gì?
- + Chói mắt, Nhịp sinh học, Melatonin, Rối loạn giấc ngủ, Ô nhiễm ánh sáng và ung thư ...

b) Hướng dẫn cụ thể cho mỗi hoạt động

- Hướng dẫn về kỹ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức hoạt động (động não, khăn trải bàn, các mảnh ghép, phòng tranh...) thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học đã được biên soạn; Gợi ý về các kỹ thuật dạy học khác có thể được sử dụng để giáo viên có thể lựa chọn, điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HD	Hướng dẫn	Gợi ý KTDH khác
KHỞI ĐỘNG <i>Mục tiêu:</i> tạo mâu thuẫn nhận thức. <i>Sản phẩm:</i> HS nêu ra tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sinh	- Cần nói rõ mục đích đặt các câu hỏi để gợi ý quan sát, phát hiện vấn đề: mối quan hệ “ánh sáng” và “sinh vật”. - Mong muốn HS trả lời thế nào? Nóng lên - Vì nhiệt từ lửa truyền sang; vì không toả nhiệt, đèn pin, đèn điện,...sinh vật ưa sáng, sinh vật ưa tối... - Nếu trả lời thế nghĩa là HS còn thiếu KT gì? + “năng lượng từ ánh sáng Mặt Trời”; “năng lượng hoá học”; “quang hợp”; “ADN và protein”; ... + Nhóm động vật ưa sáng, Nhóm động vật ưa tối. + Cây ưa sáng và cây ưa bóng.	- GV có thể bắt đầu bài học theo cách khác: viết lên bảng từ “ánh sáng” và từ “sinh vật” (hoặc thêm một số từ khác nữa) rồi yêu cầu HS kể câu chuyện thực tế mà trong đó có các từ cho trước trên bảng. Làm thế nào để nảy sinh nhu cầu tìm hiểu, phân tích mối quan hệ giữa “ánh sáng” và “sinh vật”. - Cũng có thể chuẩn bị các đoạn phim hay tranh ảnh về “vai trò của ánh sáng với đời sống sinh vật” cho HS quan sát rồi phát hiện mối quan hệ giữa “ánh sáng” và “sinh vật”.

vật? (HS quan sát phát hiện mỗi quan hệ giữa “ánh sáng” và “sinh vật”).	+ Ô nhiễm ánh sáng. Cần bổ sung KT để có thể hoàn chỉnh được câu trả lời như thế nào? 1. GV cho HS đọc sách, thảo luận và trả lời câu hỏi HDH. a. Các vật bị nóng lên do tiếp nhận năng lượng từ các tia bức xạ của ánh sáng mặt trời. b. Ánh sáng của đồng lửa truyền thẳng đến cơ thể ta, năng lượng của các tia bức xạ làm cho ta bị nóng lên. c. Đom đóm có chứa một hợp chất hữu cơ trong bụng là chất luciferin. Khi không khí vào bụng của nó sẽ phản ứng với luciferin, một phản ứng hóa học được gọi là bioluminescence xảy ra và phát ra ánh sáng quen thuộc của một chú đom đóm. Ánh sáng này đôi khi còn được gọi là "ánh sáng lạnh" vì nó tạo ra ít nhiệt. 2. GV hướng dẫn HS quan sát hình 14.1 HDH: Một số ví dụ về nguồn phát ra ánh sáng: ngọn nến đang cháy, ánh sáng phát ra từ đèn pin, đèn điện, đèn nê-ông, mỏ hàn si, sấm chớp, từ mặt trăng, các ngôi sao, con bọ rùa, ánh sáng phát ra do phản chiếu từ các vật xung quang chúng ta... 3. GV tổ chức cho HS liệt kê tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sinh vật và con người mà các em đã biết.	Mục tiêu là làm nảy sinh câu hỏi: 1. Các nhóm đv thích nghi với các điều kiện chiếu sáng khác nhau như thế nào? Ánh sáng và sự định hướng của đv có biểu hiện cụ thể thế nào (HS nêu ví dụ có thể đúng, có thể sai – mà sai là tiền đề cho học kiến thức mới). 2. Đặc điểm cây ưa sáng và cây ưa bóng có gì khác nhau? - Vị trí phân bố trong tự nhiên - Hình thái - Đặc điểm khác - HS có thể nêu được những tác dụng gì? Nhìn rõ vật, tạo vitamin D Với những tác dụng đó thì HS còn thiếu KT gì để trả lời được đầy đủ hơn? (đã trả lời ở trên). KT đó có thể học được trong hoạt động tiếp theo như thế nào? Xem mục Hình thành
--	---	---

		kiến thức mới.				
HÌNH THÀNH KIẾN THỨC	1. GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong sách và nêu ý nghĩa của ánh sáng đối với đời sống sinh vật. Chú ý hướng dẫn HS cách tóm tắt nội dung thông tin vừa đọc. Có thể gợi ý cho HS bằng một số cụm từ chìa khóa như: “năng lượng từ ánh sáng Mặt Trời”; “năng lượng hoá học”; “quang hợp”; “ADN và protêin”; “...”. 2. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm về tác động của ánh sáng tới động vật (Các tác động cụ thể là định hướng trong không gian, tìm kiếm thức ăn), tìm ví dụ minh họa (Nêu một số ví dụ minh họa giúp GV hiểu rõ ý đồ SP: có trong sách HDD), chú ý ánh sáng và sự định hướng của động vật và sự thích nghi với điều kiện ánh sáng khác nhau. - Để giúp HS phát hiện mối quan hệ giữa “ánh sáng” và “sinh vật” GV có thể kẻ bảng	GV cũng có thể cho HS tiếp nối HĐKD, trả lời các câu hỏi nêu ra. -Nhóm động vật ưa sáng là những loài chịu được giới hạn rộng về độ dài sóng, cường độ và thời gian chiếu sáng. Nhóm này bao gồm các động vật hoạt động ban ngày. -Nhóm động vật ưa tối là những loài chỉ có thể chịu được giới hạn hẹp, bao gồm những động vật hoạt động về ban đêm, sống trong hang, trong đất hay ở đáy biển. - Các khái niệm nguồn sáng, vật sáng, tia sáng, chùm sáng, ánh sáng trắng, ánh sáng màu đơn sắc, ánh sáng màu không đơn sắc và các quy luật truyền ánh sáng sẽ được vận dụng trong việc giải thích sự nhìn thấy các vật của mắt và hoạt động của các dụng cụ quang hỗ trợ cho mắt. - GV có thể gợi ý HS quan sát hoạt động của đàn kiến (ĐV ưa sáng) và các con gián nhà (đv ưa tối) để tập cho HS mô tả về di chuyển của kiến và gián nhà trong không gian. Có thể đặt câu hỏi: tại sao				
Mục tiêu: HS chiếm lĩnh kiến thức mới (động vật ưa sáng, động vật ưa tối, sinh vật thích nghi với điều kiện ánh sáng khác nhau)		Thần lẩn thường ra phơi				
Sản phẩm: Bảng 14.1	<table><tr><th>Kiến thức đã có</th><th>KT mới cần thiết</th></tr><tr><td>Ánh sáng (ánh nắng, ánh trăng, ánh sao, ánh đèn, ánh sáng sinh vật – đom đóm).</td><td>sự thích nghi của sinh vật với các điều kiện ánh sáng khác nhau: SV ưa sáng; sv ưa tối.</td></tr></table> - Nên gợi ý cho hs quan sát từ thực tiễn: + SV ưa sáng: trâu, bò, gà, cây lúa,	Kiến thức đã có	KT mới cần thiết	Ánh sáng (ánh nắng, ánh trăng, ánh sao, ánh đèn, ánh sáng sinh vật – đom đóm).	sự thích nghi của sinh vật với các điều kiện ánh sáng khác nhau: SV ưa sáng; sv ưa tối.	
Kiến thức đã có	KT mới cần thiết					
Ánh sáng (ánh nắng, ánh trăng, ánh sao, ánh đèn, ánh sáng sinh vật – đom đóm).	sự thích nghi của sinh vật với các điều kiện ánh sáng khác nhau: SV ưa sáng; sv ưa tối.					

	cây ngô + SV ưa tối: mèo, gián nhà, chuột,...	năng? ...
LUYỆN TẬP <i>Mục tiêu:</i> Luyện tập về sinh vật thích nghi với điều kiện ánh sáng khác nhau <i>Sản phẩm:</i> Bảng 14.2	1. Hướng dẫn HS đọc thông tin và hoàn thành bảng 1 ghi vào vở bài tập (xem bảng hướng dẫn ở dưới). 2. Quan sát hình 14.2, trao đổi với bạn chỉ ra con vật nào kiếm ăn (săn mồi) vào ban ngày, vào ban đêm và lúc chạng vạng tối - Động vật kiếm ăn (săn mồi) vào ban ngày: Gà, trâu rừng, sư tử, chim bói cá ... - Động vật kiếm ăn (săn mồi) vào ban đêm: Chim cú mèo, con cáo ... - Động vật kiếm ăn (săn mồi) vào lúc chạng vạng tối: Con dơi, con cóc ... - Lưu ý loài động vật kiếm ăn (săn mồi) cả ngày đêm: Giun đất, Sao biển, ...	1. Vì HS đã học KHTN 6 nên đã có những kiến thức về các nhóm cây nên có thể sử dụng HỎI – ĐÁP. 2. Đọc thông tin trong sách HDD KHTN 7 để lựa chọn thông tin phù hợp với đối tượng HS của mình. - Động vật nhận biết các vật và định hướng bằng thị giác trong không gian. - Khả năng cảm nhận những tia sáng của quang phổ Mặt Trời là khác nhau ở các loại động vật khác nhau. - Nhờ khả năng nhận biết các vật chiếu sáng mà động vật có thể định hướng đi xa và trở về nơi ở cũ.
VẬN DỤNG & TÌM TÒI MỞ RỘNG <i>Mục tiêu:</i> Phát triển NL nhân cách HS	1. Hướng dẫn cho học sinh cách tìm kiếm, sưu tầm làm album ảnh. 2. Hướng dẫn cho học sinh trả lời câu hỏi: - Để đảm bảo cây trồng tiếp xúc được nhiều ánh sáng cần thiết cho quang hợp và sự phát triển của cây. - Sự đòi hỏi về độ chiếu sáng phụ thuộc vào lứa tuổi, khi còn nhỏ phần lớn các cây là cây chịu bóng, sau 2 - 3 năm tuổi chuyển dần thành cây ưa sáng. Vì vậy cây non khi mới trồng phải làm dàn che bớt ánh sáng, khi	1. Hoạt động này, các em thực hiện ngoài giờ học và không bắt buộc đối với tất cả học sinh phải như nhau. GV có thể động viên khích lệ HS viết thành bài luận có sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè và người thân. Bài viết được gửi vào góc học tập để các bạn trong lớp chia sẻ và được giáo viên nhận xét, đánh giá. 2. GV cần khuyến khích HS nêu các giải pháp khắc phục

<i>Sản phẩm:</i> - sưu tầm làm album ảnh. - “20 thông tin thú vị về ánh sáng”. - Phòng, chống “Ô nhiễm ánh sáng”.	cây trưởng thành lại không che ánh sáng nữa. - Về mùa đông nên mặc quần áo màu tối vì quần áo màu tối hấp thụ nhiều năng lượng của ánh nắng mặt trời và sưởi ấm cho cơ thể. Về mùa hè, trái lại, nên mặc quần áo màu sáng để nó hấp thụ ít năng lượng của ánh sáng mặt trời, giảm được sự nóng bức khi ta đi ngoài nắng. - Trong chuỗi tự nhiên của chuỗi các phản ứng sinh tổng hợp dẫn đến sự tạo thành trong tế bào các sắc tố và vitamin, có tồn tại các phản ứng quang hoá. Điều đó cho phép khẳng định vai trò không thể thiếu của các lượng tử ánh sáng trong việc tổng hợp các chất nói trên. Ví dụ: sinh tổng hợp vitamin D. Dưới tác dụng của các lượng tử ánh sáng bất kỳ một tiền chất nào trong số ergosterol, Lumisterol, Taxisterol, Preergocalciferol đều dẫn đến sự tạo thành vitamin D. 3. HS tìm kiếm thông tin vào internet để tìm hiểu “20 thông tin thú vị về ánh sáng”. - GV giao cho HS/nhóm HS tìm hiểu về Ô nhiễm ánh sáng đối với sức khỏe con người.	để đảm bảo tốt cho sức khỏe và sự học tập của HS ở trường và ở nhà. Đây là hoạt động vận dụng thiết thực nhất với mỗi HS nên GV cần có giải pháp giúp đỡ để tất cả các em đều vận dụng được kiến thức bài học vào thực tiễn cuộc sống và học tập của bản thân. - Kỹ năng sống: ăn, mặc cho phù hợp thời tiết. - Đảm bảo ánh sáng học tập. GV hướng dẫn HS đọc sách rồi ghi tóm tắt nội dung, thảo luận nhóm về các vấn đề sau: - Định nghĩa “Ô nhiễm ánh sáng”: - Phân loại ô nhiễm ánh sáng. - Tác động ô nhiễm ánh sáng đối với sức khỏe con người: Chói mắt, Nhịp sinh học, Melatonin, Rối loạn giấc ngủ, Ô nhiễm ánh sáng và ung thư: Biện pháp giảm thiểu...
--	--	--

Bảng 1: So sánh đặc điểm của cây ưa sáng và cây ưa bóng

Đặc điểm	Cây ưa sáng	Cây ưa bóng
----------	-------------	-------------

Vị trí phân bố trong tự nhiên	Cây mọc nơi trống trải, hoặc là cây có thân cao, tán lá phân bố ở tầng trên của tán rừng...	Cây mọc dưới tán của cây khác hoặc trong hang, nơi bị các công trình như nhà cửa... che bớt ánh sáng...
Hình thái	- Cây mọc nơi trống trải có cành phát đều ra các hướng. Cây thuộc tầng trên của tán rừng có thân cao, cành cây tập trung ở phần ngọn. - Thân cây có vỏ dày, màu nhạt. - Phiến lá dày và nhỏ. - Lá cây có màu xanh nhạt. - Lá thường xếp nghiêng, nhờ đó tránh bớt những tia sáng chiếu thẳng vào bề mặt lá.	- Thân cây thấp phụ thuộc vào chiều cao của tầng cây và các vật che chắn bên trên. - Thân cây có vỏ mỏng, màu thẫm. - Phiến lá mỏng và rộng - Lá cây có màu xanh sẫm. Hạt lục lạp có kích thước lớn. - Lá thường xếp nằm ngang
Đặc điểm khác	- Thân cây có mạch nhỏ và nhiều - Lá cây có nhiều lớp tế bào mô giậu, hạt lục lạp có kích thước nhỏ. - Quang hợp đạt mức độ cao nhất trong môi trường có cường độ chiếu sáng cao. - Cường độ hô hấp của lá ngoài sáng cao hơn lá trong bóng.	- Thân cây có mạch lớn và ít - Lá cây có ít hoặc không có lớp mô giậu - Quang hợp đạt mức độ cao nhất trong môi trường có cường độ chiếu sáng thấp.

GV cần đọc và tìm hiểu những thông tin bổ sung (không dạy cho HS) để hiểu tường minh tác động của ánh sáng tới sinh vật và con người.

"Thông tin bổ sung cho giáo viên"

Đại cương về tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sinh vật

Ánh sáng là từ phổ thông dùng để chỉ các bức xạ điện từ có bước sóng nằm trong vùng quang phổ nhìn thấy được bằng mắt thường (tức là từ khoảng 380 nm đến 740 nm). Giống như mọi bức xạ điện từ, ánh sáng có thể được mô tả như những đợt sóng hạt chuyển động gọi là photon. Ánh sáng do Mặt Trời tạo ra

còn được gọi là ánh nắng (hay còn gọi là ánh sáng trắng bao gồm nhiều ánh sáng đơn sắc biến thiên liên tục từ đỏ đến tím); ánh sáng Mặt Trăng mà con người thấy được gọi là ánh trắng thực tế là ánh sáng do mặt trời chiếu tới Mặt Trăng phản xạ đi tới mắt người; do đèn tạo ra còn được gọi là ánh đèn; do các loài vật phát ra gọi là ánh sáng sinh học.

"Ánh sáng lạnh" là ánh sáng có bước sóng tập trung gần vùng quang phổ tím. "Ánh sáng nóng" là ánh sáng có bước sóng nằm gần vùng đỏ. Ánh sáng có quang phổ trải đều từ đỏ đến tím là ánh sáng trắng; còn ánh sáng có bước sóng tập trung tại vùng quang phổ rất hẹp gọi là "ánh sáng đơn sắc".

Khi chiếu một chùm photon vào cơ thể sinh vật, bên trong cơ thể sinh vật đó sẽ xảy ra một loạt các hiệu ứng và các quá trình, được gọi là các quá trình quang sinh. Một quá trình quang sinh thường được xem xét theo 2 quan điểm:

+ **Quan điểm năng lượng:** Theo quan điểm này, các quá trình quang sinh được chia thành 4 giai đoạn chính kế tiếp nhau như sau:

- Giai đoạn 1: Chùm photon bị hấp thụ bởi các sắc tố hoặc các chất khác tạo nên trạng thái trạng thái kích thích, nghĩa là xảy ra sự tích lũy năng lượng trong sinh hệ.
- Giai đoạn 2: Khử trạng thái kích thích của cơ thể. Giai đoạn này hoặc giải phóng năng lượng kích thích bằng các quá trình quang lý (toả nhiệt hay phát quang). Hoặc bằng các quá trình quang hoá dẫn tới các sản phẩm quang hoá đầu tiên.
- Giai đoạn 3: Những phản ứng tối trung gian với sự tham gia của các sản phẩm quang hoá không bền nói trên để tạo nên các sản phẩm quang hoá bền vững (Gọi là các phản ứng tối vì khi đó không có sự tham gia trực tiếp của ánh sáng).
- Giai đoạn 4: Đó là giai đoạn xảy ra các hiệu ứng sinh vật, hay nói cách khác là các diễn biến sinh lý và cấu trúc của sinh hệ.

+ **Quan điểm hiệu ứng sinh vật:** Theo quan điểm này, các phản ứng quang sinh được chia thành hai nhóm lớn như sau:

1/ Nhóm các phản ứng sinh lý chức năng:

Là các phản ứng xảy ra với sự tham gia trực tiếp của ánh sáng mà kết quả là nó tạo ra các sản phẩm cần thiết cho tế bào hay có thể để thực hiện các chức năng sinh lý bình thường của chúng. Có thể chia thành 3 loại:

- Phản ứng tạo năng lượng (ví dụ: quang hợp).
- Phản ứng thông tin: các photon thông qua các sản phẩm quang hoá kích thích các cơ quan khuếch đại đặc biệt, kết quả là sinh hệ nhận được thông tin cần thiết

từ môi trường bên ngoài (Thị giác ở động vật, hướng quang và quang hình thái ở thực vật ...).

- Phản ứng sinh tổng hợp các phân tử hữu cơ (các chất diệp lục, vitamin...).

2/ Nhóm các phản ứng phá huỷ biến tính

Là chuỗi các phản ứng xảy ra dưới tác dụng của ánh sáng mà kết quả là: gây bệnh lý, gây đột biến di truyền và gây tử vong.

Một vài quá trình quang sinh tiêu biểu

+ Quang hợp

Loài người từ hàng vạn năm nay tồn tại được là nhờ ở các nhà máy kì diệu: Nhà máy cây xanh. Các nhà máy này vận hành bằng nguồn năng lượng khổng lồ và vĩnh cửu: ánh sáng mặt trời. Chính nguồn năng lượng từ ánh sáng mặt trời đã thúc đẩy các nhà máy cây xanh hấp thu H_2O và CO_2 để tổng hợp thành các chất hữu cơ và sản xuất ra cho một chất khí vô cùng cần thiết cho sự sống : O_2 . Chất hữu cơ sinh ra được tích trữ trong cây xanh chủ yếu là Cellulose và tinh bột. Quá trình ấy của cây xanh được gọi là quá trình quang hợp.

+ Sinh tổng hợp sắc tố và vitamin

- Một trong những phản ứng quang sinh lí chức năng có tầm quan trọng lớn trong sự tồn tại và phát triển của sự sống là các phản ứng quang tổng hợp các sắc tố và vitamin.

- Trong chuỗi tự nhiên của chuỗi các phản ứng sinh tổng hợp dẫn đến sự tạo thành trong tế bào các sắc tố và vitamin, có tồn tại các phản ứng quang hoá. Điều đó cho phép khẳng định vai trò không thể thiếu của các lượng tử ánh sáng trong việc tổng hợp các chất nói trên.

Ví dụ: sinh tổng hợp vitamin D. Dưới tác dụng của các lượng tử ánh sáng bất kỳ một tiền chất nào trong số ergosterol, Lumisterol, Taxisterol, Preergocalciferol đều dẫn đến sự tạo thành vitamin D. Bản chất của phản ứng quang hoá chính là sự phá vỡ liên kết đồng hoá trị C-C trong vòng benzol giữa các nguyên tử cacbon 9 và 10 ở ergosterol và lumisterol dưới tác dụng của ánh sáng tử ngoại.

+ Phản ứng thông tin (thông tin cảm thụ ánh sáng)

Ánh sáng mang các thông tin về môi trường ngoài đến cho sinh vật: hoa hướng dương hướng theo mặt trời, hàng loạt các loài hoa nở theo khoảng thời gian xác định trong ngày, hàng loạt vi khuẩn phản ứng khi chiếu sáng.... Mặt hầu như là cơ quan hoàn chỉnh nhất để tiếp nhận ánh sáng (cường độ, bước

sống...) tạo ra các xung động thần kinh dẫn lên não giúp ta nhận thức được môi trường xung quanh. Phản ứng quang hoá phân huỷ sắc tố thị giác phát sinh các xung động thần kinh truyền lên dây thần kinh thị giác để có cảm giác sáng là phản ứng thông tin.

+ Tác dụng quang động lực

Định nghĩa: Tác dụng quang động lực là sự tổn thương không phục hồi một số chức năng sinh lý và cấu trúc của sinh hệ dưới tác dụng của ánh sáng với sự tham gia của oxy và chất hoạt hoá.

Tác dụng của quang động lực lên protit và axit nuclêic: Những công trình thí nghiệm chứng tỏ: quang động lực làm giảm tính kích hoạt của các men và ức chế tính kháng nguyên của chúng. Thí dụ: khi có chất metylen kích hoạt ánh sáng sẽ làm cho hoạt tính của trypsin giảm đi.

Tác dụng quang động lực làm giảm khả năng hoà tan và làm tăng độ nhớt của Protêin và các sắc tố Globulin trong máu. Thí dụ: Khi chiếu ánh sáng vào dung dịch Actomiozine với chất hoạt hoá là eritroxine thì Actomiozine sẽ chuyển sang trạng thái gel, sau đó nếu khuấy lên thì chất này lại trở về trạng thái lỏng. Người ta thấy hiện tượng tương tự đối với các phân tử ATP khi bị chiếu sáng với sự tham gia của eritroxine.

Tác dụng quang động lực làm giảm đáng kể độ nhớt và khả năng lắng của các axit nucleic. (Sở dĩ như vậy là do các phản ứng quang hoá đã làm gãy cấu trúc của các Guanin (phản ứng khử polime) và làm thay đổi nhiệt độ phân huỷ của các phân tử ADN.

Những thương tổn có tính chất cấu trúc của các axit nucleic dưới tác dụng quang động lực dẫn đến sự phá huỷ hoạt tính sinh học của chúng.

Tác dụng quang động lực lên cơ thể sinh vật:

Quan sát tác dụng quang động lực lên các tế bào và các mô nuôi cấy, người ta thấy: tác dụng quang động lực làm rối loạn quá trình sống - trước hết là quá trình quang hợp. Một số súc vật như trâu, bò, ngựa ... ăn phải thực vật có chứa chất hoạt hoá sẽ bị xạm, loét da và rụng lông.

Nhiều chất hoạt hoá phản ứng quang động lực có khả năng gây ung thư. Chiếu bức xạ nhìn thấy có cường độ mạnh vào chuột sau khi tiêm chất hoạt hoá là Porphyrin hay Eozin ta thấy sau một thời gian chuột bị ung thư.

Đối với người già chất Foocpirin (xuất hiện trong quá trình hình thành huyết cầu) không bị phân huỷ, lượng này được tích lũy dưới da, do đó tỉ lệ ung thư da ở người già thường cao hơn ở các lứa tuổi khác.

Tác dụng quang động lực lên dược chất:

Trong điều trị người ta thường dùng nhiều loại thuốc, trong đó có chứa thành phần các chất hoạt hoá.

Các loại sunphonamite là một ví dụ điển hình, một trong những tác dụng phụ của loại thuốc này là làm tăng lượng porpirin trong máu. Khi chiếu ánh sáng vào da thì có thể gây ra các rối loạn thần kinh.

Tác dụng quang động lực cũng còn thấy ở một số các loại Bucbiturat, là các dược chất thường dùng điều chế thuốc ngủ (Several, Luminal,...). Khi sử dụng thuốc này người bệnh phải kiêng ra nắng, vì dưới tác dụng của ánh sáng mặt trời các chất porpirin sẽ gây nên các rối loạn về men, các triệu chứng như bị nhiễm độc chì, các rối loạn da, thần kinh ...

+ *Tác dụng của tia tử ngoại lên các hệ thống sống*

- Tia tử ngoại có rất nhiều trong thành phần ánh sáng mặt trời, nó có ảnh hưởng lên hầu như tất cả các quá trình trao đổi chất và sinh lý chức năng của mỗi sinh vật đặc biệt là quá trình quang hợp, tạo sắc tố cho thực vật ...

- Tia tử ngoại liều lượng lớn có tác dụng tiêu diệt khuẩn cao là do tia không chế khả năng sinh sản của vi khuẩn. Tác dụng này chủ yếu do tia là tổn thương ADN của virút và vi khuẩn.

- Một điểm cần nhấn mạnh là: Tia tử ngoại giúp nâng cao tính miễn dịch của cơ thể. Giá trị đặc biệt của chúng còn thể hiện ở khả năng tạo Vitamin D, trong những chất hữu cơ rất quan trọng đối với cơ thể, vì vậy tia tử ngoại được sử dụng trong y học để điều trị bệnh còi xương, làm cho vết thương chóng lên sẹo, làm xương gãy chóng liền.

Cụ thể: Tia tử ngoại với bước sóng:

+100 – 275nm: làm thay đổi cấu trúc protid, lipit, có tác dụng diệt trùng.

+ 275 – 320nm: có tác dụng chống còi xương, tạo sắc tố, thúc đẩy sự tạo thành biểu mô, làm tốt hơn các quá trình tái sinh.

+ 320 – 400 nm: tác dụng sinh vật yếu, gây phát quang ở một số chất hữu cơ.

2. *Cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập*

Xem ở phần sau.

3. *Đánh giá sản phẩm học tập của học sinh*

- Kỹ năng xây dựng, lắp đặt thí nghiệm (lựa chọn dụng cụ và bố trí thí nghiệm).
Ví dụ: Hãy thiết kế một phương án thí nghiệm kiểm tra đường đi của một chú kiến có phụ thuộc vào ánh sáng hay không?
- + Câu hỏi cần nghiên cứu: kiến di chuyển có phụ thuộc vào ánh sáng hay không?
- + Đề xuất giả thiết: Nếu thay đổi hướng chiếu sáng thì có làm thay đổi hướng di chuyển của chú kiến.
- + Tiến hành thí nghiệm kiểm chứng: bố trí gương soi vào hướng nguồn sáng (ánh sáng phản chiếu qua gương sẽ ngược lại hướng nguồn sáng ban đầu, nếu kiến bò ngược lại thì kết luận được: đường đi của một chú kiến có phụ thuộc vào ánh sáng).
- Kỹ năng tiến hành thí nghiệm, vạch ra các bước thực hiện: sử dụng các dụng cụ thí nghiệm...
- Kỹ năng thu thập, xử lý và khẳng định thông tin
- Kỹ năng thảo luận nhóm, toàn lớp (Xem ở phần sau)
- Kỹ năng ghi chép (vở ghi)
- Kỹ năng trình bày báo cáo ...

4. Xây dựng rubric đánh giá

Xây dựng phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí (Rubric)

Rubric chính là bảng thang điểm chi tiết mô tả đầy đủ các tiêu chí mà người học cần phải đạt được. Nó là một công cụ đánh giá chính xác mức độ đạt chuẩn của HS và cung cấp thông tin phản hồi để HS tiến bộ không ngừng. Một tiêu chí tốt cần có những đặc trưng: Được phát biểu rõ ràng; Ngắn gọn; Quan sát được; Mô tả hành vi; Được viết sao cho HS hiểu được. Hơn nữa phải chắc chắn rằng mỗi tiêu chí là riêng biệt, đặc trưng cho dấu hiệu của bài kiểm tra.

Nội dung Rubric là một tập hợp các tiêu chí liên hệ với mục tiêu học tập và được sử dụng để đánh giá hoặc thông báo về sản phẩm, năng lực thực hiện hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

Rubric bao gồm một hoặc nhiều khía cạnh như năng lực thực hiện được đánh giá, các khái niệm và/ hoặc ví dụ làm sáng tỏ yếu tố đang được đánh giá. Các khía cạnh được gọi là tiêu chí, thang đánh giá gọi là mức độ và định nghĩa được gọi là thông tin mô tả. Nên giới hạn số tiêu chí và. Nếu cần phân biệt HS Đạt hoặc Không đạt thì sử dụng các mức độ theo số chẵn (thường 4 hoặc 6). Nếu muốn có mức năng lực trung bình thì sử dụng các mức độ theo số lẻ. GV cần cùng HS đặt tên cho các mức độ.

- Ví dụ: Bà Jennifer Docktor đã xây dựng Rubric cho bài tập vật lí gồm 5 tiêu chí
- + Diễn đạt đầy đủ
 - + Con đường tiếp cận vật lí (hay phương pháp giải bài tập vật lí)
 - + Vận dụng cụ thể của vật lí
 - + Quá trình tính toán
 - + Tiến trình chung logic (hay tiến trình giải bài)

Bảng Rubric cho bài tập vật lí của Jennifer Docktor

Mức độ / Tiêu chí	5	4	3	2	1	0
1. Diễn tả hữu ích	Mô tả hữu ích, phù hợp và đầy đủ	Mô tả hữu ích, nhưng chứa đựng lỗi nhỏ	Một số phần mô tả là không hữu ích, chứa đựng nhiều lỗi	Hầu hết mô tả không hữu ích, chứa đựng nhiều lỗi	Toàn bộ mô tả không hữu ích hoặc chứa đựng nhiều lỗi	Lời giải không bao gồm một mô tả rất cần thiết cho bài toán
2. Con đường tiếp cận vật lí	Phương pháp giải là hợp lí và đầy đủ	Phương pháp giải hợp lí nhưng chứa vài lỗi nhỏ	Một vài khái niệm và nguyên tắc của Phương pháp giải là thiếu sót, không phù hợp	Hầu hết Phương pháp giải là thiếu, không phù hợp	Tất cả các khái niệm và nguyên tắc được chọn là không phù hợp	Lời giải không chỉ cách làm và nó không thực sự cần thiết cho bài toán hoặc cho HS
3. Vận dụng cụ thể của vật lí	Áp dụng cụ thể của vật lí là phù hợp và đầy đủ	Áp dụng cụ thể của vật lí chứa những lỗi nhỏ	Một số phần áp dụng cụ thể của vật lí thiếu sót, chứa vài lỗi	Hầu hết những áp dụng cụ thể của vật lí là thiếu và chứa lỗi	Toàn bộ áp dụng cụ thể của vật lí là không phù hợp và chứa lỗi	Lời giải không chỉ ra áp dụng cụ thể của vật lí

		Quá trình	Quá trình	Một số	Hầu hết	Toàn	Không có
4. Quá	Quá trình	tính toán	tính toán	phần tính	các phần tính	bộ phận	bằng
trình	là phù	là phù hợp	nhưng	toán thiếu	toán thiếu sót	tính toán	chứng quá
tính	hợp và	chứa vài	xót và chứa	vài lỗi	và chứa lỗi	thiếu sót	trình tính
toán	đầy đủ	lỗi nhỏ				và chứa lỗi	toán và
							chúng là
							cần thiết
			Một số			Toàn	Không có
	Toàn bộ	Bài giải rõ	phần bài	Hầu hết phần	bộ phận bài	Không có	bằng
5. Tiến	bài giải rõ	ràng, đúng	giải không	bài giải không	giải không	chứng quá	
trình	ràng,	trọng tâm	rõ ràng,	rõ ràng, không	rõ ràng,	trình tính	
chung	đúng	nhưng có	không	đúng trọng	không	toán hợp lí	
logic	trọng tâm,	lỗi nhỏ và	đúng trọng	tâm, lan man	đúng trọng	và chúng	
	kết cấu	những	tâm, lan	và mâu thuẫn	tâm, lan	là cần	
	hợp lí	mâu thuẫn	man và		man và	thiết	
			mâu thuẫn		mâu thuẫn		

* Nguyên tắc thiết kế Rubric:

- Các mô tả tiêu chí cần phải được diễn đạt theo phổ đi từ mức cao nhất đến mức thấp nhất hoặc ngược lại.
- Các mô tả tiêu chí cần phải chỉ ra được ranh giới giữa các mức độ hoàn thành đối với từng HS và giữa các HS với nhau.
- Các mô tả tiêu chí cần phải thể hiện được hết các đặc tính khía cạnh của hoạt động hoặc kết quả sản phẩm thực hiện theo mục tiêu.
- Các mô tả tiêu chí cần phải chỉ ra được những định hướng mà HS hoặc GV cần hướng tới để thực hiện mục tiêu, giúp họ tự đánh giá và cùng đánh giá.

• Quy trình thiết kế Rubric

- Bước 1: Xác định chuẩn kiến thức kỹ năng của kiến thức ở nội dung bài học.
- Bước 2: Xác định mục tiêu dạy học theo cấp độ nhận thức, nhiệm vụ công việc.
- Bước 3: Xác định các tiêu chí cùng HS:
 - + Liệt kê các tiêu chí và thảo luận để lựa chọn, phân loại tiêu chí, từ đó xác định các tiêu chí cần thiết.
 - + Bổ sung thông tin cho từng tiêu chí.

- + Phân chia các mức độ của mỗi tiêu chí. Các mức độ phân bậc này cần mô tả chính xác mức độ chất lượng tương ứng.
- + Gắn điểm cho mỗi mức độ, điểm cao nhất ứng với mức cao nhất
- + Lập bảng Rubric
- Bước 4. Áp dụng thử. HS thử nghiệm Rubric đối với các bài làm mẫu do GV cung cấp. Phần thực hành này có thể gây sự tự tin ở HS bằng cách chỉ cho HS cách GV sử dụng Rubric để đánh giá bài làm của các em thế nào. Đồng thời nó cũng thúc đẩy sự thống nhất giữa HS và GV về độ tin cậy của Rubric;
- Bước 5: Điều chỉnh Rubric cho phù hợp dựa trên thông tin phản hồi từ việc áp dụng thử.
- Bước 6: Sử dụng Rubric cho hoạt động đánh giá và tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng đối với HS và GV.

• **Tiêu chuẩn đánh giá một Rubric tốt**

Phạm trù đánh giá	Các tiêu chí đánh giá phản ánh đầy đủ nội dung, mục tiêu học tập không?
Mức độ	Hướng dẫn có các mức độ khác nhau được đặt tên và giá trị điểm số phù hợp không?
Tiêu chí	Các thông tin có mô tả rõ ràng, thể hiện theo một chuỗi liên kết và đảm bảo cho sự phát triển của HS không?
Thân thiện với HS	Ngôn ngữ có rõ ràng, dễ hiểu đối với HS không?
Thân thiện với GV	Có dễ sử dụng với GV không?
Tính phù hợp	Có thể đánh giá sản phẩm công việc được không? Nó có thể được dụng để đánh giá nhu cầu không? HS có thể xác định dễ dàng những lĩnh vực phát triển cần thiết không?

• **Một số lưu ý khi xây dựng Rubric:**

- GV nên xác định tiêu chí cùng với HS.
- Việc lựa chọn tiêu chí nào đưa vào Rubric phụ thuộc vào mong đợi của HS và mục tiêu của đánh giá.
- Rubric cần thể hiện rõ chức năng, không những đánh giá kiến thức kỹ năng mà còn đánh giá năng lực thực hiện và các năng lực khác nhau của HS.

5. Tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng

GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ và mục tiêu học tập của chính mình trước, trong hoặc sau các giờ học. Cũng có thể các HS đánh giá lẫn nhau trong học tập.

Quy trình tự đánh giá của người học gồm các bước:

- Xác định mục tiêu, nội dung tự đánh giá.
- Lựa chọn công cụ tự đánh giá: bảng hỏi, bài tập tự đánh giá mục tiêu.
- Tổ chức cho người học tự đánh giá.

1. Bảng hỏi

Bảng hỏi là tập hợp các câu hỏi, chỉ báo đã được vạch ra nhằm khai thác, thu thập thông tin về thái độ của người học trên cơ sở các giả thiết và mục đích của người dạy.

Bảng hỏi được sử dụng trước hoặc sau khi học xong kiến thức, kỹ năng của bài học. Người học có thể hoàn thành bảng hỏi ở nhà hoặc ở trên lớp. Người dạy xử lý kết quả bảng hỏi, phân loại, xác định mức độ đạt được về thái độ của mỗi người học. Phân tích nguyên nhân dẫn đến thái độ lệch lạc của người học.

Thiết kế bảng hỏi

- Xác định các mục tiêu thiết kế bảng hỏi
- Thiết kế các câu hỏi cần thiết cho bảng hỏi
- Sắp xếp các câu hỏi theo một trật tự logic

Ví dụ: Sử dụng bảng hỏi để đánh giá thái độ của người học sau khi học bài *Quang hợp*

Hãy đánh dấu vào các ô trống phương án mà bạn lựa chọn

TT	Vấn đề	Các phương án lựa chọn		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1.	Quang hợp có vai trò quan trọng đối với thực vật và các sinh vật khác			
2.	Học xong bài này tôi rèn luyện được kỹ năng quan sát, hoạt động nhóm			
3.	Tôi rất hứng thú khi học nội dung bài này			

4.	...			
----	-----	--	--	--

Bảng 1. Bảng hỏi kiểm tra biểu hiện thái độ qua học bài mới

Hãy đánh dấu "X" vào các ô trống phương án mà bạn lựa chọn:

TT	Vấn đề	Các phương án lựa chọn		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Tôi vận dụng thành thạo nội dung kiến thức bài học vào giải thích các hiện tượng thực tế liên quan.			
2	Tôi hăng hái tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài.			
3	Tôi tham gia thảo luận nhóm một cách tích cực và luôn đóng góp ý kiến sáng tạo cho nhóm.			
4	Tôi rất hứng thú khi học nội dung bài này			
5	Tôi luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập được phân công.			
6	Tôi có quan hệ tốt với GV và các bạn khác trong lớp khi học nội dung bài này.			

Bảng 2. Bảng hỏi kiểm tra thái độ trong học tập hợp tác nhóm

Hãy đánh dấu "X" vào các ô trống phương án mà bạn lựa chọn:

TT	Vấn đề	Các phương án lựa chọn		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Tôi tham gia tích cực phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.			
2	Tôi luôn sẵn sàng nhận các nhiệm vụ được nhóm phân công.			
3	Tôi chuyên tâm thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.			

4	Tôi lắng nghe ý kiến của các thành viên khác.			
5	Tôi đưa ra những ý kiến mang xây dựng có ích cho nhóm.			
6	Tôi chấp nhận quyết định của nhóm.			

Bảng 3. Bảng các tiêu chí đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong quá trình làm bài kiểm tra về kiến thức và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống

Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Nội dung kiến thức	Kiến thức vững vàng, vận dụng có yếu tố sáng tạo.	Hiểu rõ được kiến thức đã học nhưng vận dụng tri thức còn lúng túng.	Kiến thức còn nhiều sai sót, chưa nắm chắc nội dung bài học, chưa biết vận dụng kiểm tra.
Trình bày, ngôn ngữ sử dụng	Trình bày bài làm sạch đẹp; sử dụng ngôn ngữ khoa học.	Phần lớn bài làm tẩy xóa nhiều. Sử dụng ngôn ngữ không khoa học.	Chưa thể hiện được nội dung cần trả lời.
Độ trung thực khi làm bài	Nghiêm túc, đúng thời gian.	Trao đổi bài, đúng thời gian.	Trao đổi bài và làm quá thời gian quy định.

Bảng 4. Bảng các tiêu chí đánh giá về thái độ qua bài học trên lớp

Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Hiểu biết về nội dung bài học	Biết vận dụng nội dung kiến thức bài học vào giải thích các hiện tượng thực tế.	Biết vận dụng nội dung kiến thức bài học vào giải thích các hiện tượng thực tế nhưng còn sai ở một vài vấn đề.	Vận dụng nội dung kiến thức bài học vào giải thích các hiện tượng thực tế chưa đúng.
Phát biểu xây dựng bài	Tích cực.	Bình thường.	Chưa tích cực.

Tham gia hoạt động nhóm	Tích cực, hiệu quả.	Tích cực, không hiệu quả.	Chưa tích cực.
Sự hứng thú nghe giảng về nội dung bài học	Rất chăm chú.	Bình thường.	Chưa chăm chú.
Khả năng hoàn thành nhiệm vụ	Hoàn thành đúng thời gian.	Hoàn thành nhưng trễ giờ.	Chưa hoàn thành.
Quan hệ với GV và các bạn cùng lớp	Hợp tác tốt với GV và các bạn trong lớp để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	Hợp tác với GV và các bạn khác nhưng không muốn nghe những ý kiến đóng góp.	Chưa thể hiện mong muốn hợp tác với GV và các bạn trong lớp.

Bảng 5. Bảng các tiêu chí đánh giá kỹ năng thực hành thí nghiệm

	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Hình thành giả thuyết	Giả thuyết đúng	Giả thuyết liên quan với thực nghiệm nhưng chưa hoàn toàn chính xác.	Không đề xuất giả thuyết hoặc có giả thuyết nhưng không liên quan với thực nghiệm
Thiết kế thí nghiệm	Thiết kế thí nghiệm chính xác	Thay đổi không chỉ có yếu tố cần thay đổi mà còn thay đổi yếu tố khác	Thay đổi tất cả các yếu tố hoặc không có yếu tố nào thay đổi
Phân tích dữ liệu	Phân tích dữ liệu chính xác	Phân tích dữ liệu liên quan giả thuyết nhưng chưa chính xác	Phân tích dữ liệu không liên quan đến giả thuyết

2. Biên bản làm việc nhóm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC NHÓM				
Nhóm:				
TT	Họ và tên	Nhiệm vụ cụ thể	Địa chỉ website cần quan tâm	Thời gian hoàn thành
1.		Trưởng nhóm: ...		
2.		Nghiên cứu ủng hộ		
3.		Nghiên cứu không ủng hộ		

Bảng ghi nhận ý kiến thảo luận nhóm

Mỗi học sinh sử dụng bảng này để ghi chép thông tin khi thảo luận nhóm

Họ và tên:

Nội dung 1	Nội dung 2	Câu hỏi liên quan

Kết luận của nhóm:.....

Những nhận xét về tiến trình thảo luận và đưa ra kết luận của nhóm (nội dung nào, tiêu chí nào đã ảnh hưởng đến quyết định của từng cá nhân và cả nhóm):

Ví dụ về phiếu đánh giá bản báo cáo tham luận

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm chấm	
		Nhóm khác chấm	GV chấm

Nội dung	Nêu đầy đủ, chính xác khái niệm động vật quý hiếm, động vật hoang dã	1		
	Nêu đầy đủ các cấp độ tuyệt chủng của động vật quý hiếm	0.5		
	Nêu được tối thiểu 03 ví dụ về loài động vật quý hiếm ở Việt Nam (khác với các loài đã được nêu trong SGK)	1		
	Nêu rõ những lí do ủng hộ hay không ủng hộ việc nuôi động vật quý hiếm (kèm theo các ví dụ thực tế để làm dẫn chứng)	2		
	Lập luận dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn để bảo vệ quan điểm của nhóm về việc ủng hộ hay không ủng hộ nuôi động vật quý hiếm	2		
	Có phần tóm tắt báo cáo được viết rõ ràng, dễ hiểu và không quá 150 chữ	1		
Hình thức	Tiêu đề của báo cáo tham luận phù hợp, sáng tạo	0.5		
	Nội dung báo cáo được diễn đạt logic, rõ ràng	1		
	Người trình bày báo cáo sinh động, hấp dẫn	1		
Tổng điểm		10		

3. Phân công nhiệm vụ trong nhóm:

Tên thành viên	Nhiệm vụ	Phương tiện	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm dự kiến

4. Biên bản thảo luận

Ngày	Nội dung thảo luận	Kết quả

5. Phiếu đánh giá học theo dự án (dùng cho đánh giá đồng đẳng)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỌC THEO DỰ ÁN

(Dùng cho đánh giá đồng đẳng – Đánh giá giữa các nhóm)

Tên người/ nhóm đánh giá					Tổng điểm:...../100								
Tên dự án:.....													
STT	Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	Ghi chú	
	Tiêu chí												
1	Tên chủ đề												
2	Dữ liệu và nội dung												
3	Giải thích												
4	Trình bày												
5	Tổ chức báo cáo												
6	Hiểu nội dung												
7	Tính sáng tạo của nhóm												
8	Tư duy tích cực												
9	Làm việc nhóm												
10	Ấn tượng chung												

Tổng điểm:

6. Phiếu đánh giá thành viên trong nhóm

Họ và tên người được đánh giá:

Họ và tên người đánh giá:

Nhóm:

STT	Tiêu chí (Điểm)	Rất tốt (3 điểm)	Tốt (2 Điểm)	Trung bình(1 Điểm)	Ít hoặc Không (0 Điểm)
1	Nhiệt tình trách nhiệm				
2	Tinh thần hợp tác, tôn trọng, lắng nghe				
3	Tham gia tổ chức quản lí nhóm				
4	Chú tâm thực hiện nhiệm vụ				
5	Đưa ra ý kiến có giá trị				
6	Đóng góp trong việc hình thành sản phẩm				
7	Hiệu quả công việc				
8	Hoàn thành đúng thời gian.				

(Điểm đánh giá từ 0-24)

Tổng điểm:

6. Nhìn lại quá trình thực hiện dự án

1. Tôi đã học được kiến thức gì?
2. Tôi đã phát triển được những kĩ năng gì?
3. Tôi đã xây dựng được những thái độ nào tích cực?
4. Tôi có hài lòng với kết quả nghiên cứu của dự án không? Vì sao?

5. Tôi đã gặp phải những khó khăn gì khi thực hiện dự án?
6. Tôi đã giải quyết những khó khăn đó như thế nào?
7. Quan hệ của tôi với các thành viên trong nhóm thế nào?
8. Những vấn đề quan trọng khác trong dự án gồm...
9. Nhìn chung tôi thích/không thích dự án vì...

Tên dự án: _____

Tên học sinh: _____

Tên trường: _____

Tên GV: _____

Nhóm: _____

Thời gian: _____

Từ ngày: _____

đến ngày: _____

Danh sách nhóm: _____, _____

1. Kế hoạch dự án

Tên dự án						
Lĩnh vực môn học (Đánh dấu vào ô tương ứng)	☐	Văn hoá	☐	Sức khoẻ và cảm giác thoải mái		
	☐	Giáo dục	☐	Khoa học và thiên nhiên		
	☐	Môi trường & Thời tiết	☐	KHXXH (Trợ cấp, đói nghèo, ...)		
	☐	Thực phẩm & Nông nghiệp	☐	Lĩnh vực khác		
Lý do chọn đề tài dự án						
Mục tiêu học tập... (Vấn đề nghiên cứu)						
Hình thức trình bày kết quả dự án (Đánh dấu vào ô tương ứng)	☐	PowerPoint	☐	Áp phích / Tranh vẽ	☐	Thảo luận
	☐	Kịch	☐	Mô hình	☐	Phỏng vấn
	☐	Kể chuyện	☐	Video / Hoạt hình	☐	Hình thức khác
	☐	Khiêu vũ	☐	Bài hát/ thơ	☐	

**BẢNG HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
BÀI TRÌNH BÀY THÍ NGHIỆM/THỰC HÀNH**

Nội dung	Mức 4 Làm được đầy đủ, chính xác, thành thạo (9-10 điểm)	Mức 3 Làm được đầy đủ, chính xác nhưng chưa thành thạo (7-8 điểm)	Mức 2 Làm được đầy đủ, nhưng chưa chính xác, thành thạo (5-6 điểm)	Mức 1 Không làm được (dưới 5 điểm)
1. Mục đích	Nêu chính xác, đầy đủ mục đích thí nghiệm	Nêu chính xác, chưa đầy đủ mục đích thí nghiệm	Nêu chưa chính xác, đầy đủ mục đích thí nghiệm	Không nêu được mục đích thí nghiệm
2. Phương án thí nghiệm	Tối ưu	Khả thi	Không khả thi	Sai
3. Thực hiện phương án thí nghiệm				
3.1. Lựa chọn dụng cụ thí nghiệm	Lựa chọn đầy đủ và nhanh chóng	Lựa chọn đầy đủ	Lựa chọn không đầy đủ	Không lựa chọn được
3.2. Lắp đặt các dụng cụ thí nghiệm	Lắp đặt hợp lí, nhanh chóng	Lắp đặt hợp lí	Lắp đặt không hợp lí	Không lắp đặt được
3.3. Tiến hành thí nghiệm, thu thập số liệu	Làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu và nhanh chóng đo được các số	Làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu và đo được các số liệu	Làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu nhưng không đo được các số liệu	Không làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu

	liệu			
4. Xử lý số liệu và kết luận	Từ số liệu đã thập được, tính toán thành thạo, nhận xét và rút ra được kết luận	Từ số liệu đã thập được, tính toán, nhận xét và rút ra được kết luận	Từ số liệu đã thập được, tính toán, nhận xét được nhưng không rút ra kết luận	Từ số liệu đã thập được, không tính toán, nhận xét để rút ra kết luận

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI TRÌNH CHIẾU POWERPOINT/ẤN PHẨM

Nhóm thực hiện:Ngày:

Nhóm đánh giá:

Nội dung	Tiêu chí	Điểm	Đánh giá của bạn	Đánh giá của giáo viên
1. Bố cục	- Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem	0,75		
	- Cấu trúc mạch lạc, logic.	0,75		
	- Nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung	0,5		
2. Nội dung	- Sử dụng thông tin chính xác.	1		
	- Thể hiện được kiến thức cơ bản, có chọn lọc. xác định được trọng tâm.	1		
	- Có sự liên hệ mở rộng kiến thức	1		
3. Hình thức	- Thiết kế sáng tạo, màu sắc nhã nhặn, sáng sủa....	0,5		
	- Phong chữ, màu chữ và cỡ chữ hợp lý. Số lượng slide đúng quy định	0,5		
	- Nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung	0,5		
	- Hiệu ứng trình chiếu sinh động, hấp dẫn	0,5		
4.	- Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có điểm nhấn, thu hút người nghe.	1		

<i>Trình bày của học sinh</i>	- Trả lời được hết các câu hỏi thêm từ phía giáo viên hoặc bạn học.	0,5		
	- Duy trì được giao tiếp bằng mắt, xử lý tình huống linh hoạt.	0,5		
	- Không bị lệ thuộc vào phương tiện, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa diễn giảng và trình chiếu.	0,5		
	- Phân bố thời gian hợp lý.	0,5		
Tổng điểm		10		

**BẢNG HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
BÀI TRÌNH BÀY TRÊN MS POWERPOINT/ẤN PHẨM**

Mức đạt Tiêu chí	Giỏi (9-10 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Không đạt (Dưới 5 điểm)
Bài trình chiếu trên MS PowerPoint				
1. Bố cục (2 điểm)	- Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem. - Cấu trúc mạch lạc, logic. - Nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung.	- Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem. - Cấu trúc khá rõ, nhưng một số tiêu đề chưa logic. - Còn có điểm chưa nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung.	- Tiêu đề rõ ràng. - Cấu trúc chưa được logic. - Tiêu đề chưa nhất quán.	- Tiêu đề không rõ - Bố cục thiếu logic, các tiêu đề lộn xộn.
2. Nội dung. (3 điểm)	- Các vấn đề được trình bày một cách đầy đủ, có trọng tâm.	- Các vấn đề được trình bày một cách đầy đủ. Còn một số vấn đề chưa rõ	- Các vấn đề trình bày dàn trải, chưa có trọng tâm.	- Nội dung nghèo nàn, thiếu nhiều nội dung quan trọng.

	- Các thông tin về con số, hình ảnh minh họa đầy đủ, phù hợp làm nổi bật nội dung.	lắm. - Các thông tin về con số, hình ảnh minh họa khá đầy đủ, phù hợp.	- Các thông tin về con số, hình ảnh minh họa chưa phù hợp..	- Các thông tin về con số, hình ảnh minh họa ít, chưa phù hợp.
3. Hình thức. (2 điểm)	- Sáng tạo, có tính thẩm mỹ cao trong cách trình bày. - Phong chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lý. - Số lượng slide (PowerPoint)/trang (Word) đúng quy định. - Hiệu ứng trình chiếu trên Powerpoint sinh động, hấp dẫn, hợp lý.	- Đảm bảo tính tính thẩm mỹ trong thiết kế. - Phong chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lý. - Số lượng slide (PowerPoint)/trang (Word) đúng quy định. - Hiệu ứng trình chiếu trên Powerpoint hợp lý.	- Màu sắc, phong chữ, màu chữ, cỡ chữ còn đôi chỗ chưa hợp lý. - Số lượng slide (PowerPoint)/trang (Word) ít hơn so với quy định. - Hiệu ứng trình chiếu trên Powerpoint không hiệu quả	- Màu sắc, phong chữ gây khó khăn khi đọc. - Số lượng slide quá ít. - Chưa sử dụng được các tính năng cơ bản của Powerpoint
Phần trình bày sản phẩm				
5. Cách trình bày. (3 điểm)	- Tự tin, bình tĩnh, thoải mái, ngôn ngữ lưu loát, linh hoạt, có điểm nhấn, cuốn hút người nghe. - Thể hiện giao tiếp bằng ánh mắt, cử chỉ, nét	- Khá tự tin khi trình bày, thu hút người nghe, nói to, rõ ràng, song đôi chỗ chưa rõ. - Thể hiện giao tiếp bằng ánh	- Trình bày được các thông tin to, rõ ràng nhưng chưa có điểm nhấn. - Chỉ tập trung sự chú ý vào bài trình bày, chưa	- Trình bày còn ngập ngừng, nói nhỏ. - Chỉ nhìn vào màn hình để

	mặt với người nghe một cách thân thiện. - Không bị lệ thuộc vào phương tiện, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa đi, đứng, nói và trình chiếu. - Phân bố thời gian hợp lý cho trình chiếu các nội dung.	mắt, cử chỉ, nét mặt với người nghe đôi khi chưa thân thiện. - Không bị lệ thuộc vào phương tiện, có sự phối hợp khá tốt giữa đi, đứng, nói và trình chiếu. - Phân bố thời gian khá hợp lý cho trình chiếu các nội dung.	bao quát người nghe. - Còn lúng túng trong sử dụng kỹ thuật trình chiếu. - Phân bố thời gian chưa hợp lý cho trình chiếu các nội dung.	trình bày. - Thao tác trình chiếu chậm, lúng túng. - Thời gian quá dài hoặc quá ngắn.
Tổng điểm (10 điểm)				

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRONG NHÓM:.....

Nội dung công việc: (Mô tả nội dung công việc của nhóm, sản phẩm của nhóm)

Phương pháp và điều kiện làm việc của nhóm và từng thành viên.

Phân công nhiệm vụ: Từng thành viên

Tên thành viên	Nhiệm vụ	Phương tiện	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm dự kiến

BIÊN BẢN LÀM VIỆC NHÓM (LẬP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU)

1. Thời gian, địa điểm, thành phần

- Địa điểm:
- Thời gian:
- Số thành viên:

- Số thành viên có mặt:
- Số thành viên vắng mặt:

2. Nội dung công việc: (Ghi rõ nội dung thảo luận hoặc thực hành)

.....

.....

.....

.....

.....

3. Bảng phân công cụ thể

STT	Họ và tên thành viên	Công việc được giao	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú

4. Kết quả làm việc (yêu cầu, sản phẩm)

.....

.....

.....

.....

.....

5. Thái độ tinh thần làm việc (từng thành viên và hợp tác nhóm)

.....

.....

.....

.....

.....

5. Đánh giá chung

(nhiệm vụ được giao, quá trình thực hiện, sản phẩm và thái độ học tập)

.....

.....

.....

.....
.....
7. Ý kiến đề xuất (tổ chức, điều kiện làm việc)
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm ...
Thư kí **Nhóm trưởng**

Phụ lục

MỘT SỐ LƯU Ý KHI TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC ĐÔI MỐI THCS

1. Chia nhóm học tập

Nhóm học tập rất cần thiết trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học. Khi học theo nhóm các em được chia sẻ ý kiến cho nhau, được hỗ trợ giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ nhằm phát triển năng lực và phẩm chất, hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập.

Việc chia nhóm phải đảm bảo cho các em học sinh được học tập thuận lợi, chỗ ngồi của nhóm phải dễ trao đổi thảo luận với nhau để cùng nhau học tập xây dựng bài học dưới sự điều khiển của giáo viên. Các em phải được thuận lợi trong việc ghi vở và đọc các tư liệu bài học cũng như thuận lợi khi thực hành thí nghiệm. Nhóm học tập có thể 2 em ngồi cạnh nhau (cặp đôi), 3 em (ngồi bên nhau), tốt nhất là 4 em, bàn ghế kê sao cho đảm bảo các em dễ hợp tác với nhau. Ở từng môn học, từng bài học các em có thể tự ghép thành các nhóm một cách tự nhiên, không nhất thiết phải cố định nhóm học tập. Nhóm trưởng trong nhóm được giáo viên chỉ định để tất cả các em trong quá trình học đều được làm nhóm trưởng, tuyệt đối không được chia nhóm một cách hình thức tạo nên sự gò bó khiến cưỡng trong quá trình học tập.

Khi chia nhóm, giáo viên cần tránh:

- Số lượng nhóm quá lớn làm cản trở sự trao đổi và điều khiển của nhóm trưởng cũng như các thành viên trong nhóm, dẫn đến một số em bị bỏ rơi khi thảo luận hoặc không có cơ hội trình bày ý kiến của mình khi thảo luận.
- Hình thức hóa nhóm tức là lựa chọn học nhóm không phù hợp với phương pháp, kỹ thuật mà giáo viên đưa ra, chẳng hạn như thuyết trình, trình chiếu, vấn đáp, không có thảo luận trong nhóm học sinh.

Giáo viên nên:

- Chia nhóm một cách tối ưu (nếu được 4 em một nhóm là tốt nhất) sao cho các em có thể trao đổi thảo luận và quán xuyến công việc của nhau trong quá trình học tập. Như vậy việc kê bàn ghế theo nhóm phải linh hoạt tránh gượng ép. Có thể là trên một bộ bàn ngồi 8 em sẽ được chia thành 2 nhóm, mỗi nhóm 4 em, hoặc ngồi theo bàn ghế truyền thống nhưng đến khi trao đổi nhóm thì có thể quay lại để trao đổi học tập...

- Vị trí đặt bàn ghế các nhóm phải thuận lợi cho việc đi lại của giáo viên và học sinh, nên để không gian trong lớp mà giáo viên có thể đi lại được xung quanh lớp học.

- Điều chỉnh những đồ đạc không cần thiết được cất đi khi tổ chức hoạt động, không nên bày nhiều thứ làm giảm không gian của nhóm gây khó khăn khi học tập...

- Chỉ định nhóm trưởng, chỉ định thành viên báo cáo kết quả hoạt động nhóm một cách linh hoạt phù hợp với hoạt động học nhóm.

2. Hướng dẫn học sinh ghi vở

Vở ghi học sinh là tài liệu quan trọng, hỗ trợ cho học sinh trong quá trình học tập. Việc ghi vở phải khoa học, rõ ràng, thiết thực trong quá trình học tập trên lớp cũng như ở nhà. Vở ghi giúp học sinh tái hiện lại những kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập của mình trong quá trình học tập, giúp cho giáo viên cũng như cha mẹ học sinh biết được trình độ nhận thức cũng như kết quả học tập của các em trong quá trình học ở trường phổ thông. Căn cứ vào vở ghi học sinh, giáo viên biết được việc học hành của các em đồng thời có thể sử dụng để đánh giá quá trình học tập của học sinh, điều chỉnh cách học của học sinh sao cho đạt được hiệu quả mong muốn.

Đối với cấp THCS, trong mỗi hoạt động học, giáo viên cần chú ý hướng dẫn ngay từ đầu năm học đầu cấp, rèn luyện cho các em thói quen ghi vở, các hoạt động ghi chép này hoàn toàn chủ động, sáng tạo của học sinh, tránh trường hợp ghi chép một cách máy móc theo ý áp đặt của giáo viên như chép bảng, màn hình... vào vở mà học sinh không hiểu gì.

Để làm được điều này, ngay từ đầu, trong mỗi hoạt động học giáo viên cần lưu ý cho học sinh ghi chép vở trong mỗi hoạt động học theo 4 bước sau đây:

Bước 1: *Ghi chép ý kiến chuyển giao nhiệm vụ hoạt động của thầy (cô) vào vở.* Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm thảo luận xem nhiệm vụ thầy (cô) giao cho đã rõ chưa? Nếu chưa rõ cần có ý kiến phản hồi kịp thời, có những ghi chép bổ sung để điều chỉnh kịp thời việc chuyển giao nhiệm vụ.

Để đạt được hiệu quả cao, giáo viên cần nghiên cứu tìm hiểu kỹ bài học, các câu lệnh chuyển giao đến học sinh phải rõ ràng, có mục đích, hợp lý phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh, tránh việc giao nhiệm vụ không rõ

ràng, mập mờ gây ra nhiều ý hiểu khác nhau hoặc những nhiệm vụ mà học sinh không thể làm được (không khả thi).

Nhóm trưởng cùng các bạn hỗ trợ, nhắc nhở bạn bên cạnh trong việc ghi nhiệm vụ này vào vở cá nhân.

Bước 2: *Ghi chép ý kiến cá nhân của mình về nhiệm vụ của nhóm vào vở.* Trong bước này cần cho học sinh thời gian để các em suy nghĩ độc lập về nhiệm vụ học tập cũng như suy nghĩ cá nhân cách giải quyết vấn đề theo ý kiến chủ quan và trình độ của học sinh.

Khâu này đòi hỏi sự kiểm tra đôn đốc hoạt động của nhóm trưởng đến các thành viên của nhóm. Trong bước này, mỗi thành viên đều phải có ý kiến ghi vở. Học sinh có thể nhiều ý kiến hoặc ít ý kiến, nhưng bắt buộc mỗi thành viên phải có tối thiểu một ý kiến ghi vở (dù ý kiến đó là đúng hay sai) thì sau đó nhóm trưởng mới được quyền cho các bạn thảo luận nhóm.

Như vậy trước khi thảo luận nhóm thì mỗi thành viên trong nhóm phải có ý kiến của mình để thảo luận, tránh trường hợp có bạn trong nhóm chưa có ý kiến đã thảo luận.

Bước 3: *Ghi chép ý kiến giống và khác nhau của các bạn trong nhóm vào vở trong quá trình thảo luận.* Trong khi thảo luận, nhóm trưởng cho các thành viên trình bày ý kiến cá nhân (đã ghi trong vở ghi cá nhân). Mỗi nhóm cần có một quyển vở cho để ghi các ý kiến của nhóm về nhiệm vụ được giao.

Giáo viên chú ý hướng dẫn cho học sinh ghi vào vở những ý kiến giống nhau (thống nhất) và ý kiến khác nhau (không thống nhất) của các bạn trong nhóm vào vở. Ở đây chú ý những ý kiến khác nhau sau này rất có thể là ý kiến đúng về kiến thức khoa học.

Bước 4: *Ghi chép phương án trình bày kết quả hoạt động (báo cáo) của nhóm.* Từng thành viên đưa ra ý kiến về cách trình bày kết quả hoạt động của nhóm, thảo luận và chọn phương án báo cáo. Ví dụ khi báo cáo dùng giấy A0, giấy A4 và đèn chiếu, các slide hỗ trợ hay chỉ báo cáo miệng....

Giáo viên cần hướng dẫn, giúp đỡ các em những ý tưởng trình bày kết quả của mình, tránh trường hợp máy móc, áp đặt chung một biểu mẫu sẵn có.

Chú ý: Khi cần báo cáo hoạt động của nhóm, giáo viên nên chỉ định một học sinh (một em nào đó, nhất là các em chưa tự tin) để báo cáo. Có như vậy mới khuyến khích các em trong nhóm trách nhiệm kiểm tra lẫn nhau và giúp đỡ bạn trình bày ý kiến của nhóm mình.

Trong quá trình hoạt động nhóm, giáo viên nên tránh:

- Nói to trước lớp, trình chiếu, hoặc giảng giải vấn đề... làm mất tập trung hoạt động của nhóm.

- Nói vu vơ và đi lại quá nhiều trong lớp học không rõ mục đích.

Giáo viên cần:

- Chọn vị trí đứng, quan sát hoạt động của các nhóm và từng em, phát hiện kịp thời khi học sinh gặp khó khăn cần hỗ trợ hoặc thông báo. Lúc này giáo viên không được âm ỉ mà có trách nhiệm lắng nghe đến nhóm hỗ trợ để tìm hiểu, hỗ trợ, gợi ý giúp các em vượt qua khó khăn, tuyệt đối không giảng giải, làm hộ các em... (chú ý chọn vị trí đứng để thường xuyên bao quát được tất cả lớp).

- Bỏ thói quen “gà bài” cho học sinh, khẳng định chân lý, chốt kiến thức cho các nhóm khi các em đang hoạt động nhóm, chưa báo cáo nhóm...

3. Kỹ thuật ghi bảng giáo viên

Bảng là một thiết bị rất hữu hiệu, thiết thực của lớp học trong quá trình dạy học. Dù sau này các kỹ thuật và phương pháp dạy học có tân tiến đến đâu thì bảng vẫn là dụng cụ gần gũi, thiết thực hỗ trợ giáo viên và học sinh trong quá trình học tập ở mọi nơi mọi chỗ.

Việc sử dụng bảng sao cho có hiệu quả hoàn toàn phụ thuộc vào chiến thuật tổ chức các hoạt động dạy học của giáo viên.

Giáo viên không nên ghi bảng theo một cấu trúc vô vị không cần thiết, không giúp được cho người học trong quá trình nhận thức.

Bảng trước đây được dùng để ghi tóm tắt, những ý kiến cần khắc sâu trong bài học để học sinh chép vào vở ghi về nhà để học. Cũng có khi bảng là nơi để học sinh hay nhóm học sinh trình bày những ý kiến của mình trong quá trình học tập.

Để sử dụng bảng hiệu quả, giáo viên nên tránh:

- Viết các tiêu đề một cách hình thức, không có nội dung khoa học, bài nào cũng giống bài nào.

- Dùng bảng như là bình phong để treo bảng phụ và các tài liệu khác mà đáng lẽ ra giáo viên hoặc học sinh có thể kẻ, vẽ nhanh được trên bảng...

- Không sử dụng gì đến bảng trong quá trình dạy học như là muốn thay thế nó bằng một cái khác như bảng phụ, sơ đồ bằng giấy A0 hoặc trình chiếu trên máy vi tính gây lãng phí không cần thiết...

Giáo viên cần:

- Ghi bảng khi thấy cần thiết như nội dung hoạt động chung cả lớp, tên bài học, các nhiệm vụ chuyển giao cho học sinh, các ý kiến của học sinh (nếu cần thiết) và hệ thống hóa kiến thức, những gợi ý hoạt động như cách thức hoạt động, yêu cầu thiết bị và học liệu cũng như sản phẩm của hoạt động...

- Ghi những điểm cần khắc sâu như công thức, mệnh đề... để các em lưu ý khi hệ thống hóa kiến thức. Tránh ghi trùng lặp kiến thức đã có ở bảng phụ, slide và các tài liệu khác một cách quá thái không cần thiết.

- Chọn màu phấn cho thích hợp, thẩm mỹ...

- Chia bảng có ranh giới không gian sử dụng: những kiến thức hình thành ghi ở bên trái, những kiến thức đã có, hướng dẫn học ghi ở bên phải bảng hoặc theo những ý tưởng sáng tạo khác sao cho hiệu quả (Chẳng hạn dùng đồ tư duy...).

4. Tổ chức hoạt động khởi động

Hoạt động khởi động rất cần thiết trong dạy học nhằm phát triển năng lực cho học sinh, phát triển năng lực tư duy nêu đề giải quyết vấn đề.

Hoạt động này cần tạo ra những tình huống, những vấn đề ở đó người học cần được huy động tất cả các kiến thức hiện có, những kinh nghiệm, vốn sống của mình để cố gắng nhìn nhận và giải quyết theo cách riêng của mình và cảm thấy thiếu hụt kiến thức, thông tin để giải quyết.

Như vậy, hoạt động “khởi động” nêu vấn đề là một hoạt động học tập, nhiệm vụ chuyển giao của giáo viên phải rõ ràng, học sinh phải được bày tỏ ý kiến riêng của mình cũng như ý kiến của nhóm về vấn đề đó cũng như việc trình bày báo cáo kết quả.

Tuy nhiên, một số giáo viên còn lạm dụng hoạt động này. Chẳng hạn như tổ chức trò chơi, hát múa mà không ăn nhập với bài học hoặc chỉ là để “vào bài” với cái tên bài học mà ai cũng biết.

Để tổ chức hiệu quả hoạt động này, giáo viên tránh:

- Cho học sinh hoạt động trò chơi, múa hát không ăn nhập với bài học, nhất là lạm dụng Hội đồng tự quản để điều khiển việc này.

- Lựa chọn các tình huống không đắt giá dẫn đến các em có thể trả lời được một cách dễ dàng với các câu hỏi đặt vấn đề đơn giản (vấn đề với câu lệnh what?)...

- Thời gian cho hoạt động này quá ít vì chưa coi đó là một hoạt động học tập, chưa cho các em suy nghĩ, bày tỏ ý kiến của mình.

- Cố gắng giảng giải, chốt kiến thức ở ngay hoạt động này!

Giáo viên cần:

- Coi hoạt động này là một hoạt động học tập, có mục đích, thời gian hoạt động và sản phẩm hoạt động.

- Chuyển giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể phù hợp với đối tượng học sinh, lựa chọn các tình huống, những câu hỏi đắt giá để giúp học sinh động não (vấn đề với câu lệnh why?)...

- Bố trí thời gian thích hợp cho các em học tập, bày tỏ quan điểm cũng như sản phẩm của hoạt động.

5. Hệ thống hóa kiến thức bài học

Khâu quan trọng trong bài học là hệ thống hóa kiến thức được hình thành trong bài học. Thông thường giáo viên tổ chức hoạt động này trong mục “Hình thành kiến thức” hoặc “Luyện tập”. Theo tôi, tốt nhất là cần tổ chức hoạt động hệ thống hóa kiến thức cho học sinh trong mục “Luyện tập”.

Trước đây chúng ta hay dạy học theo kiểu vấn đáp, trình bày bài học là ý kiến của giáo viên theo một chuỗi các câu hỏi liên tục phối hợp với sử dụng trang thiết bị dạy học và học liệu. Để giải quyết được vấn đề này sách đã viết sẵn cho giáo viên và học sinh cần phải theo. Hết từng mục đều có sự chốt kiến thức, vận dụng. Với thời lượng 1 tiết, học sinh khó lòng chủ động học tập, khó lòng được hợp tác nhóm và trình bày quan điểm của mình, dẫn đến đa số là tiếp thu một cách thụ động bằng ghi chép thụ động, giảng giải một chiều.

Theo quan điểm hiện nay, trong bài học người giáo viên cần hệ thống hóa kiến thức. Bài học bây giờ có thể một chủ đề dạy học gồm các tiết học với các nội dung đòi hỏi người giáo viên phải chọn thời điểm thích hợp để hệ thống hóa kiến thức đảm bảo sao cho đạt được mục tiêu của bài học, đó là bài học phải đạt được mục tiêu của chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông quy định.

Thật tiếc là nhiều giáo viên trong quá trình dạy học luôn bị động và không tổ chức hoạt động hệ thống hóa kiến thức cho người học.

Theo tôi để tổ chức hệ thống hóa bài học, giáo viên nên làm như sau:

Thảo luận chung toàn lớp về những kiến thức mới được hình thành ở hoạt động “hình thành kiến thức” với những vấn đề mà các em phát hiện ra ban đầu ở hoạt động “khởi động” nêu vấn đề. Trên cơ sở đó giáo viên có những nhận xét đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm, hoặc từng cá nhân học sinh, lựa chọn và ghi vào “sổ tay lên lớp” của mình. Đây chính là thời điểm hay nhất để giúp

giáo viên có sự nhìn nhận, đánh giá, rút kinh nghiệm sự tổ chức hoạt động của mình.

Giáo viên phải là trọng tài, giám khảo để chốt lại kiến thức, giúp các em nhận thức ra chân lý. Nếu các em còn gặp khó khăn cần sử dụng các kỹ thuật hoặc phương pháp để trợ giúp các em, thậm chí cần giảng giải đưa ra những minh chứng thực tiễn về vấn đề đó, hoặc tiếp tục cho các em nghiên cứu tìm hiểu ở ngoài lớp học....

Giáo viên cần chú ý, khi chưa học xong “hình thành kiến thức” thì không nên chốt kiến thức nhất là hoạt động “khởi động”, và cũng không nên chốt kiến thức một cách rời rạc, cắt đoạn... thiếu tính hệ thống vừa tốn thời gian lại vất vả cho các người dạy và người học.

Hãy “cứ để yên xem sao”, tức là các em hoạt động cho đến khi xong mục “hình thành kiến thức” mới soi xét lại vấn đề và hệ thống hóa kiến thức cho người học.

6. Kết thúc và hướng dẫn giao nhiệm vụ về nhà

Nhiệm vụ này rất quan trọng nhưng hình như giáo viên chúng ta chưa quán triệt rõ tư tưởng của hoạt động này. Đa số giáo viên mãi dạy đến lúc trống “tùng” mới giắt mình giao nhiệm vụ về nhà và kết thúc lớp học bằng cách yêu cầu học sinh học thuộc cái này và làm bài tập kia trong sách giáo khoa hoặc sách bài tập.

Theo tôi, trong giờ dạy, người giáo viên cần chủ động kết thúc và giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh. Thông thường ít nhất 3 đến 5 phút trước khi kết thúc tiết dạy (nếu không tiếp tục dạy ở tiết sau), giáo viên cần cho các em dừng việc học tập ở trên lớp lại, có thể lúc đó công việc trên lớp vẫn còn dang dở.

Vấn đề là ở chỗ cần xử lý tình huống sư phạm như thế nào cho từng nhóm, từng em ở trong lớp. Giáo viên cần căn cứ kết quả và tiến độ hoạt động của từng nhóm học sinh để giao việc về nhà cho học sinh. Việc học tập ở nhà (ngoài lớp) có thể hướng dẫn:

a) Đối với các nhóm hoạt động còn dang dở: Tiếp tục về nhà nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề chưa xong trên lớp, gợi ý các em các thực hiện ở nhà... và vận dụng vào thực tiễn. Yêu cầu các em báo cáo kết quả thực hiện ở nhà thông qua các sản phẩm học tập.

b) Đối với các nhóm đã thực hiện xong: Cần giao nhiệm vụ cho các em tiếp tục vận dụng thực tiễn, đề xuất các phương án khác đã có trong bài học. Yêu cầu các em báo cáo kết quả thực hiện ở nhà thông qua các sản phẩm học tập.

Không nên giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh bằng những câu hỏi, bài tập có tính chất học thuộc lòng máy móc, mà nên lựa chọn những tình huống, nhiệm vụ học tập bổ ích liên quan đến thực tiễn đòi hỏi các em phải hợp tác với cộng đồng để tìm tòi, khám phá.

7. Hoạt động thực hành thí nghiệm

Đây là một hoạt động học quan trọng chủ đạo đối với các môn KHTN nhất là các môn có nhiều thí nghiệm thực hành như Vật lí, Hoá học, Sinh học.... Hoạt động này giúp HS trải nghiệm, học thông qua thực hành, tạo tiền đề cho HS làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học, điển hình là học theo phương pháp "Bàn tay nặn bột". Ở đây HS có thể tự làm thí nghiệm, hoặc làm thí nghiệm theo nhóm.

Khi tổ chức hoạt động này, GV cần:

- Chuyển giao nhiệm vụ, cho HS xây dựng phương án thí nghiệm (bố trí thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm, mẫu báo cáo), dự đoán kết quả.
- Hướng dẫn an toàn thí nghiệm, nơi bố trí thí nghiệm và thu dọn dụng cụ thí nghiệm.
- Hướng dẫn cách thu thập thông tin, phân tích kết quả và ghi báo cáo, cách trình bày báo cáo.
- Cho HS thảo luận, tính khả thi, an toàn thí nghiệm trước khi làm thí nghiệm.

Giáo viên nên tránh:

- Thực hành thí nghiệm thay cho HS (trừ thí nghiệm biểu diễn trên lớp);
- Áp đặt HS làm thí nghiệm theo kịch bản đã sắp đặt trước của GV.

8. Kỹ thuật theo dõi HS đánh giá quá trình học tập.

Theo dõi đánh giá HS trong quá trình học tập là một trong những khâu quan trọng trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Ở đây, GV được quan sát, "mục sở thị" các hoạt động, cử chỉ, hành vi, tác phong của các em trong quá trình học ở lớp học cũng như tự học ở ngoài lớp học (nếu quan sát được). Căn cứ vào sản phẩm học tập và thái độ học tập, GV đánh giá được sự tiến bộ của HS, đánh giá được khả năng vận dụng giải quyết tình huống vào thực tiễn.

Để theo dõi đánh giá quá trình học tập của HS, GV cần:

- Có sổ theo dõi quá trình học tập, ở đó ghi có ghi những lưu ý, chú ý về khả năng phát triển cũng như các hạn chế của từng em trong quá trình học tập.
- Theo dõi đánh giá khả năng nhận thức, thái độ học tập thông qua hoạt động học: tiếp nhận nhiệm vụ, tự học cá nhân, trao đổi thảo luận, tư duy sáng tạo học tập và trình bày sản phẩm học tập, các kỹ năng thao tác thực hành...
- Nên chuẩn bị các tiêu chí đánh giá, phân tích hướng dẫn cho HS cách tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau.
- Thường xuyên tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau thông qua tổ chức trò chơi học tập, đánh giá sản phẩm học tập,
- Thường xuyên xem vở ghi của HS, phát hiện những điểm yếu kém của HS, động viên khích lệ sự cố gắng, nỗ lực tiên bộ của HS so với bản thân các em.
- Đa dạng hoá các hình thức và phương pháp đánh giá...

GV cần tránh:

- Không ghi chép, đánh giá HS theo cảm tính không có minh chứng kết quả học tập.
- Thiên vị, không tạo cơ hội cho các em được đóng vai, nhất là khi tổ chức học hợp tác như làm nhóm trưởng, thư ký nhóm,...
- Bỏ qua những HS bị bỏ rơi, lười học tập mà không tìm hiểu nguyên nhân, không có sự trợ giúp kịp thời.
- Bỏ quên những sản phẩm học tập tự làm ở nhà của HS...

9. Sử dụng CNTT trong hỗ trợ tổ chức hoạt động học

Dạy học có ứng dụng CNTT giúp GV thuận lợi trong tổ chức hoạt động học. Những phần mềm, tranh ảnh, sơ đồ, mô hình mẫu vật, thí nghiệm mô phỏng, video... có tác dụng thiết thực trong quá trình dạy học.

GV chỉ nên sử dụng CNTT để thay thế các thiết bị, thí nghiệm mà thực tế khó thực hiện, mang tính nguy hiểm... hoặc không thực hiện được: phản ứng hạt nhân, mô phỏng chuyển động của các hành tinh...

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn GV quá lạm dụng CNTT vào dạy học. Bài học trở thành bài "trình chiếu", thuyết trình đơn điệu, chưa thực sự có tác dụng giúp và hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập.

Khi sử dụng CNTT tổ chức hoạt động học, GV cần:

- Chuẩn bị chu đáo các thiết bị CNTT để hỗ trợ: phần mềm, máy tính,

- Chỉ nên hỗ trợ trình chiếu khi chuyển giao nhiệm vụ, khi cần thuyết trình giải thích hoặc khi hệ thống hoá kiến thức bài học...

- Chọn lọc âm thanh, hình ảnh, trích đoạn clip... phù hợp với cách tổ chức hoạt động.

GV nên tránh:

- Dạy học theo kiểu trình chiếu, thuyết trình cả bài;

- Trình chiếu trong lúc học sinh học cá nhân, thảo luận nhóm....
